Số 129 - Năm thứ 12 -Tháng 09.99

ISSN 1145-9557

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: http//www. thongluan.org ❑ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận :

Một khúc quanh quan trọng cho Việt Nam

Ngày 25-7-1999, hai chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ đã đạt tới một thỏa ước thương mại song phương sau ba năm thương thuyết.

Những khó khăn dồn dập đã buộc ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chấp nhận những điều kiện mà từ trước họ vẫn quyết liệt bác bỏ, coi như những can thiệp quá đáng vào chủ quyền quốc gia. Văn bản chung quyết sẽ còn cần được hoàn tất, tuy nhiên vào lúc này, dựa theo những tiết lộ của quan chức hai bên, chúng ta đã có thể nhìn thấy những nét chính: Hà Nội chấp nhận hạ thấp giá biểu quan thuế đối với hàng nhập cảng; giản dị hóa thủ tục xuất nhập cảng; bãi bỏ phần lớn những độc quyền dành cho nhà nước và các công ty quốc doanh; cải tổ hệ thống phân phối, truyền thông và nhất là ngân hàng; mở cửa thị trường Việt Nam cho các công ty nước ngoài; để các xí nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được tự do tuyển dụng nhân viên mà không cần qua trung gian nhà nước; tôn trọng bản quyền tác giả và nhãn hiệu, v.v...

Thỏa ước thương mại song phương này, nếu được quốc hội hai nước phê chuẩn và sau đó được thi hành đúng đắn, sẽ mau chóng giúp Việt Nam được hưởng qui chế quan hệ thương mại bình thường với Mỹ. Nó cũng là một bước tiến giúp Việt Nam sớm gia nhập Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế (WTO). Kết quả cụ thể và tích cực nhất của thỏa ước là sẽ mở cửa thị trường to lớn của Hoa Kỳ cho hàng hóa và dịch vụ Việt Nam. Năm nay Việt Nam xuất cảng sang Mỹ gần 500 triệu USD, theo dự đoán của các chuyên gia Ngân Hàng Thế Giới, ngay trong năm đầu áp dụng thỏa ước con số này sẽ tăng gấp đôi và từ năm 2003 trở đi, xuất cảng sang Mỹ sẽ chiếm khoảng 70% tổng số xuất cảng của Việt Nam. Cùng với ngoại thương, những biện pháp cải tổ mà Hà Nội đã cam kết trong thỏa ước này cũng sẽ giúp Việt Nam lôi kéo thêm đầu tư nước ngoài, nhất là từ Mỹ.

Như thế, nếu được thực hiện đúng đắn, thỏa ước thương mại này là một cơ may lớn cho Việt Nam. Nó sẽ đem lại cho kinh tế Việt Nam một sức bật và một sinh khí mới vào giữa lúc mà sự suy thoái đã đạt tới một mức độ báo động và đang trầm trọng thêm. Chính vì thế mà dưới mắt một số người, thỏa ước này có tác dụng của một cái phao cấp cứu đối với một chế độ độc tài đang bị đẩy sát vào chân tường. Cách nhìn này dựa trên một cảm nghĩ và một xác tín.

Cảm nghĩ là một lần nữa chế độ cộng sản lại thắng lợi và thoát hiểm. Họ đã lừa được chính quyền Mỹ và đã bình thường hóa hoàn toàn được quan hệ với nước cuối cùng và cũng là cường quốc thứ nhất của thế giới, chỗ đứng chính trị của họ trên thế giới từ nay hoàn toàn chắc chắn. Nhưng sự thực là từ sau ngày 30-4-1975 một giai đoạn đã chấm dứt hẳn và một giai đoạn hoàn toàn mới đã mở ra. Tư cách pháp lý của chế độ cộng sản đã được cả thế giới nhìn nhận. Mọi quốc gia trên thế giới đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao với chế độ cộng sản. Ngay cả Hoa Kỳ cũng chưa bao giờ phủ nhận tư cách pháp lý của chế độ cộng sản Việt Nam. Nếu những người lãnh đạo Hà Nội khôn khéo hơn đôi chút, họ đã có thể bình thường hóa quan hệ ngoại giao và thương mại với Hoa Kỳ từ lâu rồi. Việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao và thương mại giữa hai nước như vậy không hề đem lại cho chế độ cộng sản Việt Nam một thế đứng chính trị mới nào. Trái lại, đối với những người dân chủ Việt Nam, nó còn là một yếu tố có lợi. Nó khiến mọi người Việt Nam ý thức rằng lịch sử đã hoàn toàn sang trang và cuộc đấu tranh vì dân chủ là một cuộc đấu tranh hoàn toàn mới. Chúng ta đã mất quá nhiều thời giờ, đã phí tổn quá nhiều công sức và đã bỏ lỡ nhiều cơ hội quan trọng vì đã không ý thức được một cách rõ rệt rằng cuộc vận động dân chủ hiện nay hoàn toàn không phải là cái đuôi của một cuộc chiến đã chấm dứt từ lâu.

Xác tín là chế độ cộng sản lại sẽ bội ước thêm một lần nữa. Khẳng định này rất sai vì sự hời hợt của nó. Một thỏa ước thương mại khác hẳn với một hiệp ước đình chiến. Một hiệp ước đình chiến nhằm chấm dứt một xung đột mà người ta không muốn kéo dài nữa, trái lại một thỏa ước thương mại có mục đích mở ra một tương lai mà cả hai bên đều mong muốn, nhưng trong đó luôn luôn có một bên cần, hoặc rất cần, và một bên không cần hoặc không cần lắm; nói cách khác một bên ở thế yếu và một bên ở thế mạnh. Khi bội ước một thỏa ước thương mại người ta làm một việc cực kỳ ngu xuẩn là vô hiệu hóa tất cả những cố gắng đã đổ ra để đạt tới thỏa ước. Phe đối tác có khả năng phản ứng tức khắc bằng cách rất giản dị là cũng không thực hiện những cam kết và gây những thiệt hại lớn. Trong một thỏa ước thương mại, kẻ có khả năng bội ước là kẻ mạnh (và không cần) chứ không phải là kẻ yếu (và cần). Nếu chính quyền cộng sản không ý thức được điều này họ

sẽ bị thức tỉnh một cách rất đau đớn: 70% ngoại thương của Việt Nam vẫn chưa bằng 1% ngoại thương của Hoa Kỳ. Trong giả thuyết hai bên chấm dứt hợp tác vì có xung đột, Việt Nam sẽ bị khủng hoảng nặng nề trong khi Hoa Kỳ không hề hấn gì. Nhưng ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã ý thức được điều đó, chính vì thế mà họ đã dùng dằng, lưỡng lự trong nhiều năm và đã chỉ nhượng bộ khi không còn chọn lựa nào khác.

Nếu nhìn một cách bình tĩnh, ta sẽ thấy thỏa ước thương mại song phương này đặt chế độ cộng sản trước những khó khăn rất lớn mà họ chỉ có rất ít hy vọng có thể vượt qua.

Trước hết cần lưu ý rằng đầu năm nay, trước khi ký kết thỏa ước này, chế độ cộng sản đã làm một nhượng bộ rất quan trọng đối với các định chế tín dụng quốc tế, đó là công bố ngân sách nhà nước. Từ đây việc sử dụng ngân sách nhà nước để tài trợ hoạt động của đảng cộng sản và các tổ chức ngoại vi có thể bị Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế chế tài tức khắc bằng cách cắt các khoản tài trợ. Vì quá thiếu thốn, đảng cộng sản đã phải chấp nhận nhượng bộ này để được tiếp tục tài trợ, nhưng như thế họ đã tự tròng thòng lọng vào cổ. Những cam kết trong thỏa ước Việt Mỹ, mà họ sẽ phải tôn trọng, đã đến đúng lúc để chặn những lối thoát khác của họ.

Sinh hoạt kinh tế sẽ phải được cải tổ để hoạt động một cách hợp lý hơn. Việc các xí nghiệp nước ngoài được tự do tuyển chọn công nhân sẽ tạo ra một số đông người hoàn không lệ thuộc chính quyền mà còn được bảo vệ chống lại những đàn áp vô cớ. Việc bãi bỏ những độc quyền và mở cửa thị trường Việt Nam cho cạnh tranh sẽ buộc mọi xí nghiệp, trước hết là các xí nghiệp quốc doanh, phải rà soát lại cách quản lý, thay đổi thiết bị, huấn luyện lại công nhân và nhất là sa thải những người không thực sự cần thiết, những người này chủ yếu là đảng viên làm công tác đảng hoặc do đảng ép buộc xí nghiệp phải tuyển dụng. Việc cải tổ lại hệ thống ngân hàng để cấp phát tín dụng theo các tiêu chuẩn lợi nhuận khách quan thay vì theo chỉ thị chính trị cũng sẽ làm đảng mất đi một dụng cụ kiểm soát kinh tế tối cần thiết.

Các xí nghiệp quốc doanh, đảng doanh, quân doanh, công an doanh từ đây sẽ phải cạnh tranh với các xí nghiệp nước ngoài, sẽ phải làm ăn nghiêm túc hơn thay vì sống nhờ đặc quyền và bao cấp, đa số sẽ phá sản. Sự phá sản của các xí nghiệp này có thể kéo theo sự sụp đổ của chính chế độ, bởi vì chúng là xương sống của đảng, quân đội và công an. Ngân sách nhà nước sẽ không còn tài trợ được cho đảng nữa vì đã trở thành công khai, nhưng ngay cả đường dây theo đó ngân sách tài trợ cho các xí nghiệp quốc doanh, rồi các xí nghiệp quốc doanh tài trợ cho đảng cộng sản cũng không còn tiếp tục được nữa. Việc cải tổ các xí nghiệp cũng sẽ làm hàng trăm ngàn người bị sa thải, cộng thêm với con số một triệu rưỡi người đến tuổi lao động hàng năm. Đảng cộng sản có thể sẽ phải đương đầu với một làn sóng phẫn nộ như tại Thái Bình, nhưng lần này những điểm nóng là các thành phố. Mới thoạt nhìn các cam kết chỉ là những cam kết về kinh tế, nhưng nhìn một cách thấu đáo hơn chúng có những hệ quả chính trị rất quan trọng. Không phải là một sự ngẫu nhiên mà bộ trưởng Trương Đình Tuyên, người đại diện Việt Nam trong cuộc thương thuyết thỏa ước thương mại Việt Mỹ, coi giai đoạn trước mắt là một giai đoạn chuyển tiếp. Nhưng chuyển tiếp về cái gì nếu không phải là một giai đoạn đầy bất trắc cho sự tồn vong của chế độ cộng sản?

Cũng đừng quên yếu tố thời gian. Trong trung hạn, dĩ nhiên thỏa ước thương mại này có lợi cho Việt Nam, và do đó chúng ta phải hoan nghênh, nhưng trong ngắn hạn nó sẽ gây những xáo trộn lớn, và nhất là những khó khăn lớn cho chế độ cộng sản. Đầu tư sẽ đến, nhưng sớm lắm cũng sẽ chỉ đến sau một hoặc hai năm, trong khi hậu quả tức khắc là sự giảm sút thuế nhập cảng, nguồn thu chính của ngân sách, vào đúng lúc mà chính quyền cần tài nguyên nhất.

Và cũng đừng quên là từ nhiều năm nay xung đột đã xảy ra khắp nơi giữa chính quyền và dân chúng. Thái Bình là biến cố lớn nhất, nhưng chỉ là một trong hàng ngàn biến cố cùng bản chất. Chính quyền đã đối phó bằng cách xoa dịu và hứa hẹn, những hứa hẹn cũng giống như vay nợ, và nợ đã chồng chất. Xã hội Việt Nam có thể bùng nổ bất cứ lúc nào.

Trước viễn ảnh đầy đe dọa đó đảng cộng sản lại đang khủng hoảng nặng trong nội bộ. Từ hơn một năm nay hầu như đảng không còn lãnh đạo. Cả đảng lẫn nhà nước chỉ làm việc trong tinh thần xử lý thường vụ. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương họp hai lần vẫn không mảy may giải quyết được mục tiêu đề ra là cải tổ nhân sự. Hội nghị lần thứ bảy cũng không hơn. Các thế lực kình chống nhau trong đảng đã đạt tới một thế quân bình lực lượng, trong đó không phe nào khuất phục nổi phe nào. Họ chỉ đồng ý với nhau về một thực tế không thể chối cãi là phải giảm bớt số nhân viên của đảng và nhà nước từ các ban của bộ chính trị, ban chấp hành trung ương đến các chi bộ địa phương, từ văn phòng chính phủ đến các bộ, các tỉnh, thành phố, quận, huyện. Nhưng sa thải ai và giữ lại ai là cả một vấn đề không có giải đáp. Tình trạng bế tắc này có thể sẽ phải kết thúc bằng một cuộc đảo chính.

Tình hình mới này đòi hỏi các lực lượng dân chủ một cách nhìn mới và một chiến lược mới. Trước hết phải dứt khoát từ bỏ những cố gắng nhằm cô lập Việt Nam, chỉ có hại cho đất nước và đồng bào mà không giải quyết được gì cả. Trái lại phải khuyến khích và vận động để gia tăng tối đa những trao đổi giữa Việt Nam với thế giới. Chính qua những trao đổi này sẽ mở tung cánh cửa bưng bít của chế độ, làm thay đổi xã hội và con người Việt Nam theo chiều hướng có lợi cho cuộc vận động dân chủ.

Sau đó cần đặt trọng tâm vào nỗ lực hình thành một đối lập dân chủ có tầm vóc theo hai hướng: hướng thứ nhất là kết hợp trong một mặt trận chung những tổ chức dân chủ hải ngoại cùng theo đuổi một lập trường với cùng những phương pháp, hướng thứ hai là đưa các hoạt động dân chủ trong nước từ phản kháng cá nhân lên trình độ đối lập có tổ chức.

Giai đoạn trước mắt là một cơ hội lớn cho những người dân chủ. Nhưng một cơ hội chỉ thực sự là một cơ hội cho những người đã chuẩn bị sẵn sàng để chờ đợi nó. Kinh nghiệm của những năm vừa qua ít ra cũng đã cho phép chúng ta rút ra một kết luận: những người muốn đổi mới trong đảng cộng sản tuy đông đảo nhưng không nắm được vai trò quyết định và cũng không đủ quyết tâm. Chúng ta không thể chờ đợi một chuyển biến lớn từ nội bộ chế độ. Thiếu một tập hợp dân chủ mạnh thì dù có chao đảo đến đâu chế độ vẫn còn đó để tiếp tục tự phân hóa và làm phân hóa đất nước.

Thông Luận

Quan điểm

Thỏa ước Thương mại Việt-Mỹ

Sau tám lần đàm phán, lần đầu tiên từ năm 1996, hai bên Việt-Mỹ đã đi đến thỏa thuận, vào ngày 25-7-1999 tại Hoa Thịnh Đốn, về một thỏa ước thương mại song phương. Thỏa ước này sẽ có hiệu lực khi được quốc hội của hai bên thông qua vào tháng 10 sắp tới. Các quan sát viên cho rằng, về phía Việt Nam, do chế độ độc tài, thỏa ước chắc chắn sẽ được quốc hội Việt Nam thông qua; còn về phía Hoa Kỳ, mặc dầu sẽ có một số dân biểu thuộc Đảng Cộng Hòa chống đối, quốc hội Hoa Kỳ cũng sẽ thông qua thỏa ước này.

Khó khăn cho chính phủ của tổng thống Clinton là việc vận động để quốc hội Hoa Kỳ cấp cho Việt Nam Quy chế Thương mại Bình thường (Normal Trade Relation, viết tắt NTR; trước đây gọi là Quy chế Tối huệ Quốc) như họ đã cấp, mỗi năm một lần, cho hàng trăm nước khác. Lý do là vì ngoài việc tôn trọng các thỏa ước thương mại, quốc hội Mỹ thường đặt thêm điều kiện cho nước muốn được cấp quy chế này là phải tôn trọng nhân quyền. Họ đã làm như vậy từ cả chục năm qua đối với Trung Quốc. Khó khăn có thể có là vì năm nay chẳng hạn, có tới 170 dân biểu Mỹ chống gia hạn cho Trung Quốc (so với số 260 dân biểu ủng hộ) mặc dầu quyền lợi kinh tế của Mỹ tại Trung Quốc có thể gấp hàng chục lần Việt Nam. Nếu không được hưởng quy chế bình thường thì Thỏa ước Thương mại Việt-Mỹ không có lợi gì nhiều cho Việt Nam cả. Vì, trong trường hợp này, hàng hóa Việt Nam nhập cảng vào Mỹ vẫn sẽ bị thuế rất cao, không thể nào cạnh tranh nổi với hàng của các nước khác.

Trong năm 1998, số sản phẩm Việt Nam bán sang Mỹ chỉ khoảng 500 triệu USD, một con số rất nhỏ, không đáng kể gì đối với thị trường Mỹ. Về thương mại, Việt Nam cần Mỹ chứ Mỹ không cần Việt Nam. Với tình trạng kinh tế suy sụp, Việt Nam đã buộc phải chấp nhận hầu hết các điều kiện của kinh tế thị trường ghi trong hiệp định. Điều này trái ngược với định hướng "xã hội chủ nghĩa" mà phe bảo thủ, giáo điều trong Đảng viện cớ đeo đuổi mà thật ra chỉ là để duy trì đặc quyền, đặc lợi của tầng lớp có chức có quyền, chân tay hay họ hàng của họ. Đối với Mỹ, có thêm một thị trường ở Đông Nam Á là một điều lợi cho các công ty Mỹ trong dài hạn. Hiện nay thị trường Việt Nam không những quá nghèo kém, lại khó khăn vì bệnh quan liêu, bàn giấy và tham nhũng nên thật ra không quan trọng gì đối với các công ty Mỹ. Có thì càng tốt, không có cũng không sao cả.

Nếu Thỏa ước Thương mại Việt-Mỹ được áp dụng, Việt Nam sẽ phải mở cửa thị trường nội địa, cho phép các công ty Hoa Kỳ đầu tư, cạnh tranh trong những điều kiện bình đẳng, với các công ty quốc doanh. Đặc biệt Đảng sẽ phải từ bỏ độc quyền các lãnh vực "béo bở" mà Đảng còn giữ làm của riêng như viễn thông, dịch vụ ngân hàng và phân phối sản phẩm. Cạnh tranh sẽ làm nổi bật hơn nữa tình trạng lỗ vốn, thiếu hiệu năng trầm trọng của gần như toàn bộ xí nghiệp, ngân hàng quốc doanh. Việt Nam sẽ buộc phải từ bỏ cách thức làm ăn tùy tiện do việc các bè phái trong Đảng đã chia nhau từng lãnh vực để lấy của công làm của riêng. Thông tin về kinh tế sẽ phải minh bạch, khó có thể giấu giếm, lờ mờ như tình trạng kinh tế thị trường nửa vời hiện tại. Kinh tế thị trường thật sự sẽ làm xã hội Việt Nam mở ra bên ngoài hơn nữa. Các công ty của các nước thuộc cộng đồng Âu Châu, của Úc... chắc chắn sẽ đòi được quyền làm ăn bình đẳng như những công ty Hoa Kỳ. Mặt khác, muốn được hưởng Quy chế Thương mại Bình thường, chính quyền Việt Nam sẽ phải tôn trọng nhân quyền vì vấn đề này sẽ được đặt ra mỗi năm tại quốc hội Mỹ do áp lực của cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ cũng như của dư luận thế giới.

Đối với những người tranh đấu cho tự do và dân chủ ở Việt Nam, Thỏa ước Thương mại Việt-Mỹ, cũng như việc bỏ cấm vận và bình thường hóa quan hệ ngoại giao trước đây, là một bước tiến tốt về nhiều mặt. Đầu tiên, vì nó có thể tạo thêm khả năng làm ăn, buôn bán và điều kiện để hiểu biết, phấn đấu cho cuộc sống về mọi mặt của người dân Việt, cũng như củng cố chỗ đứng của Việt Nam tại Đông Nam Á. Khả năng này phù hợp với đòi hỏi từ bỏ "định hướng xã hội chủ nghĩa", mở cửa và hội nhập vào cộng đồng thế giới văn minh của những người dân chủ Việt Nam. Thứ đến, vì nó sẽ đặt cho đảng cầm quyền hàng loạt vấn đề mà đa số sẽ là những đối tượng tranh đấu cụ thể giữa độc tài và dân chủ. Viễn tượng này phù hợp với chủ trương tranh đấu chính trị để dân chủ hóa đất nước trong hòa bình của đa số những người dân chủ Việt Nam, ở trong nước cũng như ở ngoài nước.

Có lẽ vì nhận rõ những đe dọa nói trên cho các đặc quyền, đặc lợi bất chính của mình nên phe thủ cựu và các bè phái mafia trong Đảng Cộng Sản đã cản trở việc ký kết Thỏa ước Thương mại trong mấy năm qua. Đến bây giờ, phe thức thời trong Đảng mới thắng thế vì kinh tế Việt Nam đã quá tụt hậu: xuất cảng xuống dốc, đầu tư ngoại quốc giảm hẳn, rất nhiều hãng ngoại quốc đã rút khỏi Việt Nam vì không thấy có triển vọng làm ăn gì ở một nước gần như vô luật lệ do nạn tham nhũng, cửa quyền từ trên xuống dưới...

Đảng Cộng Sản hy vọng, qua việc ký kết thỏa ước thương mại với Mỹ, cứu vãn tình hình, lấy lại lòng tin của các công ty ngoại quốc. Tuy nhiên việc áp dụng thỏa ước này sẽ đặt ra rất nhiều vấn đề cơ bản về bản chất của chế độ. Nếu tiếp tục chế độ độc tài, coi đất nước là của riêng Đảng, với các doanh nghiệp nhà nước làm "chủ đạo", thì Việt Nam sẽ nhanh chóng phá sản vì không thể nào cạnh tranh một cách bình thường trên thị trường Mỹ cũng như trên thị trường nội địa. Không áp dụng Thỏa ước thì tiếp tục sa lầy và trong dài hạn không có lối thoát. Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ còn một đường lối duy nhất để duy trì một phần ảnh hưởng của mình. Đó là đặt quyền lợi của dân tộc lên trên quyền lợi riêng, chấp nhận đổi mới chính trị thật sự để dân chủ hóa đất nước, chấp nhận tôn trọng những nhân quyền cơ bản mà họ đã ký kết trong các văn kiện quốc tế. Đường lối này là cách duy nhất để có thể động viên, phát huy thật sự "nội lực" của dân tộc.

Thỏa ước Thương mại Việt-Mỹ và Quy chế Thương mại Bình thường đang mở ra những thời cơ, vận hội mới cho những người Việt còn thiết tha đến tiền đồ của tổ quốc. Vì sự chống đối của các bè phái mafia và các thành phần thủ cựu, phe thức thời ở trong Đảng khó có thể cứu vãn tình trạng kinh tế, xã hội của đất nước nếu không có được áp lực cùng hướng của các tổ chức dân chủ và các lực lượng tôn giáo của người Việt Nam ở trong và ngoài nước. Tình hình chính trị sẽ phức tạp hơn với thế cài răng lược của các vận động kinh tế-nhân quyền-chính trị. Nhưng mọi khó khăn, trở ngại đều có thể giải quyết được với tinh thần hòa giải, hiểu biết, dựa trên căn bản là tôn trọng, bảo vệ quyền lợi của con người và của đất nước Việt Nam.

Vũ Thiện Hân

Chính trị quốc tế:

Kosovo và Châu Á Thái Bình Dương

Cuộc chiến Kosovo đã có một số ảnh hưởng đến tình hình tại các nước châu Á Thái Bình Dương. Trung Quốc đã có phản ứng mạnh sau khi tòa đại sứ tại Belgrade bị không quân Mỹ oanh tạc vào ngày bảy tháng năm. Một cuộc biểu tình đã được tổ chức trước tòa đại sứ Mỹ tại Bắc Kinh.

Chính phủ Mỹ đã chính thức xin lỗi và bồi thường. Lý do chính đưa ra để giải thích: mục tiêu cuộc oanh tạc này là Tổng Nha phân phối quân nhu cho quân đội Nam Tư, cách tòa Đại sứ Trung Quốc tại Belgrade khoảng 300 thước. Trong cuộc điều trần trước một ủy ban của Hạ Viện, thứ trưởng Quốc Phòng Mỹ và giám đốc CIA cho biết đã dùng hai bản đồ in ra năm 1989 và 1996 bán trên thị trường và một bản đồ do chính phủ Mỹ in năm 1997. Toà đại sứ Trung Quốc cũng như Tổng Nha phân phối quân nhu không có mặt trên ba bản đồ này. Để giải thích nghịch lý này, giám đốc CIA cho biết là các chuyên gia đã dùng một kỹ thuật đặc biệt, dựa trên các bản đồ chỉ đường. Có hai chi tiết mang nặng tính khôi hài của cuộc điều trần này. Một là máy bay B2 oanh tạc tòa đại sứ Trung Quốc cất cánh từ Hoa Kỳ, đã dùng hỏa tiễn không-địa với độ chính xác 10 m, trong khi đó mục tiêu thực sự là Tổng Nha phân phối quân nhu lại cách xa tòa đại sứ Trung Quốc 300m. Không thể đổ lỗi cho trục trặc kỹ thuật hoặc cho phi công như 29 sai nhầm khác của cuộc xuất quân không kích tại Nam Tư. Hai là tòa đại sứ Trung Quốc đã dời sang địa chỉ mới từ năm 1996, nhưng không một nhân viên ngoại giao Mỹ nào làm việc tại Belgrade báo cáo điều này cho chính phủ Mỹ biết.

Những giải thích mù mờ thiếu nghiêm túc này không thuyết phục được ai, lại càng không thuyết phục được chính quyền Trung Quốc. Một số người cho rằng tòa đại sứ Trung quốc là trung tâm tình báo đã cung cấp cho quân đội Serbie những tin tức nóng hổi về các hoạt động quân sự của OTAN, do đó đã bị không lực Hoa Kỳ oanh kích. Các chiến lược gia Trung quốc lại cho rằng sự liên kết của Hoa Kỳ và các đồng minh OTAN trừng phạt Serbie chỉ là sự lặp lại của lịch sử, lịch sử của cuộc chiến tranh nha phiến tại Trung Quốc mà các cường quốc Tây phương đã cấu kết để giành giựt các nhượng địa. Theo họ, sự liên kết của các cường quốc Tây phương vào năm cuối cùng của thế kỷ 20 trong cuộc chiến Kosovo không khác gì sự cấu kết của các nước Tây phương thực dân vào cuối thế kỷ thứ 19. Họ không chấp nhận cũng như không muốn hiểu rằng lý do chính đưa đến cuộc không kích tại Serbie là những vi phạm nhân quyền trắng trợn tại Kosovo.

Họ còn nhìn xa hơn nữa, cho rằng trọng tương lai chính Trung Quốc là nạn nhân của một cuộc chiến mà Hoa Kỳ sẽ lãnh đạo để ngăn chận không cho Trung Quốc chiếm lại đảo Đài Loan, chiếm các quần đảo tại Nam Hải như Trường Sa và gây khó khăn tại Tây Tạng để chận đường tiến của Trung Quốc qua các miền đầy dầu hỏa tại các nước Tây Á và các quốc gia Hồi giáo miền nam nước Nga. Một bằng cớ thực tế nữa đối với các chiến lược gia này là liên minh giữa Hoa Kỳ, Nhật Bản và Đại Hàn đang thành hình để thiết lập một hệ thống phòng thủ chống hỏa tiễn. Việc Đài Loan trong tương lai có thể tham gia liên minh này là một hăm dọa cho Trung Quốc trong ý đồ sáp nhập Đài Loan trong công cuộc thống nhất đất nước. Do đó, Trung Quốc, sau chiến cuộc Kosovo, đã tìm cách khiêu khích Đài Loan để thăm dò ý chí đề kháng của chính quyền này cũng như thăm dò phản ứng của các cường quốc phương Tây, đứng đầu là Hoa Kỳ, trong việc binh vực Đài Loan.

Những tư tưởng lớn thường gặp nhau. Tổng thống Đài Loan, Lý Đăng Huy, cũng muốn dùng chiến cuộc Kosovo để thăm dò phản ứng của Trung quốc và Hoa Kỳ. Nhân danh nhân quyền, các cường quốc đã can thiệp bằng quân sự. Nhân danh dân chủ, quyền can thiệp bằng quân sự có mang tính chính đáng như nhân danh nhân quyền? Từ lý luận này, họ Lý đưa ra một thách đố cho Trung Quốc và Hoa Kỳ bằng cách tuyên bố, vào ngày chín tháng bảy, rằng thống nhất chỉ có thể thực hiện được khi dân chủ được thật sự thiết lập trên toàn lãnh thổ, - nghĩa là trên Hoa Lục vì tại Đài Loan đã có dân chủ rồi-, trong khi chờ đợi, những liên hệ giữa Hoa Lục và Đài Loan phải được thiết lập trên căn bản Quốc gia với Quốc gia (hoặc ít ra giữa Nhà nước với Nhà nước). Đây là một ván phé khá cao tay của tổng thống họ Lý. Hoặc là Trung Quốc không phản ứng gì cả, tức là mặc nhiên công nhận Đài Loan ngang hàng với mình. Hoặc là Trung Quốc phản ứng mạnh và có thể dùng võ lực để xâm chiếm hoặc trừng phạt Đài Loan. Trong kịch bản này, nếu Hoa Kỳ khoanh tay, ngoảnh mặt làm ngơ thì cuộc chiến tại Kosovo nhân danh nhân quyền chỉ là một trò hề.

Trung Quốc lập tức phản ứng. Quân đội các tỉnh Hoa lục giáp giới Đài Loan được đặt trong tình trạng báo động. Năm trăm ngàn lính trừ bị đã được huy động để hỗ trợ quân đội Trung Quốc trong trường hợp cần thiết. Vào trung tuần tháng bảy, hãng Thông tấn Tân Hoa Xã cho biết Trung Quốc đã chế được bom trung hòa tử. Loại bom này có đặc tính là giới hạn hơi thổi và sức nóng của phản ứng hạch tâm, nhưng có tầm phóng xạ rất lớn có thể gây thiệt hại nhân mạng cao hơn bom nguyên tử thường. Đầu tháng tám, Trung Quốc cho biết đã thành công trong việc phóng một hỏa tiễn địa-địa với tầm hoạt động dài có thể đạt tới duyên hải Thái Bình Dương của Hoa Kỳ. Hỏa tiễn này với tên là Đông Phong 31, có tầm hoạt động từ 7.000 đến 8.000 km và có thể chở một đầu đạn nguyên tử nặng 700 g.

Tại Kosovo, xung đột đã xảy ra giữa dân Nam Tư. Hoa Kỳ đã lãnh đạo cuộc chiến và chiến thắng, nhân danh nhân quyền. Cuộc chiến tại eo biển Đài Loan giữa dân Trung Hoa có thể xảy ra. Nhân danh dân chủ, Hoa Kỳ có tham chiến hay không? Nhân quyền và Dân chủ có cùng một trọng lượng, hay bên trọng bên khinh?

Huỳnh Hùng

Bình luận thời sự đất nước

Nhập cuộc hay nhập nhằng?

Bùi Tín

* Đường lối hoà nhập * Luật chơi thay đổi tận gốc * Đổi mới thật sự để nhập cuộc hay trói tim? * * Cuộc sống thôi thúc *

Cuộc họp lần thứ 7 ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam vừa kết thúc. Dư luận trong và ngoài nước quan tâm theo dõi cuộc họp này để xem trước tình hình kinh tế khựng lại, đầu tư giảm sút lớn, thất nghiệp gia tăng, lòng dân không yên... đảng cộng sản chèo chống ra sao?

Thật ra, khó có thể chờ đợi một cuộc thảo luận dân chủ trong cuộc hội nghị trung ương vì trong *chế độ độc đoán* đang ngự trị, mỗi cuộc họp trung ương chỉ là dịp để bộ chính trị gần 20 người và chủ yếu là để ban thường vụ bộ chính trị gồm 5 người đưa ra những chủ trương, chính sách của họ rồi thuyết phục, cưỡng ép gần 180 vị ủy viên trung ương tán thưởng, thông qua. Nếu có ý kiến nào họ cho là gai góc, "nguy hiểm" thì họ có cách: đưa về tổ chừng 15, 20 người để phê phán, lên án, đe dọa hay bóp nghẹt. Đó là sự ứng dụng "tài tình" của dân chủ tập trung, của vô sản chuyên chính. Vô sản chuyên chính chỉ là danh nghĩa, chẳng có nền chuyên chính của giai cấp, cùng chẳng có nền chuyên chính của đảng, chỉ có nền chuyên chính tô hô của một nhóm người đếm trên đầu ngón tay, nhiều lắm là thêm đầu ngón chân.

Nhập cuộc đến đâu rồi ?

Hiện nay thực tế đất nước đặt ra câu hỏi nóng bỏng nhất là: có dứt khoát, mạnh dạn *nhập cuộc* với thế giới sau một thời gian dài tự cô lập mình hay không? Nghị quyết đại hội 6 của đảng đã chủ trương hòa nhập với thế giới từ 13 năm rồi; Việt Nam đã gia nhập tổ chức Đông Nam Á, lập quan hệ ngoại giao bình thường với Hoa Kỳ, Trung Quốc..., đã rút quân khỏi Cambốt, đã xây dựng gần 20 bộ luật mới, tiến hành cải cách hành chính, sắp xếp lại một số cơ sở quốc doanh...

Việc đã làm không phải là ít. Thế nhưng so với *yêu cầu* của việc hòa nhập để tạo nên *thế và lực phát triển* mạnh mẽ, so với *khả năng* nhập cuộc, thì những việc làm vừa qua vẫn còn ít ỏi, tiến trình hội nhập còn rụt rè, thiếu quả đoán và chủ động.

Cần hiểu rõ rằng hòa nhập thật sự với thế giới mới là chủ động, vui vẻ bước vào trong cuộc sống chung của loài người, tự nguyện chấp hành những luật lệ, qui tắc, tập quán chung của thế giới văn minh; đó cũng là bước vào cuộc chơi chung của các quốc gia dân tộc, chấp hành những luật chơi, qui tắc chơi của cộng đồng quốc tế trên các lĩnh vực chính trị, đối ngoại, kinh tế, tài chánh, thương mại; là phấn đấu trở nên một thành viên tích cực, tiên tiến, ít nhất cũng là lương thiện của thế giới.

Nhập cuộc cũng đặt ra yêu cầu mạnh dạn từ bỏ những gì là *lạc hậu, lầm lẫn và sai lầm* của quá khứ, những *gánh nặng và vật cản* cho sự nghiệp hòa nhập và phát triển. Nhập cuộc cũng đặt ra vấn đề biết lắng nghe, biết quý trọng những lời góp ý ngay thật của những bạn bè mới trong cộng đồng quốc tế, cho dù những lời góp ý xây dựng ấy có thể lạ tai, mới mẻ.

Nhìn chung lại thì sự nhập cuộc của Việt Nam vào cộng đồng thế giới vẫn còn mang tính chất miễn cưỡng, bó buộc; nhiều việc đáng lẽ phải làm thì chưa làm; Việt Nam vẫn còn nhìn trước, trông sau, lưỡng lự, e dè, đổi mới vẫn còn dở dở ương ương, nhập nhằng mới cũ.

Chính sự nhập cuộc t*hiếu chủ động và quả đoán, thiếu nhìn xa trông rộng là nguyên nhân* của tình thế trì trệ nguy hiểm hiện nay. Đổ lỗi cho ảnh hưởng khủng hoảng tài chánh Châu Á là một sự ngụy biện. Giải thích: đâu chả có tham nhũng, nước nào cũng có vấn đề nhân quyền là kiểu lẫn lộn bản chất và hiện tượng, hòng hòa cả làng, một kiểu lý sự cùn, nói liều kiểu Chí Phèo trong chính trị.

Những điều trái khoáy

Nhập gia tùy tục. Việt Nam đã đi ngược lại điều tự nhiên thông thường ấy. Về kinh tế, trong khi hầu hết các nước đều tôn trọng quyền tư hữu, luật pháp bảo vệ nghiêm quyền sở hữu tư nhân thì ở Việt Nam quyền sở hữu tư nhân về nhà cửa, ruộng vườn vẫn bị coi thường, bị xâm phạm có hệ thống. Ruộng đất theo hiến pháp là của *toàn dân*, có nghĩa là không thuộc ai cả. Các cơ sở kinh tế tư nhân bị các cơ sở quốc doanh chèn ép, bên trọng, bên khinh, bên con đẻ, bên con nuôi. Nghị quyết đảng đề ra chỉ tiêu dành cho các cơ sở quốc doanh (hầu hết làm ăn thua lỗ) giá trị sản lượng đến 60% của sản lượng quốc gia, ưu tiên dành cho các cơ sở quốc doanh quyền vay vốn của ngân hàng, với những thuế rất nhẹ. Tư nhân bị lép vế là điều tất nhiên. Vốn tư nhân giá trị hàng chục tỷ đô la bị chôn dấu, đắp chăn ngủ kỹ là điều dễ hiểu.

Về chính trị, Việt Nam vẫn đứng riêng biệt, với cái đuôi kỳ dị "xã hội chủ nghĩa" không chịu từ bỏ, với một chế độ chính trị độc đoán, không chấp nhận đa nguyên đa đảng, không chấp nhận lực lượng chính trị đối lập như mọi quốc gia đã trưởng thành. Trong thời mở cửa và hòa nhập, mọi việc đều công khai, trong sáng, trong và ngoài nước đều hiểu rằng Việt Nam về mặt *dân chủ và nhân quyền* được xếp vào loại chế độ độc đoán, hà khắc còn sót lại trong tiến trình phát triển về chính trị của thế giới, được đặt cạnh các chế độ lạc hậu về chính trị ở Miến Điện và Bắc Hàn, Uganda và Nigeria, Libye và Iran, Cuba và Trung Quốc... Ai là người Việt Nam lại không cảm thấy đó là điều sỉ nhục lớn! Đối với đảng cộng sản, điều *sỉ nhục kép* là đảng đã tịch thu quyền tự do của công dân, đày ải chính nhân dân mình, và

những chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ lại phải dựa vào sự ủng hộ và bảo vệ của thế giới, của các tổ chức nhân quyền quốc tế. Thật là đẹp mặt cho đảng từng tự hào là lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập của đất nước.

Vật cản và dòng thác

Trong thời mở cửa và hòa nhập với thế giới, cuộc sống của nhân dân đã thay đổi rất nhiều. Hiểu biết chính trị của nhân dân cũng tiến bộ trông thấy. Chưa bao giờ xã hội Việt Nam lại thay đổi sâu rộng như mười lăm năm qua. Ăn mặc thay đổi, làm ăn thay đổi, buôn bán giao dịch, kinh doanh thay đổi, tập quán cưới xin, ma chay thay đổi; quan hệ với thế giới, với người nước ngoài, với các công ty nước ngoài, với bạn bè nước ngoài thay đổi; nghỉ ngơi, giải trí, du lịch trong nước và ra nước ngoài cũng thay đổi. Vô vàn thông tin từ nước ngoài tràn vào nhen nhóm và nuôi dưỡng ước vọng được hưởng mọi quyền lợi công dân như ở các nước khác. Người dân bằng thể nghiệm hằng ngày hiểu rõ cái đảng mà họ từng tin cậy, tự hào đã thoái hóa và đang trở thành *vật cản* tệ hại trên con đường hòa nhập với thế giới, xây dựng một xã hội văn minh.

Ước vọng đòi lại quyền tự do, quyền làm người đang nhen nhóm âm ỉ, có khi bốc cao khắp nông thôn và thành thị, mà đàn áp chỉ làm cho lây lan và bùng nổ dữ dội. Các nhà trí thức, kẻ sĩ mới vào cuộc; các văn nghệ sĩ quý trọng tự do sáng tạo và tự trọng vào cuộc; các nhà cách mạng lão thành đã về hưu dấn thân cho một cuộc đấu tranh chính nghĩa mới; các tướng tá, sĩ quan, cựu chiến binh đứng trên tuyến đầu cuộc chiến đấu mới, với sĩ khí tăng lên gấp bội, nhận trách nhiệm với đồng đội đã hy sinh vì đất nước. Cuộc đấu tranh cho *dân sinh, dân chủ và nhân quyền* đang lôi cuốn trẻ già, trai gái, người nông thôn, người thành thị, người trong đảng, người ngoài đảng, trí thức, viên chức, nhà kinh doanh, văn nghệ sĩ và nhà khoa học, sĩ quan và binh lính... chung lòng chung sức tạo nên dòng thác đấu tranh mới, hợp lòng dân, hợp thời đại, thuận chiều lịch sử.

Thế lực bảo thủ, giáo điều đã tỏ ra hủ lậu, đuối lý, bị vây bủa bởi sự căm ghét, khinh thị của nhân dân, bởi sức ép phê phán, lên án của công luận thế giới. Thế lực ấy đang cố sức chống chế bằng lưỡi gỗ không thuyết phục được ai; nó chỉ tồn tại dựa vào sức mạnh vũ phu: nhà tù, các buổi thẩm vấn ngu xuẩn, sự rình mò, theo dõi, sự quản thúc để quấy rầy và hăm dọa. Đó toàn là hạ sách, chỉ làm nổi lên khí phách kiên cường và lý lẽ sắc xảo của các chiến sĩ cách mạng chân chính trước cường quyền đê tiện. Tình hình đang thay đổi *từng ngày trong so sánh lực lượng và thế đấu tranh.*

Khả năng tốt đẹp nhất là từ trong đảng, một thế lực lành mạnh, sáng suốt, hiểu rõ nhu cầu sinh tử của sự hòa nhập toàn diện với thế giới mới, đẩy lùi sự khống chế của nhóm lãnh đạo giáo điều, bảo thủ, giành lấy quyền lãnh đạo, mở ra một *kỷ nguyên mới,* kỷ nguyên dân chủ và nhân quyền trên đất nước ta, đúng vào dịp sắp bước vào thiên niên kỷ mới.

Nếu không đạt được điều ấy thì tức nước sẽ vỡ bờ. Ước vọng tự do của đông đảo nhân dân sẽ dồn tụ và nung nấu tạo nên dòng thác cách mạng trong nước được cả thế giới mới cổ vũ sẽ cuốn phăng đi vật cản tệ hại. Các dân tộc luôn tận dụng thời cơ để tự sức mình, tự mở đường làm nên lịch sử.

Thời cơ và cuộc sống

Thời cơ đang hình thành cho một cuộc đổi thay cơ bản? Đảng cộng sản với đường lối hòa nhập nửa vời đang ở trong tình thế bế tắc. Tiến lên thì sợ. Lùi bước thì không dám. Họ chỉ ỡm ờ, cầu may, câu thời gian, mong "phép lạ"!

Theo thông tin từ trong nước, người dân chẳng mấy hy vọng gì ở kỳ họp trung ương 7 vừa qua. Họ tiếp tục luận bàn về việc trung tướng Trần Độ bị khai trừ và cho rằng chủ trương khai trừ ông Độ là một sự dại dột, ngu xuẩn. Họ bàn về chuyện đại tá Phạm Quế Dương đàng hoàng trả lại thẻ đảng... Nhiều đảng viên và bạn trẻ tìm đọc, truyền tay nhau bài viết mới của nhà văn dũng cảm Dương Thu Hương: "Tiếng Vỗ Cánh Của Bầy Quạ Đen". Họ biết rằng ngay sau khi có bài viết này, nhiều tổ chức nhân quyền quốc tế đã chất vấn chính phủ Việt Nam về số cán bộ, đảng viên từng lãnh đạo cuộc nổi dậy rộng lớn của nhân dân Thái Bình năm 1997 hiện đang bị chế độ giam cầm để trả thù rất thâm độc và đòi phải công bố danh sách và trả ngay tự do.

Ở trong nước, bức thư mới của nhà khoa học địa vật lý Nguyễn Thanh Giang kể lại về 66 ngày bị giam và những thủ đoạn vu cáo đê hèn của nhà tư tưởng và văn hóa Đào Duy Quát (con nhà tư tưởng Đào Duy Tùng) đang được truyền tay rộng rãi. Nhiều bạn trẻ bàn tán về bức thư của nhà văn Hoàng Tiến gửi Sở Công An Hà Nội trả lời giấy triệu tập anh lên sở "làm việc" ngay ngày hôm sau. Rằng: "Giấy triệu tập quá gấp, tôi mắc bận, dở chút việc, không lên được. Nếu để hỏi về những bức thư tôi từng gửi đảng và nhà nước thì mọi việc đã rõ, tôi không cần nói gì thêm. Nếu để răn đe, dọa dẫm hay mua chuộc thì tôi không chấp nhận. Còn nếu để hỏi chuyện gì khác thì cho biết trước, tôi chuẩn bị. Còn để "làm việc" thì tôi đã nghỉ hưu, hết làm việc, già rồi! Còn nếu cần bắt thì cứ bắt, tôi không sợ, chết được rồi". An nhiên, tự tại, lý lẽ rõ ràng, đứng trên đầu kẻ độc ác ti tiện!

Thời gian gần đây, nhiều sự kiện quốc tế gây liên tưởng đến Việt Nam. Ông Bernard Kouchner được Liên Hiệp Quốc cử làm "thủ tướng dân sự" tại Kosovo. Kouchner từng cùng đồng chí của mình đề ra sáng kiến dùng tàu Đảo Ánh Sáng vớt những thuyền nhân Việt Nam bị nạn trên Biển Đông. Ông cũng sáng tạo nên hai khái niệm *"quyền can thiệp" và "trách nhiệm phận can thiệp"* (droit d'ingérence et devoir d'ingérence) để bẻ gãy vụn cái bình phong *"chủ quyền quốc gia"* mà các chế độ độc đoán hay dùng để ẩn nấp hòng thả sức đàn áp, hà hiếp nhân dân nước mình. Chủ quyền quốc gia vẫn là thiêng liêng trong quan hệ quốc tế, thế nhưng nếu lợi dụng nó để "tự do" đè đầu cưỡi cổ dân nước mình thì không được phép, đó là phạm pháp, phạm Hiến pháp, phạm Hiến chương Liên Hiệp Quốc, phạm Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, phạm Công ước về các quyền dân sự và chính trị, cộng đồng quốc tế hoặc bất kể tổ chức hay cá nhân nào trên thế giới cũng đều có quyền và có trách nhiệm can thiệp. Mà không chỉ can thiệp bằng mồm, bằng giấy, có thể can thiệp bằng nhiều cách, kể cả sự trừng phạt về chính trị, kinh tế, tài chính và quân sự nếu cần.

Pinochet, nguyên tổng thống, hiện

là thượng nghị sĩ suốt đời của Chile đang bị giữ ở London để chờ ngày ra tòa là một tiền lệ khiến cho các nhà lãnh đạo độc đoán từng phạm tội ác phải dè chừng khi xuất ngoại. Fidel Castro trong 40 năm cầm quyền từng phạm tội đàn áp, thủ tiêu các chiến sĩ dân chủ, kể cả những tướng lĩnh đồng chí của mình, lại sinh hoạt dâm ô bừa bãi, bị nhiều công dân Cuba tố cáo, nay rất dè chừng khi phải đi ra nước ngoài.

Mới đây nhất, nhà độc tài cộng sản Slobodan Milosevic, tổng thống đương nhiệm qua bầu cử kiểu "đảng chọn dân bầu", đã bị Tòa án hình sự quốc tế La Haye truy tố và truy nã về tội ác chống nhân loại cũng là chuyện chưa từng có, tiêu biểu cho bước phát triển mới của nền chính trị quốc tế và luật pháp quốc tế. Lại một đòn răn đe những kẻ cầm quyền độc đoán. Vậy mà báo chí Hà Nội được đảng chỉ vẽ hăng máu lên tiếng bênh vực viên tổng thống đồ tể này, vẫn theo bổn cũ viện ra cái "chủ quyền quốc gia" trơ trên để cố tình quên rằng hắn đã giết hại hơn 30.000 dân Kosovo và dân Bosnia theo kiểu thanh lọc chủng tộc. Báo Hà Nội cũng im re về tin 250.000 dân các địa phương Nam Tư cùng với 150.000 dân thủ đô Beograd biểu tình đòi Milosevic phải ra đi cùng với người vợ tai quái về chính trị của hắn và người con gái trùm tư tưởng của chế độ.

Tất cả những tin tức sôi động lý thú này làm cho thông báo về cuộc họp trung ương lần thứ 7 giữa tháng 8 oi bức thêm tẻ nhạt, vô duyên vì cuộc họp chỉ bàn đến tổ chức bộ máy, giảm biên chế, tăng lương tối thiểu thêm chừng 6 đô la mỗi tháng... trong khi các vấn đề nóng bỏng lớn hơn nhiều liên quan đến câu hỏi lớn: có tiến dứt khoát thêm một bước nhỏ nào trong cuộc nhập cuộc với thế giới hay không, thì phải chờ cuộc họp sau vào đầu năm 2000 theo kiểu xuân thu nhị kỳ mới rõ ra được.

Điều rõ ràng hiện nay là họ vẫn *nhập cuộc* một cách dở dở ương ương, nửa vời, với thái độ nhập nhằng, mua thời gian để kiếm chác, với triết lý của những kẻ mất liên hệ với dân, mất cả niềm tự tin: sống chết mặc bay, tồn tại nhờ vào may rủi, như một trò ú tim với định mệnh.

Bùi Tín

Cảo thơm lần dở trước đèn

Võ Thanh Liêm

Tôi làm quen với chiến sử vẻ vang của các bậc cha anh bắt đầu từ trí nhớ mơ hồ hình ảnh ngọn cờ vàng ba sọc đỏ bay trên cổ thành Đinh Công Tráng vào mùa hè đỏ lửa 1972. Cùng lúc đó khắp đô thành truyền nhau câu thơ "An Lộc địa sử lưu chiến tích, Biệt Kích dù vị quốc vong thân". Lúc đó tôi cố gắng nhớ thuộc lòng bài hát "Cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu", hình như do cô Minh Hà hát trên Truyền hình số 9. Khắp nơi máu đổ, xác người nằm la liệt và những hình ảnh anh hùng, anh hùng trong áo trận, anh hùng trên màn ảnh nhỏ, trong đó có cha tôi, chú tôi, anh Hai, cậu Bảy, cậu Năm, v.v... Thế rồi chiến tranh dù có mấy khốc liệt cũng có ngày tàn.

Ở tuổi 11, tôi làm quen với Chủ tịch Hồ Chí Minh và ba giòng thác cách mạng của ông một cách nhanh chóng trong những buổi cưỡng bách sinh hoạt cháu ngoan Bác Hồ. Cùng lúc đó tôi làm quen với người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ và lá cờ màu đỏ (áo vải cờ đào) trong câu thơ trữ tình tả cảnh người chiến binh Việt Minh chống Pháp: "Chặt tay súng tôi về mơ Nguyễn Huệ". Từ trường về tôi nói với mẹ tôi: "Má ơi! Vua Nguyễn Huệ và Võ Nguyên Giáp anh hùng quá!". Mẹ tôi bảo: "Hai ông ấy có tài dùng binh nhưng tàn ác, họ đi vào lịch sử bằng bá đạo". Chỉ sau đó ít tháng chúng tôi vượt biển tìm tự do.

Cách đây hai năm tình cờ đọc một cuốn sách cổ về Việt Nam thời Lê mạt bằng tiếng Pháp, trong Đại học Monash, rồi tôi tìm đọc Hoàng Lê Nhất Thống Chí, sử của Phạm Văn Sơn và gần đây nhất là bài phê bình Đức Quang Trung của ông Nguyễn Gia Kiểng. Lần đầu tiên tôi đọc những hành động của Vua Quang Trung gồm có giết nhiều người vô tội cả thân lẫn sơ chớ không riêng gì lính của Tôn Sĩ Nghị và đã đào hết mồ mả các Chúa nhà Nguyễn đem xác liệng xuống sông (sử của Phạm Văn Sơn). Ngoài ra Ngài còn được lòng dân vì chủ trương đi cướp của nhà giàu cho nhà nghèo (sử của Quỳnh Cư 1995). Dù tin là sự thật nhưng tự ái dân tộc thúc dục tôi đi tìm một sự so sánh với các bậc Đế vương cùng thời như Napoléon Bonaparte của Pháp và Đức Thế Tổ Cao Hoàng, đối thủ của Vua Quang Trung. Họ đều hiếu chiến và hiếu sát cả.

Xưa hơn thế nữa như Đức Thái Tổ Lê Lợi, một anh hùng xuất chúng cũng đã giết vợ là bà Phạm Ngọc Trần tế thần Phổ Hộ để thần linh phù trì cho Ngài thành công lên ngôi Hoàng Đế. Có lẽ bà Hoàng hậu họ Phạm không mấy gì đẹp cũng nên. Thực trạng lịch sử thường thúc đẩy những mưu toan chính trị và ngược lại chính trị thêu dệt lịch sử. Tôi chợt nhớ lời nói của mẹ tôi lúc nhỏ, có lẽ bà đã biết những điều tôi chưa biết. Là một người Việt, tôi vẫn thích những anh hùng trong mảnh chiến bào vương mùi khói súng và bằng lòng với chính mình là Đức Quang Trung là một anh hùng nhưng có hơi ác chút đỉnh. Quả thật dân tộc chúng ta vẫn thần tượng chiến tranh và bạo lực. Tuy nhiên nếu chúng ta là nạn nhân trực tiếp của bạo lực thì phản ứng lại khác. Vụ Trần Văn Trường tại Hoa Kỳ 1999 là một thí dụ điển hình.

Nếu xét thật kỹ tình trạng chính trị kể từ năm 1954, rồi hai mươi năm chiến tranh sau đó từ trận Điện Biên Phủ, đến Tết Mậu Thân, v.v... với tổn thất kinh người có thật sự cần thiết hay không khi mà chỉ mười năm sau khi thử nghiệm chuyên chính vô sản Hà Nội tự động khai tử lý thuyết cộng sản nhưng lại giành độc quyền chính trị. Thật không thể chối cãi được rằng cộng sản thắng phía quốc gia vì họ được sự ủng hộ của đa số nông dân qua cách nói ngon ngọt, dụ dỗ, dạ dạ, bẩm bẩm, trình trình và với chiêu bài cướp của người giàu cho người nghèo. Những người thức giả không tin vào họ thì bị khủng bố và thanh toán. Nhưng đa số vẫn vì cái lợi nhỏ trước mắt và tinh thần yêu nước khi tin tưởng rằng đất nước đang bị Hoa Kỳ xâm lăng.

Lịch sử của chúng ta được dệt thành

bởi những chiến tích oai hùng. Thật ra chúng ta không nên phê bình tiền nhân vì không có xưa làm sao có nay, "vô cổ bất thành kim". Tuy nhiên chúng ta nên nhìn lại lịch sử một cách trung thực để hiểu vì sao các bậc tiền bối lại hành động như họ đã làm. Dân tộc Việt từ ngày lập quốc không bao giờ sống yên ổn được lâu. Lúc nào cũng có chiến tranh. Nếu ta không bị người xâm lăng thì ta lại cùng đi xâm lăng nước người hoặc tự đánh nhau. Vì lẽ đó con người Việt Nam thường không có khuynh hướng nhìn xa mà chỉ thích những cái lợi nhỏ trước mặt. Các cụ vẫn khuyên răn con cháu nên nắm chắc cái lợi nhỏ vẫn hơn, đừng ham chi ao sâu nước cả cho xa vời thí dụ như câu đồng dao: "Thằng Bờm có cái quạt mo, phú ông xin đổi ba bò chín trâu. Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu, phú ông xin đổi ao sâu cá mè. Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè, phú ông xin đổi một bè gỗ lim. Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim, phú ông xin đổi đôi chim đồi mồi. Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi, phú ông xin đổi nắm xôi Bờm... cười!". Vạn nhất chúng ta có thấy được cái hại sau này thì cũng đổ dồn cho đời sau sẽ tính đến. Điều này cũng dễ hiểu vì hoàn cảnh bắt buộc không thể tính chuyện lâu dài. Lâu dần thành tập quán dân tộc. Đó không phải là một tật xấu, các sắc dân khác trên thế giới cũng vậy, chỉ có tỷ lệ hơi khác nhau đôi chút. Có những hình thức lo xa khác được lặp lại nhiều lần trong lịch sử nước nhà là giết cho sạch để trừ hậu hoạn. Việc tích cốc phòng cơ nói chung lại hiếm thấy hơn.

Một điều đáng ghi nhận là tại Úc Châu có hai đảng phái chính trị lớn. Đảng Tự Do thường chủ trương tư hữu hóa mọi sinh hoạt kinh tế với lợi ích chỉ có thể thấy được trong tương lai xa. Đảng Lao Động chủ trương mở rộng hoạt động chính phủ, đánh thuế người giàu cấp cho người nghèo với cái lợi nhỏ trước mắt nhưng cái hại xa là cả nước sẽ dần dần nghèo đi, thất nghiệp gia tăng vì người dân sinh lười biếng. Người Việt tị nạn tuy không thích xã hội chủ nghĩa tại quê nhà nhưng lại thích sinh hoạt chính trị cánh tả một khi đến Úc vì mối lợi nhỏ trước mắt. Thêm vào đó, người tị nạn là mục tiêu đàn áp tại quê nhà vì thuộc giai cấp "tư sản" nhưng khi ra ngoại quốc thì lại thuộc giai cấp nghèo nên ảnh hưởng đến sự lựa chọn nơi thùng phiếu khi họ sử dụng quyền dân chủ lần đầu tiên. Không trách cộng sản đã thắng khi Việt Nam có 80% dân số là nông dân nghèo. Lẽ đương nhiên Đảng Lao Động của Úc dù mang tiếng thiên tả nhưng tuyệt đối không phải là Đảng Lao Động của Hồ Chí Minh, và lành mạnh hơn ngàn lần.

Người Pháp có câu: "Ở tuổi 20 nếu không là cộng sản người ấy không có con tim, nếu ở tuổi 40 mà vẫn còn là cộng sản, người ấy không có khối óc". Bà dì vợ tôi, Robin Evans-Smith, nói với tôi rằng: "Giới sinh viên xưa giờ vẫn thích Đảng Lao Động hơn nhưng khi lớn tuổi thì họ lại thích phe tự do. Đảng Tự Do thường có ít cử tri hơn nhưng nhờ cách phân chia ranh giới bầu cử và tiểu bang nên thiểu số nông gia có đất nhiều vẫn giữ được tiếng nói so với số cử tri đông đảo của Đảng Lao Động". Điều này mang lại cho tôi một mối suy tư mới. Nếu có dân chủ thật sự tại Việt Nam, nếu cuộc bầu cử tính theo đầu người tuyệt đối thì phe nào sẽ thắng, tả hay hữu? Thời gian sẽ trả lời. Nếu căn cứ trên kết quả bầu cử tại Úc thì chính trị cánh tả xã hội được người Việt chống cộng ưa chuộng hơn.

Phàm cái gì là truyền thống thì khó thay đổi. Truyền thống đó phải nói đến ảnh hưởng của Nho giáo lên nhận thức tôn ti trật tự của người Việt Nam. Gần đây có những bài viết tại hải ngoại đả phá Nho giáo và qui tội cho triết lý Khổng Mạnh đã góp phần cho sự lạc hậu và tàn phá sức sáng tạo của người Việt Nam. Nho giáo là những lời nói của người xưa có thể đem ra giảng giải bằng nhiều cách và nhìn từ góc độ khác nhau sẽ đem đến kết luận khác nhau. Chính cộng sản Việt Nam thoạt đầu đã miệt thị những giá trị cổ truyền của Nho giáo nhưng không thành công, họ quay lại khai thác những nét tiêu cực của Khổng giáo như sự phục tùng giới cầm quyền để duy trì quyền lực độc tôn. Đất nước và dân tộc chúng ta sau một cuộc phiêu lưu đẫm máu, qua những cuộc thí nghiệm xã hội, thực dân, học thuyết mác xít, xét lại, tư bản, hiện sinh v.v... lại quay về ngủ yên với một triều đại độc tài lạc hậu với cái vỏ cộng sản chưa lột xong. Chúng ta cũng nên nhìn xa hơn ở những nước láng giềng có cùng ảnh hưởng Nho giáo, như Tân Gia Ba, Đài Loan, Nhật Bản và Nam Hàn, tại sao họ không bị Nho giáo làm cho lạc hậu? Điều đó cho thấy rằng là vì cái vỏ cộng sản chưa lột xong nên Trung Quốc và Việt Nam vẫn nghèo chứ không phải tại lỗi Khổng Tử.

Đã chấp nhận dân chủ thì phải chấp nhận ý kiến của đa số. Đa số dân Việt của chúng ta vẫn là nông dân nghèo, lại thêm bản tính dân tộc cực đoan, chỉ thích những cái lợi nho nhỏ và gần trước mắt. Những ước vọng thay đổi canh tân cho Việt Nam trong tương lai phải tùy thuộc vào sự liên kết thành công giữa thiểu số thức giả có tinh thần dân chủ và đa số nông dân mộc mạc một nắng hai sương. Mục tiêu tranh đấu bắt buộc phải là những lợi ích xã hội cấp thời nho nhỏ trước mắt chớ không cao vời. Sự đoạn nghĩa với lý thuyết cộng sản của Hà Nội và sự giải tư các công ty quốc doanh dưới áp lực thị trường quốc tế sẽ soi mòn nền tản quyền lực của Hà Nội vốn chủ trương nắm lấy bao tử của dân để trị. Khi chế độ thị trường đã bắt đầu có cội rễ, với sự hỗ trợ của Tây phương và sự giám sát của khối người Việt hải ngoại, thì bản sắc dân tộc cũ lại trở về. Không ai xa lạ lại cũng chính là Khổng giáo với thói quen trung thành với chủ hay những ai ban phát bổng lộc cho ta nhưng lần này lại không phải là đảng cộng sản mà lại là tư nhân. Song song với tự do báo chí mà luật thị trường đòi hỏi, đảng cộng sản sẽ đi vào dĩ vãng trong đau đớn hoặc êm đềm tùy cách khôn ngoan hay ngu ngốc của họ. Hai mươi lăm năm không phải là thời gian dài so với bề dầy lịch sử của chúng ta. Mục tiêu dân chủ để có phú cường vẫn sẽ tới với dân tộc nhưng có lẽ chậm hơn các dân tộc bạn. Chúng ta hãy khuyên nhau nên nhìn xa.

Melbourne, tháng 7-1999

Võ Thanh Liêm

Đọc và cổ động báo Thông Luận

Tuổi trẻ chuyển mình

Phạm Phú Đức

Có nhiều bạn trẻ thường tự hỏi tại sao tuổi trẻ lại luôn luôn được đề cao như là "Tương lai của đất nước", và thường được thế hệ đi trước nhắn nhủ, khuyến khích duy trì và phát huy tinh thần dân tộc và văn hóa Việt Nam? Nhiều bạn ít khi nào suy nghĩ thêm về những điều mà thế hệ đi trước của họ rất quan tâm và hằng ôm ấp trong lòng nhiều khi đến cuối cuộc đời. Lý do là vì các bạn đó chẳng biết mặt mũi của đất nước mình như thế nào. Vì các bạn không biết tinh thần dân tộc ra làm sao và văn hóa Việt Nam hay ở chỗ nào! Vì các bạn nghe những lời nhắn nhủ, khuyến khích nhưng không thấy những hành động hỗ trợ cụ thể và từ đó đâm ra hoang mang! Vì các bạn thường nghe những lời dèm pha, những sự chỉ trích tiêu cực từ một số người khác đã "từng trải" nhưng rồi cũng bỏ ngang. Vì các bạn cảm thấy bất lực, bất lực với chính mình và những người chung quanh, bất lực với gia đình và xã hội đang sống.

Ai đã một thời là thanh niên, cũng từng trải qua những ê chề của cuộc sống, từng có những cảm giác thiếu thông cảm với thế hệ đi trước, khi nhìn lại quảng đời mình, nghiệm lại cuộc đời thanh niên mới có hiểu được tâm trạng hoang mang của thế hệ trẻ ngày hôm nay. Phải chăng tuổi trẻ bây giờ chỉ biết lo cho bản thân họ, hay chỉ thích vui chơi hưởng thụ với cuộc sống đầy đủ vật chất ở đây? Nói vậy cũng không đúng vì cuộc sống ở đây rất bận rộn. Nếu còn đi học thì ngày đêm phải miệt mài với sách vở, lo chuyện tình cảm cá nhân và sinh hoạt "cho có" với các hội sinh viên là đủ rồi. Nếu đã đi làm thì bận bịu với công ăn việc làm, đa số cũng gần lập gia đình, và chỉ có cuối tuần mới rảnh chút thôi. Nếu đã lập gia đình thì càng thêm bận rộn, có con cái lại càng thêm khó khăn. Vậy thì nếu có hưởng thụ một chút thì cũng đền bù vào công sức và thời gian mình phải tự lo cho chính mình, có gì đâu mà phải xấu hổ! Vậy thì các bạn cũng có nhiều lý do "chính đáng" để biện minh cho sự khó khăn dấn thân phục vụ cho cộng đồng và xã hội.

Thử hỏi các bạn trẻ đã thật sự an phận, mãn nguyện với xã hội ở đây chưa? Nếu các bạn đã làm việc hết mình với một tinh thần trách nhiệm cao và một sự trung thành tuyệt đối cho những công ty đang làm thì các bạn đã có sự đền thưởng công bằng và xứng đáng với tài năng và công sức của mình chưa? Các bạn có nghĩ rằng mình xứng đáng giữ những trách nhiệm lớn hơn không? Thực tế thì người Việt chúng ta chưa có được nhiều người làm giám đốc hay có một số quyền hạn trong những công ty lớn, chưa có những người làm chính trị có uy tín và khả năng với cộng đồng và với người dân bản xứ, chưa có nhiều chuyên viên được trọng nể. Tại sao?

Theo cái nhìn của một số người có nhiều quan tâm đặc biệt với cộng đồng Việt Nam thì lý do chính khiến người Việt chưa có những thành công vượt trội có thể là vì người Việt tương đối an phận với những gì đang có trong tay, hoặc chưa phấn đấu hết mức để chứng tỏ khả năng của mình đối với xã hội. Nhưng một lý do rất thực tế khác, đó là vì dù gì đi nữa mình vẫn là người di dân da vàng tóc đen. Thực tế là còn nhiều người bản xứ chưa chấp nhận chúng ta, dù trong thâm tâm có thể đa số đều đã chấp nhận sự hiện diện của người Á Châu nói chung và người Việt nói riêng. Nhưng một khi chúng ta đụng đến quyền lợi của người bản xứ, chắc chắn họ sẽ đặt quyền lợi của họ lên trên và chúng ta chỉ là những người thuộc danh sách phụ (second list) mà thôi.

Lý do không nằm ở chỗ chúng ta chưa có đủ khả năng, mà vì chúng ta đến từ một dân tộc nhược tiểu và là thiểu số trên đất nước mình đang cư ngụ. Tâm lý của mọi giống dân là muốn dân tộc mình hay hơn, thông minh hơn, tài năng hơn dân tộc khác. Con người là như vậy, muốn mình hơn người khác, gia đình mình tài giỏi hơn gia đình khác, muốn địa phương mình đang sống thịnh vượng và tốt hơn chỗ khác, muốn đất nước mình được thế giới biết đến và ngưỡng phục nhiều hơn đất nước khác v.v... Vậy cơ hội chúng ta tiến thân hay phục vụ cho một đất nước chưa coi chúng ta là con ruột rất giới hạn.

Thử hỏi nếu đất nước Việt Nam chúng ta thật sự có tự do và dân chủ thì nền kinh tế sẽ phát triển ra sao và tiềm năng của đất nước sẽ như thế nào? Trong chuyến viếng thăm nước Úc và đặc biệt là tại Melbourne, giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã nhận định rằng thành phần chuyên viên trẻ Việt Nam ở hải ngoại sẽ là thành phần chủ đạo trong công cuộc xây dựng đất nước một khi nước Việt Nam thật sự có tự do, dân chủ và nhân quyền được tôn trọng. Giáo sư nhấn mạnh rằng không phải bảy mươi mấy triệu người trong nước thua kém chúng ta nhưng vì trình độ dân trí và giáo dục ở Việt Nam quá lạc hậu, điều kiện quá thấp kém, trong khi ở ngoài nước, dù con số người Việt sống rải rác khắp thế giới chỉ có khoảng hai triệu người nhưng thành phần chuyên viên có thể lên đến cả trăm ngàn người, và nếu chỉ có khoảng hơn một ngàn chuyên viên về nước đóng góp vào xây dựng đất nước ở mọi lãnh vực thì Việt Nam sẽ tiến triển rất nhanh. Họ không cần phải là những thành phần lãnh đạo nhưng chỉ làm bổn phận chủ đạo trong tiến trình phát triển đất nước. Nếu chúng ta nhìn kỹ, phân tích những gì giáo sư Hoạt trình bày thì chúng ta sẽ thấy rằng nếu đất nước có tự do và dân chủ thật sự, một tương lai sáng lạng đang chờ đón tất cả mọi người, không phải chỉ cho những chuyên viên tài năng mà còn mở ra một con đường thênh thang cho người Việt đi tới trong thiên niên kỷ mới, nhất là giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại.

Một khía cạnh khác chưa bàn tới là tại sao tất cả người Việt tại hải ngoại, nhất là các bạn trẻ nên đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam trong thời hậu cộng sản? Có một người bạn trẻ Việt Nam trả lời rằng nếu chúng ta coi Việt Nam là mẹ "ruột" của mình, và chúng ta được lớn lên trong bàn tay ôm ấp rất tình người của quê hương thứ

hai được coi là người mẹ "ghẻ", thì một khi đã nhận thức và hiểu biết nguồn gốc của chính mình, đồng thời có khả năng và phương tiện giúp đỡ người mẹ ruột thì chẳng lẽ chúng ta lại bỏ rơi?

Nhận thức được vai trò của mỗi người, thấy được nhu cầu cần thiết xây dựng đất nước, và đồng thời thấy được tiềm năng của đất nước cho mỗi chúng ta trong tương lai, vậy các bạn trẻ Việt Nam có bao giờ đặt câu hỏi là chúng ta phải làm gì bây giờ và trong thời gian tới không?

Đất nước cần những người có ý chí, có lý tưởng, có đầu óc thực tế và có những người đầy kinh nghiệm và chuyên môn để cùng nhau đi những bước tiến trong thời gian tới và đồng thời không lặp lại những thất bại ê chề của thế hệ đi trước. Mỗi người có một khả năng, hoàn cảnh, kinh nghiệm khác nhau và không phải ai cũng có được tinh thần "Bi Trí Dũng". Nhưng nếu có người có "Bi", người khác có "Trí" và người khác nữa có "Dũng" và biết phối hợp chặt chẽ với nhau thì chắc chắn ba người này sẽ là tinh hoa và rất cần thiết cho dân tộc. Vậy là chúng ta cần một tinh thần làm việc đồng đội, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, uyển chuyển thì tác động vô cùng hiệu quả. Nói một cách khác, nếu chúng ta có thể kết hợp chặt chẽ giữa những người Việt quốc gia trên tinh thần nói trên thì không ai có thể lay chuyển được mình.

Đối với những người trẻ, các bạn hãy chứng tỏ mình có khả năng, tinh thần trách nhiệm và một lòng dấn thân để gánh vác việc cộng đồng thì thế hệ đi trước mới tin tưởng ở chúng ta. Các bạn cần phải bắt tay thực hiện một số công việc của cộng đồng trong thời gian tới để quen dần với những sinh hoạt tập thể, phát triển khả năng điều hành, phương pháp làm việc và lãnh đạo. Các bạn cần phải nói thẳng, nói thật, dám nhìn nhận cái sai và khuyết điểm của mình để khắc phục khó khăn. Các bạn nên dùng lý trí của mình để phán xét, để cân nhắc tất cả những việc đang làm và xác quyết mục tiêu đóng góp của mình là cho ai, cho quyền lợi chung hay cho cá nhân nào! Và phải lên tiếng phê bình, phản đối mạnh mẽ và cương quyết nếu thấy những hành động sai quấy xảy ra trong cộng đồng chúng ta. Nếu thờ ơ hay thụ động thì vô tình chúng ta đã "đồng loã" hay giao trách nhiệm cho những người không xứng đáng làm đại diện cho mình và kết quả tệ hại hơn nữa là niềm tin vào chính nghĩa dân tộc sẽ dần dần bị phá hủy và khó mà gây dựng lại.

Chính bạn sẽ học hỏi được nhiều bài học quý báu không ngờ cho mình. Các bạn sẽ trưởng thành trong môi trường sinh hoạt và qua những đóng góp này. Những công tác thiện nguyện, những sự giúp đỡ chân tình vào công việc chung này sẽ giúp bạn nhiều năng khiếu mà trên đường đời bạn sẽ cần tới nó. Lịch sử sa thải những người thụ động và nếu không tiến kịp thì sẽ bị bỏ ở đằng sau! Đừng nhìn những điểm tiêu cực mà kết luận thế này thế kia hay tự làm mình nản đi. Nếu là người bàng quan, các bạn có quyền nhìn các điểm tiêu cực như trong lời mở đầu của bài này. Nhưng nếu các bạn cho mình là người trong cuộc hay là người lạc quan, các bạn phải biến đổi điểm tiêu cực thành tích cực, thay đổi điểm xấu thành điểm tốt. Nếu quyết tâm, cố gắng, có thất bại thì mới có thành công. Những thiện chí và việc làm của các bạn sẽ không bao giờ là lãng phí mà chắc chắn sau này sẽ giúp các bạn trưởng thành và vượt qua nhiều thử thách, khó khăn trong tương lai.

Lịch sử dân tộc đã bị Đảng Cộng sản bóp méo quá nhiều trong thời gian qua và chúng ta cần mang lại công bằng và sự thật. Và chúng ta cần thực hiện bằng cái tâm và sự trong sáng, vì lịch sử của đất nước trong thời kỳ tới là một lịch sử cần được đổi thay. Chúng ta cần một tinh thần đạo đức và trong sáng, vì chỉ có tâm phục, chỉ có lòng thẳng thắn và ngay thật mới huy động được tiềm năng và tinh thần dấn thân của mọi người, nhất là các bạn trẻ. Điều tất nhiên trong tương lai một khi đất nước đã thay đổi, chúng ta cần một chế độ dân chủ pháp trị vì chỉ có dân chủ pháp trị mới là con đường phát triển được đất nước theo đà tiến hóa của nhân loại.

Trong công cuộc tranh đấu cho tự do và dân chủ trên quê hương Việt Nam, chúng ta phải thấy rằng chất xám là tài nguyên dồi dào và phương tiện nhanh nhất để phục hồi đất nước. Vì thế chúng ta cần phải xem lại con người và trí tuệ con người là quan trọng nhất, nhân bản phải đi hàng đầu. Yêu người hay yêu nước? Câu hỏi đó nên là đề tài bàn thảo trong tinh thần xây dựng. Mạng sống và tự do của con người phải được tôn trọng tối đa. Thử hỏi nếu chúng ta ai cũng yêu nước, nhưng vì lý do gì đó mà cứ phải đụng độ nhau, cấu xé nhau và đi đến thanh trừng, thanh toán nhau thì cuối cùng ai sẽ xây dựng đất nước đây? Nếu con người còn tồn tại, đất nước và thế giới sẽ còn tồn tại. Mọi vật sẽ biến chuyển theo thời gian, con người và tư duy phải thay đổi để thích ứng với xu hướng thế giới. Đừng nghĩ là có thể tiêu diệt người nào đó để loại trừ sự ảnh hưởng của họ, dù tốt hay xấu. Nếu có chính nghĩa, họ sẽ sống mãi trong lòng dân tộc chúng ta hay của thế giới. Nguyễn Thái Học là một bằng chứng hùng hồn nhất. Đây là bài học muôn thuở cho nên chúng ta cần phải sống, cần phải dấn thân, cần phải truyền đạt đến thế hệ con cháu sau này với lịch sử chân chánh cho muôn ngàn đời sau.

Trong quá trình đấu tranh với cộng sản ngày hôm nay, chúng ta cần dùng trí tuệ và lòng quả cảm để chiến thắng kẻ thù. Bạo lực là phương pháp cuối cùng hay chỉ là phương tiện khi cần đến, nhưng bạo lực sẽ không giải quyết vấn đề nếu chúng ta cần giải quyết rốt ráo và đến tận cùng gốc rễ. Nguyễn Trãi không dùng bạo lực nhưng vẫn chiếm được thành địch. Quang Trung không dùng đến bạo lực để thuyết phục La Sơn Phu Tử vì biết rằng bạo lực không thể thắng được tinh thần cương quyết của ông. Đảng Cộng sản chỉ thắng được chúng ta trong giai đoạn chứ không phải trường kỳ. Chúng ta cần trực diện với Đảng Cộng sản, với một tinh thần bất khuất như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã làm. Độc tài xuất phát từ sự thiếu tự tin, lòng ích kỷ, sợ người khác hay hơn, giỏi hơn mình cho nên mới phải cấm đoán đối lập.

Các bạn trẻ Việt Nam! Nỗi nhục của dân tộc chúng ta là nghèo nàn lạc hậu. Tự hào của dân tộc chúng ta là bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước. Nỗi thống khổ và cay đắng của chúng ta là một thể chế phi nhân bản, một triết lý "không tưởng" được áp dụng một cách triệt để và hết sức mù quáng trên quê hương của mình. Sự bất công một cách vô lý là chỉ hai triệu đảng viên đã và đang cai trị một cách thật bất nhân bất

nghĩa với bảy mươi sáu triệu người dân khác cùng giòng giống với nhau. Nếu chúng ta cảm nhận được nỗi uất hận của đồng bào, nếu chúng ta cảm được nỗi đau của hàng triệu người trong nước thì tại sao chúng ta lại cứ mãi làm thinh như khách qua đường? Tại sao chúng ta quá ích kỷ và chỉ lo cho bản thân mình? Xét cho cùng chúng ta là những người may mắn của thời cuộc. Nếu đặt trường hợp mình phải sống dưới một chế độ như vậy thì nhân cách của mỗi chúng ta như thế nào trong hoàn cảnh ngày đêm phải lo từng miếng cơm, manh áo! Vì thế chúng ta cần có một thái độ. Một thái độ dứt khoát và cứng rắn. Một hành động tích cực và có trách nhiệm. Hãy đứng lên thay đổi lịch sử. Hãy noi gương thế hệ cha anh trước những biến cố thời cuộc. Hãy vì "một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ". Hãy đứng dậy thắp sáng niềm tin cho chính mình và những người chung quanh, cùng giương cao ngọn đuốc dân tộc để làm tròn bổn phận của một người con nước Việt.

Đã đến lúc chúng ta cần dấn thân với một tinh thần thật trong sáng, luôn luôn đặt quyền lợi của tổ quốc lên trên quyền lợi của cá nhân thì mới mong sự thành công. Cộng đồng Việt Nam đang cần sự đóng góp và tiếp nối trách nhiệm của giới trẻ với thế hệ đi trước để phục vụ cộng đồng và đất nước sau này. Một quê hương còm cõi đang chờ sự phụng sự và dấn thân của tất cả chúng ta. Một đất nước đang cần nhiều người có trí tuệ và lòng dũng cảm. Xây dựng một cộng đồng Việt Nam thật vững mạnh và đóng góp cho công cuộc đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ ở trong nước cần nhiều cố gắng và tinh thần dấn thân thật sự và lâu dài.

Cộng đồng Việt Nam cần sự đóng góp của mọi người. Đất nước Việt Nam cần có sự thay đổi. Tuổi trẻ Việt Nam cần phải chuyển mình và lên đường hành động.

Melbourne, 1999
Phạm Phú Đức

Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp,
mọi ủng hộ tài chánh và cám ơn
quý vị đã cổ động và
phổ biến tờ báo

Mạn đàm

TIN HỌC VÀ CON NGƯỜI

Trần Bình Nam

Tục ngữ Việt có câu: "Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống" chứng tỏ "biết" hay "có thông tin" thì dễ xoay xở hơn. Vì vậy nói đến thời đại tin học (information age) hay thời đại của sự hiểu biết phong phú là nói tới một thời đại huy hoàng nhất của loài người. Nước Mỹ cử Phó tổng thống Albert Gore phụ trách điều hợp tin học là vì vậy.

Nhưng biết quá nhiều cũng chưa hẳn là tốt, như chuyện "tái ông thất mã", trong cái may có cái rủi. Việc may mắn lúc này có thể là nguyên nhân của rủi ro lúc khác. Tin học, thời đại có thật nhiều thông tin, có hai vấn đề. Một vấn đề vật chất: chứa thông tin ở đâu? Vấn đề thứ hai trừu tượng hơn nhưng không kém quan trọng nếu không muốn nói quan trọng hơn vấn đề thứ nhất: có nhiều thông tin có làm cho con người khôn hơn và thế giới an toàn hơn không?

Vấn đề chứa thông tin. Ai cũng nhận một điều, Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (Library of Congress) là nơi chứa nhiều thông tin nhất thế giới, và những người phụ trách thư viện luôn luôn nhức đầu với vấn đề "chỗ chứa". Khánh thành năm 1800, đến nay Thư viện Quốc hội có 80 triệu sách lớn nhỏ viết bằng 470 ngôn ngữ khác nhau, gồm cả những thứ chữ không còn ai đọc được. Hiện nay mỗi tuần Thư viện có thêm ít nhất 5.000 sách mới, chưa kể mỗi ngày nhận vào 20.000 mẩu thông tin dưới mọi hình thức. Sau khi bị quân Anh đốt rụi năm 1814, Thư viện Quốc hội mua lại tủ sách của cựu tổng thống Thomas Jefferson gồm 6.000 cuốn và từ đó cứ càng ngày càng ứ sách, thiếu chỗ chứa. Năm 1897, Thư viện xây thêm tòa nhà Jefferson. Năm 1939 thêm tòa nhà Adams và năm 1980 xây thêm tòa nhà Madison, một tòa nhà đồ sộ ở thủ đô chỉ kém bộ Quốc Phòng. Hết chỗ trong thủ đô, năm tới Thư viện sẽ mở thêm nhiều kho chứa sách trong vùng ngoại ô.

James Billington, giám đốc Thư viện Quốc hội được tổng thống Reagan bổ nhiệm từ năm 1987, có kế hoạch tiết kiệm chỗ chứa sách bằng cách sắp xếp sách theo khổ lớn nhỏ chứ không theo từng loại theo phương pháp Dewey sau khi đã bỏ tất cả những gì trong sách vào đĩa nhựa. Từ đĩa nhựa mọi hiểu biết đều được đưa lên xa lộ thông tin. Kế hoạch của Thư viện Quốc hội sẽ đưa vào xa lộ thông tin ít nhất 10.000 bản văn có giá trị trong vòng hai năm tới. Nhưng muốn dễ hơn làm vì sách - nếu chỉ nói sách giá trị - được xuất bản nhanh hơn khả năng truyền đạt thông tin bằng điện tử dù Thư viện Quốc hội có 4.400 nhân viên và một ngân sách được Quốc hội ưu tiên.

Nhưng hãy trở về căn phòng làm việc của mỗi chúng ta với báo chí, E-mail, Web Sites. Tờ báo nào cũng dày cộm, chỉ đọc hết các mục đáng lưu ý đã mất cả giờ. Một tuần chưa bỏ vào thùng cho kịp xe rác đã thấy báo choán hết cả phòng làm việc. E-mail mở ra mỗi ngày có hàng trăm mẩu tin. Chỉ đọc các tin đáng quan tâm cũng đã mệt phờ người. Lúc đầu mới trang bị E-mail chúng ta ai cũng ráng đọc hết kẻo phí, đọc không hết thì copy vào đĩa nhựa để dành khi khác đọc. Rồi đến lúc mệt quá không muốn copy lại nữa. Và cũng chẳng có thì giờ để đọc. Cuối cùng mở E-mail chỉ để xem có điện thư của bạn bè, con cái không, còn tin thì lướt qua cho có lệ hoặc... bye bye.

Vấn đề thứ hai: Nhiều thông tin và trở nên thông thái có làm cho con người khôn hơn không? Trước hết là an toàn. Do khám phá ra năng lượng hạt nhân chúng ta chế tạo bom nguyên tử, thứ vũ khí giúp chấm dứt trận chiến Thái bình dương giữa Nhật bản và Hoa kỳ và đến nay 54 năm qua vẫn còn để lại ấn tượng hãi hùng trong tâm trí con người. Sau bom nguyên tử là bom khinh khí, thứ vũ khí đã làm thế giới căng thẳng trong suốt cuộc chiến tranh lạnh từ năm 1950 cho đến khi Liên bang Xô Viết sụp đổ năm 1989. Và cơn đe dọa vẫn còn nếu không muốn nói là đáng sợ hơn vì thứ vũ khí nguy hiểm đó có thể ở trong tay những tên khủng bố hay những nhà lãnh đạo chính trị ít trách nhiệm.

Do hiểu biết về sự hợp thành của vật thể, các nhà khoa học đã chế tạo ra đủ

thứ hóa chất. Hóa chất có thể là thuốc chữa trị những chứng nan y, hóa chất có thể là phân bón giúp hoa mầu sản xuất nhanh đủ sức cung cấp cho nhu cầu thực phẩm của con người càng ngày càng đông đảo. Nhưng hóa chất cũng là nguyên nhân sinh ra đủ thứ bệnh hiểm nghèo nhất là bệnh ung thư, và nạn sinh quái thai.

Thông tin dồi dào cũng làm thay đổi lối suy nghĩ và cách hành xử của con người. Thực tế nhất là xa lộ thông tin. Vào xa lộ thông tin cái gì cũng có nhưng hời hợt và thiếu chiều sâu. Cho thông tin hiện ra trên màn ảnh nhỏ, đọc vội đọc vàng rồi cho qua, thói quen đó làm cho con người trở nên lười suy nghĩ, không như khi giở một cuốn Tự Điển Bách Khoa để tìm một thông tin nào đó. Vì có nhiều thông tin hấp dẫn cập nhật nên chạy trên xa lộ thông tin chúng ta chỉ gặp các thông tin mới nhất. Ông James Billington quả quyết rằng bạn có thể chạy hằng giờ trên xa lộ thông tin (hay nói theo danh từ chuyên môn: Surf the Web) chưa chắc thấy được một thông tin gì của hơn bốn năm về trước. Và ông kết luận: "Bạn cứ tưởng mình có nhiều thông tin, nhưng thật ra là ma quỷ. Thông tin làm tha hóa bạn, biến bạn thành một phần của chiếc máy điện toán". ("The Too-Much Information Age", by Joel Achenbach, Washington Post, National Weekly Edition August 16, 1999).

Hiện nay có một hiện tượng của thông tin. Đa số phụ huynh có con học cấp trung học đều ráng mua cho con một máy điện toán có khả năng vào xa lộ thông tin (internet), "để cháu có phương tiện học hỏi". Nhưng nếu máy điện toán có hữu ích chăng là giúp học sinh viết một cách nhanh chóng và tiện lợi hơn, ngoài ra không giúp gì cho "cháu" trở thành một học sinh trung học xuất sắc, nếu không muốn nói chỉ làm cho "cháu" trở nên một học sinh kém hơn. Rất nhiều phụ huynh khoe với bạn, "từ hồi có máy điện toán tôi thấy cháu chăm học lắm. Đêm nào cũng thức đến hai hay ba giờ sáng cặm cụi học trước máy điện toán". Có phần chắc hầu hết thì giờ đáng lẽ dùng để ngủ "cháu" đã dùng để tò mò tìm hiểu mọi chuyện không liên hệ gì đến chương trình học, những chuyện có thể là nhảm nhí có hại hoặc để nói chuyện với những người bạn đâu đó tình cờ gặp trên xa lộ thông tin.

Trong năm 1999 tại Hoa Kỳ có nạn dùng súng bắn người bừa bãi. Nguyên nhân chính được ghi nhận là do kỳ thị người khác mầu da, hoặc vì chơi chứng khoán thua lỗ v.v... Các nhà làm luật vội vàng bàn thảo cách kiểm soát vũ khí cá nhân. Nhưng có thể sự dễ dàng sắm súng ở Hoa Kỳ chưa phải là nguyên nhân chính. Nguyên nhân chính cũng chưa chắc là do sự kỳ thị. Sự kỳ thị có từ khi có loài người, và hiện hữu ở mọi quốc gia trên thế giới. Người da trắng kỳ thị người da vàng và da đen, người Pháp kỳ thị người Ả Rập, người Nhật kỳ thị người Đại Hàn, người Việt Nam kỳ thị người Cam bốt, người Lào, và... cả người da trắng. Nhưng ở các nước đó có ai xách súng bắn người vì kỳ thị đâu. Tại Hoa Kỳ, xứ của tự do thông tin, nhiều chương trình truyền hình, phim ảnh, video bạo động hấp dẫn đã tạo cảm tưởng nơi thành phần hiếu động là chuyện bắn giết dễ dàng như trên màn ảnh. Một cảnh bắn giết xảy ra, chỉ trong một thời gian vài khắc đồng hồ là mọi chi tiết máu me, xác của những nạn nhân và đôi khi hình ảnh "tỉnh bơ" của tên sát nhân được chuyển lên màn ảnh truyền hình cho mọi người cùng xem, và gợi ý cho hành động nơi những thành phần hiếu động khác. Thời đại tin học đã đóng một vai trò quan trọng trong các vụ bắn người bừa bãi tại Hoa Kỳ. (Đương nhiên còn có những nguyên nhân khác như sự tự do quá trớn và đời sống đạo đức giảm sút).

Khi thông tin ngự trị đời sống, con người sẽ bị tha hóa và sự sống sẽ trở thành máy móc. Theodore John Kaczynski, nhà toán học Hoa Kỳ trở thành kẻ sát nhân bằng bom thư trong 17 năm từ năm 1979 đến năm 1996, giết 3 người và gây thương tích cho 23 người khác là kết quả của hiện tượng thông tin. Ông chống lại hiện tượng tha hóa vì thông tin nhưng chính ông đã bị tha hóa để trở thành một người hành động điên cuồng. Trong bản Tuyên Ngôn dài 35.000 chữ gởi hai tờ Washington Post và New York Times đăng, Kaczynski viết: "Hệ thống hiện tại buộc con người xa rời thiên nhiên. Hệ thống này cần các nhà khoa học, toán học và kỹ sư. Xã hội không thể hoạt động nếu không có những con người đó. Đã có quá nhiều áp lực buộc trẻ con phải học thật giỏi để sống. Thật là trái tự nhiên nếu một con người lớn lên phải dùng hết thì giờ để học và nghiên cứu".

Câu tục ngữ: "biết thì sống" có lẽ chỉ đúng nếu cái biết vừa đủ chứa trong bộ óc nhỏ bé của con người trong một thế giới đơn giản. Khi sự hiểu biết và nguồn thông tin dồi dào vượt quá bộ óc của con người chúng ta trở thành nạn nhân sản phẩm của chúng ta.

Có lẽ vì vậy mà Zen trở nên thịnh hành tại Tây phương trong mấy chục năm qua, và tu Thiền trở thành một pháp môn tu được nhiều người ưa chuộng. Người ta tìm về tính chân như của cuộc sống trước khi để xa lộ thông tin chở vào cái vô định. Và Thầy Thích Nhất Hạnh là người có lý nhất khi cho lập tại khu Vườn Hồng tại tỉnh Bordeaux bên Pháp, một khu trồng rau bón bằng phân bón thiên nhiên cho riêng Thầy dùng. Thầy chạy trốn cái lưới hiểu biết của con người trước khi nó bắt chụp được Thầy.

Trần Bình Nam

Giới thiệu sách

Hành Trình Cuối Đông
(Vụ án Langbian)
của Tiêu Dao Bảo Cự
bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản, Hoa Kỳ, 1998.

Nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho ra mắt ***Hành Trình Cuối Đông*** *"để đưa ra ánh sáng một cuộc đấu tranh cho tự do báo chí và tự do xuất bản xảy ra ngay trong lòng chế độ cách đây 10 năm". "Sự ra đời của cuốn sách này sẽ là món quà tặng hết sức khiêm nhường gửi đến những chiến sĩ đang dùng cảm đấu tranh cho dân chủ và cũng đang là nạn nhân của một guồng máy bạo lực phi nhân"* (lời nxb, tr.xii).

Đọc ***Hành Trình Cuối Đông*** để không quên những chiến sĩ đó.

Giá bán tại Pháp: 100 FF (đã kể bưu phí gởi). Tại Châu Âu: 110 FF (đã kể bưu phí gởi).

Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gởi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

Tìm hiểu Việt Nam (tiếp theo)

Sự hình thành các vùng biên giới miền Nam

Nguyễn Văn Huy

Nếu sự khám phá Tây Nguyên giữa thế kỷ 19 đối với người Pháp là một tình cờ đầy phiêu lưu thì sự có mặt của người Việt tại miền Nam cuối thế kỷ 17 là một tình cờ lịch sử. Tình cờ lịch sử là vì không do một tham vọng đất đai nào hay bị thúc đẩy bởi một động cơ dân số nào lúc khởi đầu, người Việt có mặt đông đảo trên đồng bằng sông Cửu Long một cách hòa bình. Chỉ về sau, trong suốt thế kỷ 18, để được bảo vệ và giúp đỡ, các vị vương tôn Khmer mới nhường thêm những phần đất khác trên đồng bằng sông Cửu Long cho người Hoa di cư và triều Nguyễn. Từ giữa thế kỷ 19, người Pháp chiếm hữu các tỉnh miền Nam và áp đặt chế độ thuộc địa, khu vực biên giới Việt Nam - Kampuchea mới được phân chia một cách rõ ràng và đã không thay đổi cho đến ngày nay.

Sự có mặt của người Việt tại Gia Định

Từ đầu thế kỷ 17, nội bộ Chân Lạp thường xuyên có loạn, các dòng vương tôn chia làm hai phe tranh chấp lẫn nhau, một phe được Xiêm La đỡ đầu, phe khác tìm hậu thuẫn nơi các chúa Nguyễn. Vùng đất phía Tây Chân Lạp (từ Angkor đến Biển Hồ) đã thuộc Xiêm La từ đầu thế kỷ 16, vùng đất còn lại phía Đông (từ Oudong đến Lovea Em) đặt dưới sự bảo hộ của Ayutthaya (kinh đô Xiêm La). Sự bảo hộ của người Thái tại Đông Chân Lạp có lẽ đã rất hà khắc nên gây nhiều bất mãn trong giới vương tôn Khmer. Năm 1620, vua Đông Chân Lạp là Jayajettha II (Chetta II) đến Phúc An (Thuận Hóa) cầu hôn quận chúa Ngọc Vạn, ái nữ thứ ba của Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635). Mục đích của việc kết nghĩa sui gia này là để tìm đồng minh: Jayajettha II đang bị Ayutthaya đe dọa còn chúa Sãi thì cần nguồn tiếp liệu (gạo, trâu, ngựa và voi) mang về Thuận Hóa củng cố lực lượng chống lại chúa Trịnh phía Bắc.

Cũng nên biết Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên có bốn người con gái: quận chúa Ngọc Liên gả cho trấn thủ Trấn Biên (Phú Yên) Nguyễn Phước Vinh năm 1629; quận chúa Ngọc Vạn gả cho vua Chân Lạp Jayajettha II (1619-1627) năm 1620 (hoàng hậu Ang Cuv); quận chúa Ngọc Khoa gả cho vua Chiêm Thành Po Romé (1627-1651) năm 1629 (hoàng hậu Po Bia Út) và quận chúa Ngọc Đỉnh gả cho nghĩa quận công Nguyễn Cửu Kiều năm 1623. Đoàn tùy tùng của quận chúa Ngọc Vạn gồm một ngàn người (500 thiếu nữ và 500 thanh niên), trú đóng tại kinh đô Lovea Em để phục dịch và bảo vệ quận chúa. Sự có mặt của người Việt trên đất Chùa Tháp như vậy chỉ thực sự bắt đầu từ 1620.

Vừa kết nghĩa sui gia xong, Jayajettha II liền dời kinh đô lên Oudong phía Tây Bắc với mục đích chiếm lại những vùng đất đã mất vào tay quân Xiêm La trong vùng Biển Hồ (Tonlé Sap). Sự trở mặt của vương triều Đông Chân Lạp khiến Ayutthaya nổi giận, năm 1622, quân Xiêm La tiến vào Oudong nhưng bị Jayajettha II, chỉ huy quân đánh bộ, và hoàng hậu Ang Cuv, chỉ huy thủy binh, đẩy lùi. Sau chiến công này, năm 1623, chúa Sãi yêu cầu vua Khmer nhường Prei Nokor và Kampong Trabei (Gia Định và Bến Nghé) trong vòng năm năm để lập trạm thu mua gạo, voi, trâu và ngựa mang về Thuận Hóa. Nhận thấy sự có mặt của người Việt tại đây là một bảo đảm về mặt an ninh ở phía Đông Nam, Jayajettha II liền ưng thuận. Năm 1627, Jayajettha II từ trần, con là Sri Dhammaraja I lên ngôi, Ang Cuv trở thành hoàng thái hậu; chúa Sãi cử thêm hai quan văn võ cùng 500 binh lính sang bảo vệ.

Sự hiện diện của binh sĩ Việt Nam ngay tại hoàng cung làm Dhammaraja mạnh dạng thêm, nhà vua chuẩn bị lực lượng tấn công quân Xiêm đồn trú tại Angkor; thời gian nhượng Prei Nokor và Kampong Trabei do đó được kéo dài vô hạn định. Nhưng Dhammaraja bị chú là Paramaraja giết năm 1632, nội bộ Đông Chân Lạp trở nên loạn lạc, vai trò của hoàng thái hậu Ang Cuv càng thêm quan trọng. Sau khi ủng hộ Ramadhipati I lên ngôi năm 1642, bà Ang Cuv được nâng lên hàng thái mẫu và có quyền hành ngang hàng nhà vua. Quan hệ giữa hai triều đình ngày càng thắt chặt. Năm 1665 có khoảng một ngàn người Việt gồm những gia đình binh sĩ đồn trú cùng những tội phạm biệt xứ được đưa vào Prei Nokor và Kampong Trabei khai phá đất hoang. Khu vực này trở nên trù phú, thương nhân Việt đến dựng trạm thu mua và người Khmer ở các vùng lân cận cũng đến dựng nhà buôn bán. Tình trạng này không thay đổi cho tới 1679, nhưng người Việt vẫn không dám ra xa khỏi khu vực vì sợ thú dữ.

Cũng nên biết Prei Nokor và Kampong Trabei trước 1620 chỉ là hai làng Khmer nhỏ nằm trên sông Sài Gòn giữa vùng sình lầy, đầy rắn rít, muỗi mòng và thú dữ; mỗi làng có độ mươi nóc nhà sàn dựng lên ở những gò đất cao. Người Khmer sống bằng nghề canh tác lúa nước, săn bắt thú rừng và đánh cá, họ sống độc lập với các vương triều Khmer nằm sâu trong nội địa và không phải đóng thuế cho ai cả. Lằn ranh phân chia xứ Đàng Trong với Chân Lạp trong giai đoạn này cũng chưa có, vì vùng đất tận cùng phía Nam của xứ Đàng Trong cho tới năm 1611 dừng lại ở đèo Cả (Phú Yên), vùng đất từ Khánh Hòa và Bình Thuận vẫn còn thuộc Chiêm Thành. Mỗi khi đến Chân Lạp, người Việt phải dùng thuyền đi từ Phú Yên dọc bờ biển vào cửa Cần Giờ, theo sông Sài Gòn đến Thủ Dầu Một, rồi từ Thủ Dầu Một dùng xe bò di chuyển đến Oudong, cách đó khoảng 300 km. Đồng Nai vẫn còn xa lạ đối với người Việt.

Người Minh Hương tại Đông Phố

Năm 1679, khoảng 3.000 binh sĩ trung thành với nhà Minh đi trên 50 chiến thuyền đến cửa Tu Dung (Đà Nẵng) xin tị nạn; chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần liền sai người dẫn đoàn tàu, chia làm hai toán, vào miền Nam lập nghiệp vì e ngại sự hiện diện của đoàn quân này cạnh hoàng triều. Toán đầu dưới sự chỉ huy của Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình, theo sự hướng dẫn của Nguyễn Dương Lâm, tiến vào cù lao Phố, Bàn Lân (Biên Hòa) và Đề Ngạn (Gia Định). Toán thứ hai do Dương Ngạn Địch cùng

Hoàng Tiến chỉ huy, theo sự hướng dẫn của Nguyễn Đình Phái, đi vào cửa Soài Rạp và Đại Tiểu đồn trú tại Lộc Dã (Đồng Nai), Mỹ Tho và Cao Lãnh.

Tại những nơi này, hai đoàn quân Minh triều cũ vỡ đất phá rừng, đào kinh, cất phố, lập chợ. Họ chọn những vị trí thuận lợi cho việc giao thông và tập trung khai thác những vùng đất mới. Trong lúc chạy loạn, những binh sĩ này không mang theo gia đình cùng tài sản, một số đã lập gia đình với phụ nữ Việt tại Gia Định. Sau khi ổn định cư trú, Trần Thượng Xuyên kêu gọi những gia đình Minh Hương khác cập bến tại Đông Nam Á đến hội cư và cho phép một số binh sĩ lén về Hoa lục mang gia đình vào lập nghiệp. Từ năm 1682 trở đi, vùng đất sình lầy tại Gia Định và cửa Đại trở nên phồn thịnh, thương thuyền các quốc gia phương Tây, Mã Lai và Nhật Bản vào buôn bán rất đông. Sự phát triển này độc lập với Phú Xuân vì quan hệ giữa quân Minh triều cũ và chúa Nguyễn trong giai đoạn này rất là giới hạn.

Một binh đoàn của Dương Ngạn Địch, dưới sự chỉ huy của Trần An Bình, tiếp tục đi theo các nhánh sông Cửu Long vào sâu trong nội địa, chiếm một số làng người Khmer với ý định thành lập một lãnh địa riêng. Không thuyết phục được chủ tướng, năm 1688 Hoàng Tiến giết Dương Ngạn Địch và chiếm Mỹ Tho, lập công sự phòng thủ trên sông Tiền Giang chống lại mọi người. Trần Thượng Xuyên, nhận thấy không thể giải quyết một mình các vấn đề chính trị và quân sự, cho người về Phú Xuân cầu cứu. Nghĩa vương Nguyễn Phúc Trăn liền sai Mai Văn Long mang quân vào dẹp loạn và giết được Hoàng Tiến, toàn bộ binh sĩ Minh triều sau đó qui hàng và được đặt dưới quyền của Trần Thượng Xuyên.

Trong thời gian này, tại Chân Lạp, các dòng vương tôn tranh quyền lẫn nhau, tất cả đều cậy Ayutthaya hay Phú Xuân để tiêu diệt đối thủ. Sau một cuộc can thiệp quân sự năm 1690 trên đất Chùa Tháp giữa quân Việt và quân Thái, một giải pháp đã được tìm ra, lãnh thổ Đông Chân Lạp được chia làm hai phần, nửa phía Tây đặt dưới sự bảo hộ của Ayutthaya và nửa phía Đông dưới sự bảo hộ của Phú Xuân. Nguyễn Hữu Hào mang quân Việt về trấn thủ Bà Rịa, Trần Thượng Xuyên mang các cựu binh sĩ nhà Minh về đồn trú tại Gia Định và Mỹ Tho, gọi chung là Đông Phố. Các vùng đất này trên thực tế đã thuộc về chúa Nguyễn vì Oudong mất quyền kiểm soát từ 1658. Từ sau 1682, người Minh Hương và di dân nhà Thanh tranh chấp lẫn nhau về đất đai cũng như về quyền lợi: người Minh Hương cho rằng đã có công khai phá và làm phát triển Đông Phố, do đó phải được sở hữu những vùng đất tốt; di dân nhà Thanh, cũng là thân nhân của người Minh Hương từ Hoa lục đến, lập luận rằng tất cả người Hoa đều là di dân và đều có công khai phá đất hoang, hơn nữa lại có dân số đông hơn, do đó đất đai phải được phân chia đồng đều.

Tranh chấp giữa các nhóm di dân gốc Hoa ngày càng gay gắt, năm 1698 Minh vương Nguyễn Phúc Chu phải cử Nguyễn Hữu Kính vào làm kinh lược, đất Đông Phố được chia thành dinh và huyện: Mỗi Xuy thành Trấn Biên dinh (Biên Hòa) do một quan Việt cai trị, Bến Nghé thành Phiên Trấn dinh (Gia Định) do đô đốc Trần Thượng Xuyên cai quản; Đồng Nai thành huyện Phước Long trực thuộc Trấn Biên, Đề Ngạn thành huyện Tân Bình trực thuộc Phiên Trấn, hai huyện này đặt dưới sự cai trị trực tiếp của người Việt. Cộng đồng người Hoa cũng phân trú làm hai nơi: xã Minh Hương thuộc Phiên Trấn dành cho người Hoa cũ (người Minh Hương); xã Thanh Hà trực thuộc Trấn Biên dành cho người Hoa mới tới (di dân nhà Thanh). Các chức vụ hành chánh được thành lập và do người Hoa và Việt quản lý. Dân số Đông Phố cuối thế kỷ 18 được giám mục Labbé ước định khoảng 200.000 người với 40.000 nóc gia, trong đó có trên 3.000 người Việt, số còn lại là di dân gốc Hoa và Khmer.

Kể từ sau 1698, di dân Việt từ các tỉnh miền Trung được khuyến khích vào khai thác các vùng đất mới (từ 1693 một hành lang được mở trực tiếp từ Bình Thuận xuống Bà Rịa) và tham gia trực tiếp các sinh hoạt tại Đông Phố. Năm 1710, cùng theo giám mục Labbé, số người Việt được ước lượng khoảng 20.000 người, phần lớn tụ cư tại Tiền Giang và Đồng Nai (được Ninh vương Nguyễn Phúc Trú sát nhập năm 1733). Mặc dù vậy khu vực định canh của mỗi địa phương giống như các đốm da beo: người Việt và người Hoa di cư chỉ tụ cư ở những vùng đất thấp, cạnh những trục giao thông; sau khi đã ổn định đời sống những người này mới nới rộng khu vực canh tác sang các vùng lân cận. Lằn ranh hành chánh phân chia giữa các địa phương chính vì vậy thường không rõ ràng, nó tùy thuộc nơi canh tác cuối cùng của mỗi địa phương và thay đổi dần theo thời gian khi một đình làng mới được thành lập.

Từ cuối thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 18, cộng đồng người Hoa di cư giữ một vai trò quyết định trên bán đảo Đông Dương. Các phe tranh chấp, Ayutthaya, Phú Xuân hay Oudong, đều trông cậy vào sức mạnh kinh tế và quân sự của cộng đồng này để thực hiện những mục tiêu mong muốn. Sự thần phục triều Nguyễn của cộng đồng người Hoa di cư, đặc biệt là sự thần phục của dòng họ Mạc, là một may mắn lớn cho triều Nguyễn. Nhờ sự ủng hộ tích cực của con cháu những người Hoa di cư này mà lãnh thổ nước ta được nới rộng trên toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long và trong vịnh Thái Lan. Cũng nhờ sự ủng hộ này mà Nguyễn Ánh gây dựng lại cơ đồ, đánh bại Tây Sơn và thống nhất sơn hà, đồng thời loại Xiêm La ra khỏi bán đảo Đông Dương. Con cháu những người Hoa di cư sau này đã trở thành những công dân Việt Nam trọn vẹn và đã góp phần không nhỏ trong việc phát triển miền Nam Việt Nam.

Người Hoa tại Hà Tiên

Tưởng cũng nên nhắc lại là tại Hoa lục, sau khi nhà Thanh thống lãnh toàn bộ lục địa Trung Hoa năm 1644 và chiếm đảo Đài Loan năm 1683, hàng chục ngàn binh lính nhà Minh đồn trú dọc các tỉnh duyên hải Đông Nam đã đi trên 200 chiến thuyền xuống Đông Nam Á tị nạn, trong đó khoảng 50 thuyền đến xứ Đàng Trong và được đưa vào miền Nam (1679) lập nghiệp, số còn lại phân tán trên các nước khác, đông nhất là tại Xiêm La. Phần lớn các cựu binh sĩ nhà Minh này hội nhập hẳn vào các xã hội địa phương, chỉ một số nhỏ hành nghề buôn bán hoặc cướp biển.

Năm 1681 một toán di dân theo Mạc Cửu đổ bộ lên đảo Koh Tral (Phú Quốc), rồi vào đất liền dùng đường bộ đi từ Kampot, qua Banteay Meas, đến Oudong tiếp kiến vua Jayajettha III, lúc đó đang trải qua một giai đoạn khó khăn. E ngại sự hiện diện của nhóm người Hoa này bên cạnh triều đình, Jayajettha III liền giao cho Mạc Cửu cai quản vùng đất

rộng lớn trong vịnh Thái Lan. Tại đây, vì không phải là những nông dân chuyên nghiệp, Mạc Cửu liền thành lập bảy sòng bạc dọc bờ biển, từ Peam (Hà Tiên), Long Kỳ (Preah Bat) đến Cần Bột (Kampot), Hương Út (Kampong Som), Sài Mạt (Banteay Meas), Linh Quỳnh (Prei Angkunh) và Koh Tral, để thu hút số tiền bạc và hàng hóa của các tay cướp biển Trung Hoa đang tung hoành trong vịnh Thái Lan. Chẳng bao lâu vùng đất này trở nên trù phú, đảo Koh Tral đổi thành Phú Quốc và làng Peam, bản doanh của Mạc Cửu, mang tên Căn Khẩu Quốc. Đất lành chim đậu, di dân người Hoa từ khắp nơi xin vào định cư rất đông và làm phát triển thêm vùng đất mới, Mạc Cửu trở thành một thế lực đáng kể trong vùng.

Thế lực mới này khiến Ayutthaya lo sợ. Vua Xiêm, Trình Quốc Anh, một người Hoa gốc Triều Châu, cất quân tiến vào Căn Khẩu Quốc phá hủy các làng mạc và sòng bài, Mạc Cửu rút về giữ bản doanh tại Peam. Chịu không nổi áp lực ngày càng đè nặng của Xiêm La, năm 1708 Mạc Cửu cho người vào Diên Khánh cầu cứu và năm 1714 xin thần phục Minh vương Nguyễn Phúc Trăn. Tư cách thần dân của Mạc Cửu liền được công nhận và được phong chức tổng binh, toàn quyền cai quản Căn Khẩu Quốc. Năm 1717 quân Xiêm lại tiến vào Căn Khẩu Quốc, Mạc Cửu chạy vào Gia Định cầu cứu. Giọt nước đã làm tràn ly, năm 1724 Minh vương cất đại binh tiến vào Căn Khẩu Quốc, đánh bại quân Xiêm và thu hồi lại một số xã bị chiếm đóng, Mạc Cửu chỉ đợi dịp này để xin sát nhập toàn bộ lãnh thổ dưới quyền vào xứ Đàng Trong. Căn Khẩu Quốc được chúa Nguyễn đổi thành Long Hồ dinh và năm 1732 thành trấn Hà Tiên, dòng họ Mạc được phong chức đô đốc cai trị Căn Khẩu Quốc. Con cháu Mạc Cửu sau này, đặc biệt là Mạc Thiên Tứ, ra sức bảo vệ và nới rộng miền đất này vào sâu nội địa đồng bằng sông Cửu Long để tỏ lòng thành với một đất nước đã không bạc đãi tổ tiên họ trong lúc khó khăn.

Năm 1739, Mạc Thiên Tứ cho người khai khẩn đất hoang và sát nhập vào trấn Hà Tiên bốn huyện mới: Long Xuyên, Kiên Giang (Kramoun Sar), Trấn Giang (Cà Mau) và Trấn Di (Bạc Liêu). Năm 1755, Mặc Thiên Tứ đờ đầu Ang Snguon (Nặc Nguyên), một vương tôn Khmer chống chúa Nguyễn bị thua và xin hàng. Để tạ ơn, Ang Sngoun tặng riêng Mạc Thiên Tứ đất Tầm Bôn (Cần Thơ) và Lôi Lập (Long Xuyên), một hình thức hợp thức hóa bốn huyện do Mạc Thiên Tứ thành lập từ 1739, vì trong thực tế Chân Lạp đã mất quyền quản trị.

Tình hình Chân Lạp lại rối loạn sau cái chết của Ang Snguon (1758), các dòng vương tôn tranh quyền sát hại lẫn nhau. Một vị vương, Ang Ton (Nặc Tôn), nhờ Mạc Thiên Tứ xin chúa Nguyễn đưa lên ngôi và tặng đất Tầm Phong Long (Châu Đốc) để tạ ơn. Riêng Mạc Thiên Tứ được Ang Ton tặng thêm năm vùng đất dọc bờ biển trước kia bị quân Xiêm chiếm đóng: Vũng Thơm (Kompong Som), Cần Bột (Kampot), Trực Sâm (Choan Kanhchom), Sài Mạt (Bantaey Meas) và Linh Quỳnh (Prei Angkunh), tất cả các vùng đất mới này được sát nhập vào trấn Hà Tiên do Mạc Thiên Tứ cai trị. Võ vương Nguyễn Phúc Khoát chia các vùng đất miền Tây ra thành ba đạo: Đông Khẩu đạo (Sa Đéc), Tân Châu đạo (Tiền Giang) và Châu Đốc đạo (Hậu Giang). Trấn Hà Tiên được sát nhập vào phủ Tầm Bào (Vĩnh Long) trực thuộc Châu Đốc đạo.

Đối với người Việt Nam, cuộc Nam tiến đợt II đến năm 1758 coi như hoàn tất và năm 1768 toàn bộ lãnh thổ miền Nam được chia thành ba tỉnh: Đồng Nai (bao gồm các vùng đất miền Đông), Sài Gòn (bao gồm các vùng đất từ sông Sài Gòn đến cửa Cần Giờ) và Long Hồ (bao gồm các vùng đất miền Tây). Ranh giới của mỗi địa phận và mỗi địa danh trong giai đoạn này không rõ ràng, phần lớn giới hạn ở bìa đất canh tác cuối cùng, thường không xa bao nhiêu khu vực trung tâm. Quan niệm về không gian sinh tồn của người Kinh được triệt để tôn trọng, người Việt và người Hoa không vào những vùng đất đã có người Khmer cư ngụ, mà chỉ thành lập làng xã ở vùng kế cận theo kiểu da beo. Công cuộc khai phá đồng bằng sông Cửu Long của người Việt vào sâu trong nội địa đồng bằng sông Cửu Long bị gián đoạn dưới thời Tây Sơn và chỉ tiếp tục dưới thời nhà Nguyễn từ 1802 đến 1859.

Năm 1803, vua Gia Long củng cố Châu Đốc và cho đào hai con kinh: từ Châu Đốc đến cửa biển Hà Tiên (kinh Vĩnh Tế) và từ Châu Đốc đến sông Hậu Giang (kinh Vĩnh An), hai con kinh này được coi là lằn ranh phân chia miền Nam với Chân Lạp tại cửa khẩu Châu Đốc. Lằn ranh này cắt đứt quan hệ giữa Oudong với các nhóm Khmer sinh trú giữa lưu vực hai sông Tiền và sông Hậu (Vĩnh Lợi). Dưới thời Minh Mạng, vùng đất này được sát nhập vào lãnh thổ Đại Việt năm 1835, mang tên Ba Xuyên, gồm ba huyện: Phong Nhiêu, Phong Thạnh và Vĩnh Định; dân cư tại đây đa số là người Khmer, về sau có thêm các nhóm Triều Châu xen kẽ.

Về phía Tây, từ 1840 nhiều đồn canh được dựng lên từ Trảng Bàng đến dưới chân núi Bà Đen (Tây Ninh) để ngăn chặn sự xâm nhập của những nhóm Khmer bị vương triều Oudong đánh đuổi hay người Stieng xuống đồng bằng trao đổi hàng hóa. Di dân Việt được khuyến khích lên Thủ Dầu Một khai thác đất hoang, nhưng đến 1859 thì ngừng lại vì quân Pháp bắt đầu thám hiểm lưu vực sông Đồng Nai và Mékong ở phía Tây tìm đường vào miền Nam Trung Quốc. Trên đường thám hiểm, quân Pháp lần lượt bình định và chiếm hữu những vùng đất mới nằm sâu trong nội địa Đông Dương.

Người Pháp tại Nam Kỳ

Hòa ước ngày 17-2-1859 là một đòn chí tử giáng vào quyết tâm mở rộng miền Nam của người Việt và Hoa, thành Gia Định lọt vào tay quân Pháp và Tây Ban Nha. Hòa ước vừa ký xong, nhiều đoàn thám hiểu được cử vào thám thính các vùng rừng núi phía Tây để thiết lập lằn ranh phân chia ba tỉnh miền Đông với Cambodge. Bản đồ sáu tỉnh miền Nam liền được Ariès, chỉ huy trưởng quân đội Pháp tại Sài Gòn, vẽ xong ngày 16-9-1860. Hai năm sau, quân Pháp lần lượt chiếm các thành Mỹ Tho, Biên Hòa và Vĩnh Long và buộc triều đình Huế nhượng ba tỉnh miền Đông (hòa ước Nhâm Tuất năm 1862): Biên Hòa, Gia Định và Định Tường.

Hòa ước 1862 đã làm nhiều sĩ phu Việt nam bất mãn, một số đã rút vào vùng rừng núi Bà Đen và vùng sình lầy Đồng Tháp kháng chiến. Sự kiện vua Norodom nhờ quân Pháp giữ vững ngai vàng và nhận sự bảo hộ (11-8-1863) đã khiến một số hoàng thân Khmer tức giận và rút vào rừng sâu kháng chiến. Trương Công Định, A Soa và Po Kombo đã tổ chức nhiều cuộc phục kích và gây thiệt hại cho các đoàn thám hiểm trong vùng

rừng núi Tây Ninh và sình lầy Đồng Tháp; sự kiện này khiến Pháp quyết tâm chiếm trọn những phần đất miền Nam còn lại. Năm 1867, trong vòng năm ngày, quân Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên) và buộc nhà Nguyễn ký hiệp ước Giáp Tuất (1874), nhượng hẳn sáu tỉnh miền Nam để làm thuộc địa và Pháp thay mặt triều đình Huế ký kết các văn kiện ngoại giao (kể cả việc phân định biên giới với các lân bang).

Việc làm đầu tiên của chính quyền thuộc địa Pháp tại Nam Kỳ là vẽ bản đồ phân chia khu vực hành chánh tại đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời cử nhiều phái đoàn đi khắp nơi tìm hiểu ngôn ngữ, phong tục tập quán, thời gian lưu trú của mỗi nhóm dân cư, để thiết lập bản đồ phân chia khu vực biên giới giữa Nam Kỳ, Trung Kỳ và Cambodge. Qua các cuộc hành quân tảo thanh các ổ chống cự của sĩ phu Việt Nam và kháng chiến quân Khmer trong vùng rừng núi phía Tây, từ 1862 đến 1867, người Pháp khai sinh thêm hai tỉnh mới: Tây Ninh và Đồng Tháp (1867). Từ đó nhiều đoàn thám hiểm được cử đi dọc các sông Mékong và các phụ lưu ở tả ngạn (Prek Chhlong, Prek Tê), sông Vàm Cỏ, sông Bé và sông Đồng Nai, và thành lập nhiều đồn bót để mở rộng tầm kiểm soát.

Chính trong lúc này Pháp mới nhận thấy tầm quan trọng của Cambodge trong sự ổn định của khu vực. Về mặt chiến lược, Cambodge là khu vực trái độn giữa hai thế lực Xiêm La và Đại Việt, do đó Pháp đã làm mọi cách loại bỏ ảnh hưởng của Xiêm La trên đất Chùa Tháp để tái lập lại vương triều Angkor, do Mouhot tình cờ khám phá năm 1851 tại Seamreap, với một tên mới được Pháp hóa: Cambodge (Kambuja, tức quê hương con cháu Kambu, thủ lãnh người Khmer trên cao nguyên Korat thế kỷ 5). Ngày 15-7-1867, Xiêm La ký với Pháp một hiệp ước công nhận sự bảo hộ của Pháp tại Cambodge, bù lại Pháp không được chiếm hữu bất cứ một vùng đất nào tại Cambodge.

Sau nhiều "trục trặc ngoại giao" với Xiêm La, từ tháng 6 đến tháng 12-1867 Pháp chính thức sát nhập toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long vào lãnh thổ Nam Kỳ, trừ khu vực Mỏ Vẹt. Một vùng biên giới dài từ phía Bắc Tây Ninh đến bờ biển Hà Tiên với Cambodge được ấn định. Trong nội địa, Pháp lần lượt sát nhập từ 1869 đến 1872 các tỉnh Đồng Nai Thượng, Trảng Bàng, Sông Bé, Tây Ninh, Vàm Cỏ Đông và Tây, Đồng Tháp Mười, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau vào lãnh thổ Nam Kỳ. Ranh giới phân chia Nam Kỳ và Trung Kỳ được ấn định từ Bà Rịa, Đồng Nai Thượng, Sông Bé và Tây Ninh. Di dân người Việt từ các tỉnh miền Nam Trung Kỳ trong thời kỳ này được khuyến khích vào Nam lập nghiệp rất đông, nhất là tại An Giang, Kiên Giang và Trà Vinh. Người Hoa gốc Triều Châu cũng nhân cơ hội vào định cư cạnh những làng Khmer và Việt.

Sau nhiều thương lượng gay go với vua Norodom, thực ra là giữa người Pháp tại miền Nam và người Pháp cố vấn vua Norodom, một công ước chung về biên giới giữa Nam Kỳ và Cambodge được ký ngày 15-7-1873, theo đó lằn ranh phân chia hai nước được xác định bởi những cột mốc cụ thể và những dấu chấm trên bản đồ một cách rõ ràng. Mặc dù vậy khu vực ranh giới tại Tây Ninh vẫn còn rắc rối cho tới 1896 mới chấm dứt. Lãnh địa Hà Tiên có từ thời Mạc Thiên Tứ (thế kỷ 18) bị thu hẹp lại, các thành phố Kampot, Kompong Som được giao lại cho Cambodge, theo sự cố vấn của các chuyên gia Pháp tại Phnom Penh, để có đường ra biển ngày 12-3-1914; bù lại đảo Phú Quốc được sát nhập vào Nam Kỳ.

Về lãnh hải, thông tư ngày 31-1-1939, do toàn quyền Brévié ban hành, lấy kinh tuyến 140° và vĩ tuyến 10°5 tại Hà Tiên làm định mức phân chia: phía Tây-Bắc thuộc Cambodge, phía Đông-Nam thuộc Nam Kỳ.

* * *

Từ sau 1939, khu vực biên giới giữa Nam Kỳ (thuộc Việt Nam sau 1954) và Cambodge trên lý thuyết đã được ổn định nhưng trong thực tế vẫn chưa ổn thỏa. Những tranh chấp về ranh giới, chính trị hay quân sự, từ 1954 đến nay thể hiện phần nào sự bất ổn đó. Người Khmer không ngừng tố cáo người Việt chiếm đất của họ và đã làm mọi cách để làm xấu đi quan hệ giữa hai nước. Chính sách bài Việt Nam của các lãnh tụ chính trị Khmer gần đây trong các cuộc tranh cử cần được ghi nhận với tất cả sự nghiêm trọng của nó.

Tại sao người Khmer tại Kampuchea vẫn tiếp tục duy trì tâm lý bài Việt? Có nhiều lý do để giải thích.

Trước hết là sự khác biệt về văn hóa. Người Khmer không ghét người Thái (Xiêm La) mà chỉ thù người Việt. Người Thái, vì cùng văn hóa Ấn Độ, chỉ có thể là "đồng minh", mặc dù đã là tác giả của biết bao tai họa khiến người Khmer không cất đầu lên nổi: tiêu diệt nền văn minh Angkor, chiếm hữu toàn bộ lãnh thổ phía Tây, vơ vét tài nguyên nguyên, bắt người về làm nô lệ, bao che những thành phần diệt chủng... Nếu không có sự hiện diện của người Việt có lẽ quốc gia này đã nhiều lần bị Xiêm La xóa tên.

Thứ hai là vấn đề tâm lý. Người Khmer luôn có mặc cảm bị người Việt hiếp đáp. Tâm lý này là kết quả của một thời gian dài bị đô hộ bởi người Xiêm La và người Pháp, hai thế lực này rất sợ người Việt sẽ dần dần chiếm hữu Kampuchea, cựu vương quốc Champa là một bằng cớ. Mặc dù là ân nhân của người Khmer trong suốt quá trình giữ nước, vai trò của người Việt tại Kampuchea thường bị hiểu lầm.

Thứ ba là lý do lịch sử. Người Khmer có mặt tại đồng bằng sông Cửu Long trước người Việt. Lý do này ngày nay không còn đứng vững. Người Khmer sinh sống trên đồng bằng sông Cửu Long từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ 17 không đông vì điều kiện sinh sống khó khăn, phần lớn là những người chạy trốn sự hà khắc của các vương quyền Khmer. Sau khi tiêu diệt Phù Nam, các vương triều Khmer bỏ rơi đồng bằng sông Cửu Long (Óc Eo, Tri Tôn) mà chỉ tập trung phát triển khu vực chung quanh Biển Hồ. Người Việt tuy có đến sau thật nhưng đã cùng người Hoa di cư làm phát triển vùng đất này và đang chia sẻ với người Khmer địa phương những phúc lợi chung.

Thứ tư là lý do kinh tế. Đồng bằng sông Cửu Long ngày nay trở thành trù phú trong khi khu vực Biển Hồ vẫn chìm trong nghèo khổ. Thêm vào đó, cộng đồng người Việt tại Kampuchea, do cần cù và chịu khó hơn, có mức sống tương đối cao hơn người Khmer bản địa. Sự kiện này có lẽ đã làm người Khmer không bằng lòng, nếu đồng bằng sông Cửu Long cằn cỗi như các vùng đất phía Tây và người Khmer có mức sống ngang bằng người Khmer, vấn đề tranh chấp đất đai và tâm lý bài Việt có lẽ đã không đặt ra.

Nguyễn Văn Huy

Các giá trị Châu Á?

Nguyễn Gia Kiểng

LTS: Bài nói chuyện ngày 9-8-1999 tại hội nghị quốc tế về "Thiên Niên Kỷ Mới: Những Thách Thức và Chiến Lược Trong Một Thế Giới Toàn Cầu Hóa" do Hiệp Hội Nghiên Cứu Quốc Tế tổ chức tại Paris, với sự tham gia của trên một trăm chuyên gia thuộc các tổ chức nghiên cứu và các trường đại học tại Mỹ, Mahico, Canada, Nga, Pháp, Đức, Thụy Điển và Nhật. Bài phát biểu này nằm trong khuôn khổ cuộc thảo luận về Châu Á dưới sự chủ tọa của giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng, giáo sư về chính trị quốc tế Viện Đại Học George Madison, Washington DC.

Các vị là những học giả lỗi lạc từ xa tới. Thì giờ của các vị rất quí báu. Tôi hiểu là tôi không được dẫn nhập dài dòng mà phải nhảy thẳng vào đề tài của cuộc thảo luận này, nghĩa là Các Giá Trị Châu Á.

Điểm thứ nhất là cuộc tranh cãi về các giá trị Châu Á đã được tung ra hồi đầu thập niên 90, hầu như cùng một lúc tại Singapore và Malaysia. Đây là một điều đáng ngạc nhiên bởi vì Singapore và Malaysia chính là hai nước có ít tư cách nhất để phát biểu nhân danh văn hóa và truyền thống Châu Á.

Singapore là một thương cảng hơn là một quốc gia, do người phương Tây thành lập cách đây hai thế kỷ, bắt đầu từ một làng đánh cá nhỏ với vài chục ngư dân. Nó đã được tạo ra và cai trị hoàn toàn theo khuôn mẫu phương Tây. Dân chúng Singapore, ba triệu người hiện nay, chủ yếu là những người Hoa đã chạy trốn hệ thống chính trị và văn hóa Châu Á tại quê hương cũ.

Malaysia cho tới cuối thế kỷ 14 chỉ là một bán đảo hoang vu và là trạm dừng chân cho các thuyền buôn qua lại giữa Ấn Độ và Sumatra. Dữ kiện lịch sử đầu tiên là cuộc thăm viếng của một sứ giả Trung Quốc dưới triều Minh năm 1405. Lúc đó Malaysia chỉ có vài vương quốc nhỏ hoàn toàn cô lập với phần còn lại của Châu Á. Cho tới khi được tuyên bố là thuộc địa của Anh, đặt dưới quyền quản trị của công ty British North Borneo Company, vào năm 1881, Malaysia không có gì giống với một quốc gia cả. Người Anh đã đem tới đây một số người Ấn để làm việc trong những đồn điền mà họ lập ra. Sự phồn thịnh sau đó đã lôi kéo một số người đông đảo hơn nữa thuộc chủng tộc Mã Lai từ Indonesia và một số di dân từ Hoa Lục. Khi Liên Bang Malaysia được thành lập năm 1948, người Mã Lai chiếm 55% dân số, người Trung Hoa khoảng 30% và người Ấn khoảng 9%. Các tỷ lệ này hầu như vẫn không thay đổi cho đến hiện nay. Malaysia không có lịch sử và cũng có một văn hóa riêng. Như Singapore, Malaysia được thành lập và cai trị hoàn toàn theo khuôn mẫy phương Tây. Cùng giống như Singapore, người Malaysia rất hài lòng với chính quyền thuộc địa Anh và không đòi độc lập, họ đã chỉ được độc lập sau một quyết định của nước Anh. Hệ thống chính trị của họ không khác bao nhiêu di sản mà người Anh để lại.

Điểm đáng chú ý thứ hai là cả Lee Kwan Yew (Lý Quang Diệu) của Singapore lẫn Mahathir Muhamad của Malaysia, hai người hô hào tích cực nhất cho những "giá trị Châu Á", đều là những người đã rất Tây phương hóa. Cả hai đều đã đóng vai trò then chốt trong việc Tây phương hóa sinh hoạt của đất nước họ.

Lý Quang Diệu chỉ bắt đầu nói tới các giá trị Khổng Giáo sau khi ông từ chức thủ tướng. Việc ông nhấn mạnh tới truyền thống tôn trọng các bậc trưởng thượng của người Châu Á có thể được nhìn như một phản ứng tự vệ để cố kéo dài ảnh hưởng trên chính trường. Lý Quang Diệu tỏ ra khó chịu trong qui chế "has been" của ông. Ông đi khắp nơi, ban phát những lời khuyên cho mọi người trên mọi vấn đề. Các lập luận về các giá trị Châu Á của ông có vẻ đã thành công cho cá nhân ông vì ít ra chúng đã làm ông nổi bật.

Mahathir thuộc một thiểu số trong sắc tộc Mã Lai được giáo dục theo văn hóa Anh. Nếp sống của ông hoàn toàn là nếp sống của một người Anh. Mahathir rất sợ bị coi như là một người Mã Lai mất gốc. Vì thế những lời tuyên bố của ông về các giá trị Châu Á cũng chỉ nhắm mục đích sửa đổi hình ảnh của ông, để ông có vẻ Mã Lai và Hồi Giáo hơn là sự thực. Từ một năm nay vụ án Anwar Ibrahim đã gây rất nhiều tiếng vang. Dư luận thế giới coi Anwar như một chính khách tiến bộ và hiện đại, nạn nhân của Mahathir, một người cầm quyền thủ cựu. Thực ra Anwar từng là một người Hồi Giáo toàn nguyên và quá khích trong giai đoạn đầu của sự nghiệp chính trị. Ông ngưỡng mộ Khomeini và đã phấn khởi vì cuộc cách mạng Hồi Giáo tại Iran đến nỗi ông từng hành hương sang Teheran để bày tỏ sự cảm phục đối với Khomeini. Mahathir đã chỉ chọn Anwar làm người thừa kế chính thức của mình để tranh thủ cử tri Hồi Giáo Mã Lai cho ông. Chính vì thế mà ông đã rất giận dữ và thù ghét Anwar khi Anwar muốn tỏ ra hiện đại hơn ông.

Điểm thứ ba mà tôi muốn lưu ý quí vị là "các giá trị Châu Á" chỉ là một diễn văn chứ hoàn toàn không phải là một chủ thuyết. Không hề có một luận cương hay một cẩm nang nào cả. Tất cả chỉ là những bài viết ngắn và những cuộc phỏng vấn bằng tiếng Anh được đăng trên nhật báo The International Herald Tribune và tập san Foreign Affairs. Trong số những người chủ xướng và hô hào cho các giá trị Châu Á, người ta không thấy một triết gia, một nhà tư tưởng hay một nhà văn lớn nào, người ta chỉ thấy những công chức thuộc hai chính quyền Singapore va Malaysia. Cuộc vận động cho các giá trị Châu Á giống như một chiến dịch tuyên truyền hơn là một cuộc thảo luận trí tuệ.

Một đặc điểm khác là những ồn ào

về các giá trị Châu Á đã chỉ giới hạn trong khuôn khổ ASEAN. Các quốc gia Châu Á khác đã không tham gia cuộc hòa tấu này. Không có khuôn mặt chính trị hoặc trí thức lớn nào của Nhật tỏ ra quan tâm. Ấn Độ, Pakistan và Bangladesh hoàn toàn không biết tới. Nam Cao Ly và Đài Loan gạt bỏ thẳng thừng các luận điệu về các giá trị Châu Á và quả quyết chọn lựa con đường dân chủ hóa. Ngay trong khối ASEAN, Indonesia, Thái Lan và Philippines tỏ ra dửng dưng. Chỉ có Hà Nội, Bắc Kinh và Rangoon tỏ ra hưởng ứng. Báo chí và quan chức Việt Nam thỉnh thoảng ca tụng những "quan điểm đứng đắn" của Lý Quang Diệu và Mahathir, dù không đề cập đến cụm từ "giá trị Châu Á". Cũng nên chú ý rằng trong mọi phát biểu về các giá trị Châu Á của họ, cả Lý Quang Diệu lẫn Mahathir cùng những cộng sự viên của hai ông đều không bao giờ đề cập đến Ấn Độ, Pakistan và Bangladesh. Đối với họ, hình như Châu Á chỉ là Đông Á.

Nhưng "những giá trị Châu Á" là gì? Lý Quang Diệu và Mahathir lại xung khắc một cách trầm trọng về nội dung của chúng. Đối với họ Lý, các giá trị Châu Á chỉ có thể là các giá trị Khổng Giáo trong khi đối với Mahathir chúng lại chủ yếu là các giá trị Hồi Giáo. Hai nhân vật này tuy ghét nhau nhưng hình như cũng đồng ý với nhau rằng người Châu Á quan tâm đến xã hội, cố gắng, giáo dục, tiết kiệm, phát triển và ổn định hơn là tới cá nhân, tiện nghi, tiêu thụ, nhân quyền và dân chủ; ngoài ra người Châu Á kính trọng tổ tiên, người lớn tuổi và chính quyền. Dân chủ và nhân quyền có vẻ như là hai đối tượng đánh phá quan trọng nhất của những diễn văn về các giá trị Châu Á. Nhưng ở đây các quan chức Singapore và Malaysia lại tỏ ra bối rối. Thông thường họ phản bác dân chủ và nhân quyền như những giá trị của phương Tây, nhưng cũng có khi họ lại nói đó là những giá trị phổ cập chỉ cần thích nghi với hoàn cảnh Châu Á.

Lý Quang Diệu hô hào một cách rất hăng say cho kinh tế thị trường và sự công khai (tranparency), hai cột trụ của dân chủ. Có những lúc ông nói rằng dân chủ và nhân quyền cũng quan trọng đấy nhưng không quan trọng bằng kỷ luật và sản xuất. Người kế vị ông, đương kim thủ tướng Singapore Goh Chok Tong còn đi xa hơn, đối với ông: "Các quyền kinh tế và xã hội cũng quan trọng không kém các quyền dân sự và chính trị". Không kém nhưng cũng không hơn. Ở một dịp khác ông Goh Chok Tong còn tuyên bố mạnh dạn hơn: "Chúng tôi tin tưởng ở dân chủ, nhưng dưới một hình thức đảm bảo được kỷ luật và đồng thuận". Bà Chan Heng Chee, cựu giám đốc Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á và đại sứ Singapore tại Liên Hiệp Quốc, tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn trên The International Herald Tribune: "Dân chủ và nhân quyền là những giá trị phổ cập nhưng những điều kiện để thể hiện chúng tại Châu Á có phần khác".

Còn Mahathir? Trong một dịp ông đã chỉ xin thêm thời gian: "Đừng đòi hỏi chúng tôi phải thay đổi ngay tức khắc. Chúng tôi sẽ thay đổi, nhưng chúng tôi sẽ không thay đổi nhanh như người ta đòi chúng tôi". Có lẽ ít ai đòi Mahathir phải thay đổi ngay tức khắc vì thực ra Malaysia, hơn cả Singapore, đã là nước dân chủ hóa sớm nhất trong khối ASEAN. Chính những lời tuyên bố mâu thuẫn này đã khiến Bắc Kinh, Hà Nội và Rangoon, những chế độ thực sự chống dân chủ và nhân quyền, không ủng hộ nhiệt tình những phát biểu về các giá trị Châu Á của Singapore và Malaysia.

Hiển nhiên là cộng đồng, kỷ luật, cố gắng, giáo dục, và ngay cả gia đình, không phải là những giá trị đặc biệt của Châu Á. Người phương Tây cũng quí trọng những giá trị này, có khi còn hơn. Lấy một thí dụ: liên đới xã hội là yếu tố cốt lõi của xã hội, nhưng liên đới mạnh hơn hẳn ở phương Tây so với Châu Á. Trong những nước Châu Á, khi một người bị sa thải hay gặp tai nạn đó chỉ là chuyện cá nhân của người đó, không có an sinh xã hội cũng không có trợ giúp của nhà nước, hoàn cảnh bi đát của người đó không là quan tâm của bất cứ ai. Tóm lại, về cơ bản, những cái gọi là "giá trị Châu Á" không có nội dung nào đặc biệt. Nhưng ở đây sự gay gắt đã thay thế cho lý luận. Phương Tây được mô tả là đang suy thoái vì dựa trên những giá trị bệnh hoạn, Châu Á sẽ qua mặt phương Tây vì xã hội Châu Á được xây dựng trên những giá trị lành mạnh. Kế đó là cáo trạng. Người phương Tây đã tỏ ra xấc xược và bá quyền khi mưu toan áp đặt những giá trị của họ lên toàn thế giới, nhưng sự ngạo mạn này không thể tiếp tục được nữa vì tình thế đã thay đổi và tương lai sẽ thuộc về Châu Á.

Trong tất cả những người hô hào các giá trị Châu Á, Kishore Mahbubani, đại sứ Singapore tại Liên Hiệp Quốc, là người quá khích nhất. Ông hô hào: "Bạn trẻ ơi, hãy quay về phương Đông!", ông quả quyết: "Địa Trung Hải là biển của quá khứ, Đại Tây Dương là đại dương của hiện tại, Thái Bình Dương là đại dương của tương lai". Những người khác tỏ ra ôn hòa hơn, nhưng tất cả đều cùng một luận điệu chống phương Tây và cũng đều cùng một giọng điệu đắc thắng.

Thái độ đắc thắng này dĩ nhiên là lố lăng vì, trừ trường hợp của Nhật và hai thành phố Singapore và Hồng Kông, tất cả các quốc gia Châu Á vẫn còn thua xa các nước dân chủ phương Tây. Malaysia chẳng hạn, chỉ có một sản lượng trên mỗi đầu người tương đương với 15% mức độ của Hoa Kỳ và các nước Tây Âu.

Nhưng tại sao cuộc tranh luận về các giá trị Châu Á đã ồn ào như vậy? Chúng ta sẽ sai lầm nếu gạt phăng đi với thái độ khinh thường. Có ít nhất hai lý do đã khiến cuộc tranh luận về các giá trị Châu Á gây sôi nổi trên báo chí.

Lý do thứ nhất là Châu Á đang đòi hỏi một chỗ đứng xứng đáng hơn. Và đòi hỏi này là chính đáng. Hơn hai thập niên tăng trưởng đều đặn ở một tỷ lệ cao đã gia tăng rất nhiều trọng lượng của Châu Á. Từ 4% năm 1960, tổng sản lượng của các nước Châu Á đã lên mức 25% tổng sản lượng của thế giới vào năm 1992 khi cuộc tranh cãi về các giá trị Châu Á bắt đầu. Châu Á cũng đạt tới 25% trọng lượng của ngoại thương trên thế giới vào năm 1994 và cũng giữ trong tay một phần ba trữ kim của thế giới. Năm 1990, Châu Á đã mua của các nước phương Tây một số lượng hàng hóa và dịch vụ trị giá 650 tỷ USD, gấp đôi con số của con số năm 1980, nhưng chỉ xấp xỉ bằng một nửa con số hiện nay. Châu Á đã trở thành một thị trường hấp dẫn cho các nước phương Tây và trọng

lượng của nó sẽ càng ngày càng tăng lên. Rõ ràng là Châu Á xứng đáng được trọng nể hơn. Quan hệ giữa Châu Á và phương Tây phải thay đổi để phù hợp với tương quan lực lượng mới. Các nước phương Tây đều hiểu như vậy. Đó là lý do khiến họ đã chú ý đặc biệt đến những diễn văn về giá trị Châu Á. Mặt khác cũng vì sức mạnh thực sự của diễn văn về các giá trị Châu Á là sự thành công về mặt kinh tế của các nước Châu Á mà nó đã yếu hẳn đi sau cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu hồi tháng 7-1997.

Lý do thứ hai là những phát biểu về các giá trị Châu Á thực ra chỉ là một phần của một cuộc tranh luận quan trọng và to lớn hơn nhiều đang diễn ra tại Châu Á và sẽ có ảnh hưởng lớn trên tương lai của thế giới. Các quốc gia Châu Á đang ở trong một khúc quanh lịch sử đặc biệt quan trọng. Tăng trưởng kinh tế đã cải thiện một cách đáng kể đời sống con người nhưng đồng thời cũng mang đến những đòi hỏi thay đổi chính trị mạnh mẽ theo chiều hướng gia tăng tự do, dân chủ và nhân quyền. Sự chuyển hóa bắt buộc của các xã hội Châu Á về một khuôn mẫu tổ chức gần giống với các xã hội dân chủ phương Tây đe dọa nền tảng chính đáng của nhiều người cầm quyền và buộc họ đi tìm một biện minh văn hóa và tư tưởng cho quyền lực của họ. Trong bối cảnh ấy, so với ảo tưởng đẫm máu của ý thức hệ cộng sản trước đây, các giá trị Châu Á là một phản ứng khá hiền lành, một "chủ thuyết" ít độc hại hơn hẳn.

Như tôi đã trình bày, cuộc tranh luận và các giá trị Châu Á thực ra chỉ giới hạn trong khối ASEAN. Và do đó, chúng ta cần nhận diện khối ASEAN. Tuy vậy trước đó, một cái nhìn tổng quát về Châu Á cũng không vô ích. Châu Á chủ yếu là một khái niệm địa lý do các học giả phương Tây hình dung ra, người Châu Á không hề biết đến danh xưng "Châu Á" trước khi họ tiếp xúc với phương Tây.

Các nước Châu Á được thành lập một cách riêng biệt và chỉ có một sự hiểu biết lẫn nhau rất sơ sài. Nhiều quốc gia Châu Á đã do người phương Tây lập ra và phần lớn các biên giới quốc gia đều hoặc do người phương Tây quyết định hoặc chịu ảnh hưởng của họ. Nếu chỉ muốn nói một cách sơ sài thì ta có thể nói Đông Á chịu ảnh hưởng Trung Hoa và, ở những mức độ khác nhau, mang những đặc tính của văn hóa Khổng Giáo; Tây Á là một sự đan xen giữa văn hóa Ấn Độ Giáo và văn hóa Hồi Giáo, trong khi ở phía Nam, Indonesia và Malaysia là những quốc gia Hồi Giáo. Nhưng ngay cả cách mô tả sơ sài đó cũng không đúng, Thái Lan và Miến Điện là hai nước Phật Giáo, trong khi Philippines là một nước đa số Công Giáo. Và cũng không nên quên từ thế kỷ 20 văn hóa và các phương pháp làm việc của phương Tây cũng đã mọc rễ khắp nơi.

Mặt khác, cũng không hề có một tình cảm liên đới nào giữa các quốc gia Châu Á. Người Nhật cho rằng họ là một dân tộc riêng biệt, thông minh và hùng mạnh hơn mọi dân tộc khác. Người Thái cũng nghĩ rằng họ là một dân tộc tinh nhuệ hơn hẳn, đã giữ được độc lập trước cuộc chinh phục của phương Tây. Quan hệ đáng kể nhất của Miến Điện với thế giới bên ngoài nói chung và Châu Á nói riêng trong lịch sử dài hơn một ngàn năm của họ là những cuộc chiến tranh với Thái Lan, mà những thù hận vẫn chưa chấm dứt hẳn. Còn người Trung Hoa thì dù đã trải qua nhiều thăng trầm và tủi hổ họ vẫn chưa bỏ hẳn được mặc cảm tự tôn của thời xa xưa khi họ tự coi là trung tâm của thế giới trong khi các dân tộc láng giềng chỉ là những thiểu số man rợ. Coi Châu Á như một thực thể tự nó là điều vô lý. Chỉ có những người thiếu hiểu biết mới có thể nói tới một văn hóa hay một triết lý phương Đông.

Tuy nhiên, nếu chúng ta cố hết sức để nhận ra những nét giống nhau trong nếp sống và suy nghĩ của các dân tộc Châu Á thì chúng ta cũng có thể tìm thấy một số điểm. Những điểm này, phải nói ngay, không phải chỉ có ở Châu Á mà hiện diện ở mọi xã hội ngoài phương Tây và ở cả phương Tây trước đây vài thế kỷ, dù có lẽ ở một mức độ thấp hơn. Đó là:

- *Cơ cấu đại gia đình liên hệ cá nhân trước hết với người cùng một dòng máu.* Tâm lý này có thể nhận thấy trong hầu hết các nước Châu Á với những hậu quả quan trọng về cả kinh tế lẫn chính trị. Các công ty lớn ở Nhật, Hồng Kông, Nam Cao Ly được điều hành như những vương quốc gia đình. Các nhà độc tài trước hết dựa trên gia đình, dành cho con cái, họ hàng những đặc quyền lớn. Các bà nội trợ thay chồng hay cha làm lãnh tụ các chính đảng hay làm tổng thống tại Philippines, Indonesia, Bangladesh, Pakistan, Ấn Độ, Miến Điện. Con kế vị cha mẹ tại Ấn Độ và Bắc Cao Ly.

- *Quan niệm quyền lực chính trị như là sự tưởng thưởng cho địa vị và thành tích trong quá khứ hơn la một trách nhiệm.* Chức quyền thay vì chức trách. Do đó người lãnh đạo quốc gia không cần phải thành công mà chỉ cần sống xứng đáng với địa vị của mình. Sự chống đối lại chính quyền bị xem như chống lại trật tự xã hội và như một thái độ không phải đạo. Chừng nào người cầm đầu quốc gia chưa mắc phải những tội ác tày trời thì không có lý do gì chính đáng để đòi thay thế ông ta hay bà ta. Tâm lý này giải thích sự kiện một đảng hay một lãnh tụ có thể cầm quyền liên tục trong nhiều thập niên. Dĩ nhiên tâm lý người Châu Á đã thay đổi nhiều, nhưng một thắng lợi như của Bill Clinton trước George Bush năm 1992 vẫn còn là điều không thể có tại Châu Á.

- *Sự lẫn lộn giữa tôn giáo và chính trị.* Về điểm này phải nói rằng sự phân biệt giữa tôn giáo và chính trị, giữa Chúa và Ceasar, quả là một đặc tính của tư tưởng phương Tây. Tại các nước Châu Á, Thượng Đế và Vua liên hệ rất mật thiết với nhau, khi không phải là một. Tại Trung Quốc, dưới ảnh hưởng Khổng Giáo, vua là thượng đế; tại các nước Hồi Giáo như Pakistan và Bangladesh, thượng đế là vua, còn tại Ấn Độ và hai nước theo Phật Giáo là Thái Lan và Miến Điện, thượng đế chỉ là phụ tá ngoan ngoãn của vua. Người ta có thể nghĩ rằng sở dĩ chủ nghĩa cộng sản đã thành công và đứng vững tại Đông Á hơn là tại Tây Âu, nơi nó được phát minh ra, là vì chính nó cũng là một hệ thống nửa tôn giáo nửa chính trị như Khổng Giáo trước đây. Về điểm này cũng thế, đã có nhiều thay đổi, nhưng chưa thay đổi hẳn.

Cả ba yếu tố trên đây xét cho cùng đều là những trở ngại cho phát triển và tiến bộ. Cần nhận xét là những quốc gia

từ bỏ chung sớm nhất cũng là những quốc gia phát triển nhất.

ASEAN được thành lập năm 1967 bởi các nước Singapore, Philippines, Malaysia, Thái Lan và Indonesia. Mục đích lúc đó của các quốc gia này là để liên kết với nhau chống lại làn sóng cộng sản. Đừng quên rằng lúc đó chiến tranh Việt Nam đang ở giai đoạn dữ dội nhất và một cuộc đảo chính đẫm máu vừa diễn ra hai năm trước tại Indonesia, trong đó một nửa triệu đảng viên cộng sản bị thảm sát trong vòng hai tuần lễ. Một trong những mục tiêu không công bố của khối ASEAN là để giúp Nam Việt Nam chống lại cuộc chinh phục của chế độ cộng sản Bắc Việt. Mục tiêu này đã thất bại và giờ đây nước Việt Nam thống nhất dưới chế độ cộng sản đã trở thành một trong mười thành viên của ASEAN gồm năm quốc gia sáng lập, Brunei và bốn thành viên mới là Việt Nam, Lào, Kampuchea và Miến Điện.

Từ ngày thành lập đến nay, ASEAN vẫn làm việc với cùng những nguyên tắc: không can thiệp vào nội bộ của các quốc gia thành viên; tôn trọng tuyệt đối chủ quyền quốc gia của mỗi thành viên; không có thành viên lãnh đạo hoặc đầu tàu; mọi quyết định, nếu có, đều theo nguyên tắc đồng thanh. Nói cách khác, ASEAN sinh hoạt theo công thức mẫu số chung nhỏ nhất, chỉ quyết định chung trên những gì mà thành viên khó tính nhất có thể chấp nhận. ASEAN khó có thể làm khác hơn được vì các quốc gia thành viên rất khác nhau và cũng có rất ít quan tâm chung. Quan tâm chung rõ nhất có thể nhìn thấy là sự lo ngại thế bá quyền khu vực của Bắc Kinh. Nhưng ngay trong mối lo âu chung này, mỗi quốc gia cũng tự tìm một giải đáp riêng cho mình. Do đó không có gì ngạc nhiên khi ASEAN không hề bình luận gì trong suốt thời gian Ferdinand Marcos cai trị Philippines bằng bàn tay sắt, không lên tiếng khi xe tăng nghiền nát hàng ngàn sinh viên Trung Quốc tại Thiên An Môn, khi quân đội bắn vào sinh viên tại Thái Lan hoặc Indonesia, hay khi tập đoàn quân phiệt Miến Điện bất chấp kết quả bầu cử, bắt giam bà Aung San Suu Kyi.

Về mặt kinh tế cũng không có một hiệp ước hợp tác nào trong khuôn khổ của ASEAN, các nước thành viên không dành cho nhau một đặc quyền nào, mọi thỏa ước hợp tác đều là song phương.

Trao đổi văn hóa hầu như không có. Không có trao đổi sinh viên và thực tập sinh, cũng không có những trung tâm văn hóa của nước này tại nước khác.

Dầu vậy chúng ta sẽ lầm nếu đánh giá quá thấp khối ASEAN. Đó là tổ chức liên quốc gia duy nhất tại Châu Á hiện nay và nó đã kéo dài trên ba mươi năm. Ngay sự kiện có một diễn đàn chung để các nước láng giềng gặp gỡ, bày tỏ những ưu tư của mình tự nó cũng là một phép mầu tại Châu Á. Và ASEAN có trên hai trăm cuộc gặp gỡ ở mọi cấp hàng năm. Những cuộc gặp gỡ này đã góp phần quan trọng làm giảm nhiệt độ những căng thẳng trong vùng. Chúng ta cũng đừng nên quên rằng chẳng bao lâu trước khi ASEAN được thành lập, Indonesia và Malaysia đã lâm chiến với nhau vì tranh giành vùng Sarawak, và Singapore cũng vừa dập cửa bước ra khỏi Liên bang Malaysia. Sống chung hòa bình và đối thoại phải được coi là thành tựu lớn lao của ASEAN.

Ngoài ra sự kiện không có biểu quyết và mọi quyết định đều do đồng thanh cũng không có nghĩa là ASEAN hoàn toàn vô hiệu lực. Dù không có biểu quyết để áp đặt một nghị quyết của đa số, nhưng phe đa số vẫn có thể tiếp tục phát biểu và nhấn mạnh, cuối cùng vẫn có thể thay đổi ít nhiều lập trường của những thành viên khó tính. Kết quả là mẫu số chung nhỏ nhất có thể không nhỏ quá. Nhờ cách làm việc đặc biệt này ASEAN đã đạt được vài kết quả đáng kể. Chẳng hạn, những cuộc gặp gỡ không chính thức tại Djakarta từ 1988 đến 1991 giữa bốn phe lâm chiến tại Kampuchea đã đóng góp dẫn đến hiệp ước hòa bình tại Paris và sự triệt thoái của quân Việt Nam khỏi Kampuchea.

Các cuộc thảo luận về thương mại cũng đã làm gia tăng đáng kể trao đổi giữa các thành viên. Buôn bán giữa các ASEAN với nhau hiện đã lên tới 25% tổng số ngoại thương của các thành viên. Trên tất cả, bối cảnh sống chung và cạnh tranh trong hòa bình đã tạo ra một cảm giác an ninh cho kinh doanh, đã kích thích các sáng kiến và thu hút một lượng đầu tư quốc tế đáng kể vào các nước trong vùng. "Hiệu ứng ASEAN" cũng đã có tác dụng lây lan. Kinh tế thị trường hiện nay đã là một đồng thuận giữa các thành viên; tăng trưởng đã lan từ Malaysia và Singapore sang Thái Lan, rồi Philippines, Việt Nam và Miến Điện.

Khối ASEAN cũng đã đi cùng với các thành viên trong một cuộc chuyển hóa chính trị trọng đại. Khi nó mới được thành lập, chỉ có Malaysia và Singapore có một mức độ dân chủ tương đối; Philippines vẫn còn trong bàn tay sắt của Marcos; Thái Lan, dù dưới một chế độ dân chủ hình thức giả dối, vẫn là một chế độ độc tài quân phiệt. Ngày nay cả năm nước sáng lập đã là những nước dân chủ. Khi Việt Nam xin gia nhập ASEAN, ban lãnh đạo đảng cộng sản hy vọng tìm thấy ở ASEAN một chỗ dựa cho chế độ độc tài; từ nay và sắp tới, trong những cuộc gặp gỡ thường xuyên của khối, họ sẽ chỉ gặp những nhà lãnh đạo dân chủ thôi thúc họ cải tổ nhanh hơn. Từ nay trong không khí mới của ASEAN, độc tài không còn gì là hào hùng nữa mà chỉ là lố bịch, thiếu văn minh và mất vệ sinh.

Tôi xin được chấm dứt bài phát biểu này với một giá trị Châu Á đích thực mới. Đó là khát vọng của mọi người Châu Á muốn được sung túc hơn và được kính trọng hơn. Khát vọng này đang thôi thúc mọi dân tộc Châu Á, trước hết là những dân tộc trong khối ASEAN. Họ đã ý thức được tiềm năng chưa được khai thác của họ, họ cảm thấy hổ nhục vì nghèo khổ và thiếu tự do, họ tin rằng họ có thể, và phải, rút ngắn khoảng cách với các dân tộc hương Tây. Họ không quan tâm gì đến những cái gọi là giá trị Châu Á, họ chỉ quan tâm đến những giá trị làm cho cuộc sống của họ đáng sống và đáng tự hào hơn.

Giờ này ngay cả một cô hầu bàn tại Sài Gòn hay một anh tài xế xe tuk-tuk tại Bangkok cũng đã hiểu rằng phát triển và phồn vinh phải đi đôi với dân chủ và nhân quyền. Tôi tin rằng, biến cố lớn nhất của thập niên đầu của thế kỷ mới sẽ là sự chuyển hóa của Đông Nam Á về dân chủ, và tôi hy vọng rằng sự chuyển hóa này sẽ diễn ra trong hòa bình.

Nguyễn Gia Kiểng

Bạn đọc viết

Nhờ báo Nhân Dân giải thích giùm

Cuối năm 1998, Bộ chính trị Đảng CSVN ra nghị quyết số 06/NQ/TU về phát triển nông nghiệp và nông thôn. Trong phần tổng quát đánh giá tình hình, đảng đã thú nhận: "chưa đánh giá đúng mức vai trò công nghiệp hóa nông thôn, chưa thực hiện nghiêm túc đường lối của các nghị quyết Đại Hội và nghị quyết Trung ương".

Nếu nhìn lại khoảng thời gian từ 1945 đến 1980 tại miền Bắc và từ 1975 đến 1980 tại miền Nam, điểm nổi bật về chính sách kinh tế xã hội chủ nghĩa áp dụng cho nông thôn trong giai đoạn này chỉ đơn thuần ở các chính sách cải cách ruộng đất nhằm hình thành hợp tác xã nông nghiệp. Trong đó toàn bộ cơ sở sản xuất bao gồm sức lao động, công cụ sản xuất nông nghiệp, ruộng đất đều đặt dưới quyền kiểm soát và điều động của đảng theo hướng nông nghiệp quốc doanh. Hậu quả là cả nước liên tục thiếu ăn, nông dân luôn sống trong cảnh nghèo túng vì sản xuất nông nghiệp càng ngày càng đi xuống. Việt nam không đủ gạo để cung ứng cho hơn 65 triệu dân, làm sao có thể nói đến chuyện xuất khẩu để thu về ngoại tệ.

Thời kỳ khủng hoảng có tính toàn cầu đột nhiên nổ ra vào những năm 1980. Hàng loạt các quốc gia Đông Âu và kể cả Liên Bang Sô Viết sụp đổ. Sự cáo chung của các hệ thống xã hội chủ nghĩa trên cả hai mặt ý thức hệ và tính thực dụng buộc các nhà lãnh đạo Hà Nội phải thay đổi chiến lược để thích hợp với tình thế mới. Nhờ vậy, chính sách hợp tác xã nông nghiệp lỗi thời tại VN được bãi bỏ, thay vào đó là các nghị quyết mới được Đảng rộng rãi phổ biến và cấp bách áp dụng, mục đích chính nhằm tư hữu hóa nông thôn. Tình hình kinh tế nông thôn nói riêng và cả nước Việt Nam nói chung đã có những tiến bộ nhảy vọt sau đó. Chính sản xuất nông nghiệp theo hình thức tư hữu đã làm đòn bẩy đẩy nông nghiệp VN từ chỗ đang trong tình trạng không cung cấp đủ nông sản cho cả nước, thiếu ăn quanh năm trở nên đủ sức tự lực, thậm chí có thể dùng gạo xuất khẩu trên quan hệ trao đổi kinh tế.

Tuy nhiên sau gần 20 năm đổi mới kinh tế, bên cạnh sự phát triển tại nông thôn nhờ vào chính sách tư hữu hoá nông nghiệp, tình hình nông thôn và nông nghiệp tại VN nhìn chung đang phải đối diện với những bước thử thách mới. Chưa kể đến những thử thách về chính trị qua cuộc nổi dậy và phản kháng của nông dân tỉnh Thái Bình, dân làng Kim Nở trong thời gian gần đây. Một trong những thử thách riêng thuộc lãnh vực kinh tế là sự tồn tại và hoạt động của cơ cấu kinh tế quốc doanh, bao gồm nông nghiệp quốc doanh. Mặc dù đã từ bỏ chính sách hợp tác xã nông nghiệp kiểu xã hội chủ nghĩa, các nhà lãnh đạo đảng vẫn chưa đủ can đảm dẹp luôn các cơ cấu nông nghiệp quốc doanh này. Nghị quyết 06/NQ/TU trong mục quan điểm vẫn còn khẳng định: "phát triển nền nông nghiệp với nhiều thành phần kinh tế trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo".

Thử nhìn lại xem các cơ cấu nông nghiệp quốc doanh đã đóng góp như thế nào vào tình hình nông nghiệp VN. Phần lớn các xí nghiệp thu mua lương thực, thực phẩm mang tầm vóc quốc gia đều nằm trong hệ thống kinh doanh quốc doanh. Các dịch vụ xuất nhập khẩu nông nghiệp như lúa gạo, phân bón, máy móc nông cụ... cơ quan quốc doanh gần như giữ phần chính, không muốn nói là độc quyền kinh doanh. Trên bình diện kinh tế quốc doanh cho cả nước VN, các doanh nghiệp quốc doanh không riêng gì lãnh vực nông nghiệp đều lỗ nặng, đi vào tình trạng thâm thủng tài chánh và thất bại ở mặt quản lý. Theo số liệu của Bộ Tài Chánh đăng trên tờ Thanh Niên, tính đến cuối tháng 3 năm 1988 cả nước đã có 155 doanh nghiệp bị lỗ tổng cộng trên 211 triệu Mỹ kim. Một số lỗ với quy mô lớn như công ty rượu bia BGI lỗ 232 tỉ đồng VN, công ty hóa mỹ phẩm BGG lỗ 28 triệu mỹ kim, công ty Coca-cola Ngọc Hồi lỗ 130 tỉ đồng VN liên tiếp trong suốt ba năm 95, 96 và 97. Đó là những quốc doanh thua lỗ vì kinh doanh tồi tệ, chưa kể đến các đơn vị quốc doanh khác kê khai lỗ giả vì hành vi gian lận thương mại như tăng chi phí đầu vào, hạ giá bán, nâng giá máy móc thiết bị cao hơn giá thực tế để tẩu tán số tiền thâm lạm công quỹ, tham nhũng, đục khoét tài sản từ các cơ sở quốc doanh thành tài sản cá nhân.

Nhiều bằng chứng quá hiển nhiên đã được các cơ quan của Đảng và Nhà nước tường trình, ghi nhận. Không phải từ các thế lực thù địch tìm cách gièm pha, đánh phá chế độ. Tuy nhiên Đảng CSVN vì nhiều lý do chính trị, vẫn nhắm mắt làm ngơ, bao che và tiếp tục nuôi dưỡng các cơ chế quốc doanh này. Trong khi doanh nghiệp nhà nước càng lúc càng thất bại thê thảm, CSVN vẫn tìm cách áp dụng các chính sách vá víu như cổ phần hóa, giải tư hoá và thậm chí phải giải tán.

Các hiện tượng xấu và những vấn nạn gây ra từ nền kinh tế quốc doanh cũng đóng góp một phần không nhỏ vào tình hình tiêu cực trong xã hội Việt Nam. Bên cạnh sự thất bại về kinh doanh, làm lực cản cho tiến trình thực thi nền kinh tế thị trường, các cơ sở quốc doanh này cũng gây ra nhiều ung nhọt, tội ác trong xã hội, tăng thêm sự cách biệt giữa một thiểu số giàu nhờ thâm lạm công quỹ và đại đa số quần chúng nghèo lao động vất vả. Vì sao họ lấy tiền nhà nước quá dễ dàng, đó là câu hỏi lớn của dân chúng tại VN và là đề tài đã đăng trên tờ Người Lao Động hồi tháng 8 năm 1998. Tờ báo này cho biết có hơn 40 vụ án liên quan đến thâm lạm tài sản XHCN đã được đưa ra xét xử hồi năm ngoái tại Sài gòn. Trưởng trại thu mua công ty thương mại tổng hợp Sài gòn, Nguyễn Ngọc Sáng xuất thân từ một người chuyên bán bánh dầu cho heo ăn, lợi dụng chức quyền và kẻ hở của kinh tế quốc doanh đã chiếm đoạt gần 4 tỉ đồng VN của công ty thương mại tổng hợp và công ty thu mua nông sản Liên Hiệp Hợp Tác Xã. Kế toán trưởng công ty Sài gòn Kỹ Nghệ Nông Cơ (Sakyno) Nguyễn đức Thịnh ký chi phiếu 500 triệu đồng VN chi tiêu riêng cho mình, thế chấp 77 máy may công nghiệp làm nhiều lần để vay quỹ quốc gia và ngân hàng, chiếm đoạt hơn một tỉ đồng VN.

Vậy mà nghị quyết trung ương đảng 06/NQ/TU vẫn cứ khẳng định: " kinh tế nhà nước (quốc doanh) tiếp tục giữ vai trò chủ đạo". Có lẽ phải nhờ tờ Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của các đỉnh cao trí tuệ giải thích giùm chủ đạo ở những lãnh vực nào? Chủ đạo ở tầm mức tham nhũng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản quốc gia, chủ đạo đóng góp tích cực vào những hiện tượng suy sụp đạo đức, phân chia giai cấp hay chủ đạo qua cách báo cáo thành quả láo còn thực tế thì thất bại liên miên?

Ngô Hoàng Minh

55 năm sau nhìn lại: cách mạng hay cướp chính quyền ?

(Phần I)

Trần Thanh Hiệp

Cuối thập niên 80, cũng vào dịp này, tôi có viết một bài báo ngắn bàn về chính biến mùa Thu năm 1945, ở Việt Nam, thường được gọi là cuộc Cách mạng tháng Tám. Theo cách nhìn của tôi, đó không phải là cách mạng mà chỉ là cướp chính quyền cho riêng những người cộng sản. Một người bạn tôi, nửa đùa nửa thật, nói bằng tiếng Pháp để phê bình: "c'est de l'anti-communisme intégral tout craché" (hiểu một cách nôm na: rõ ràng là chống cộng cùng mình, suốt mặt, cực đoan). Tôi không trả lời, để bụng xét lại, tự hỏi xem mình có thật bị khuôn đóng trong cái nhìn nhị phân (binaire) quốc-cộng máy móc hay không?

Từ bấy đến nay, tôi có dịp tiếp thu thêm nhiều ý kiến khác, thâu thập qua nhiều nguồn thông tin - tài liệu viết, tài liệu nói - do một số nhân chứng lịch sử cung cấp như Vua Bảo Đại, Trần Trọng Kim, Nguyễn Xuân Chữ, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Đình Hòe, Phạm Khắc Hòe, Lê Văn Tiến v.v... Ngoài ra tôi còn đặc biệt chú ý đến những khám phá mới, xuất phát từ nhiều công trình nghiên cứu của các nhà viết sử, các nhà khoa học xã hội v.v..., ở trong cũng như ở ngoài nước, cả người Việt Nam lẫn người ngoại quốc.

Năm nay, trở lại đề tài cũ, tôi không thấy cần phải thay đổi kết luận. Nhưng về mặt luận cứ thì cần bổ sung. Dĩ nhiên, cũng chỉ là để tiếp cận, càng gần càng tốt, sự thật về chính biến mùa thu năm 1945. Tuy nhiên, cốt yếu là để phá đổ cho hết huyền thoại cách mạng mà bộ máy tuyên truyền cộng sản đã vận dụng mấy thập niên qua trong dụng ý nhập nhằng với quốc sử. Chính biến này đang còn là một vùng tối cần phải soi sáng để làm cho rõ vì sao nó đã, vẫn còn là một vùng tối và tại sao nó không thể tiếp tục nằm trong vùng tối.

Nhớ lại tháng Tám năm 1945, những ngày cướp chính quyền

55 năm đã trôi qua kể từ khi ở Việt Nam, năm A t Dậu, xảy ra chính biến mùa Thu. Khoảng cách thời gian này, với những biến chuyển trên khắp thế giới - đặc biệt trong nội bộ các nước thuộc phe xã hội chủ nghĩa cũ - đã giúp nhiều dân tộc lập lại những sự thật lịch sử của mình. Nhớ lại những việc đã qua, trong bề dày của quá khứ cận đại hay hiện đại, có nhiều cách nhìn, nói chung, trái ngược nhau trên bình diện ngôn từ, nhưng lại có thể không khác biệt nhau về mặt nội dung.

Những ngày đầu tháng Tám năm 1945, sau khi hai trái bom nguyên tử được thả xuống đất Nhật, Việt Nam đứng trước một bối cảnh lịch sử rất đặc biệt. Tình hình chính trị biến đổi mau lẹ chỉ trong vòng trên dưới mươi ngày. Nhật đã đầu hàng Đồng Minh nên mất hết quyền lực chính trị tại Việt Nam. Pháp chưa kịp đem quân trở lại để phục hồi địa vị thống trị cũ. Chính phủ Trần Trọng Kim từ chức mà không nhận trách nhiệm xử lý thường vụ trong khi chờ đợi chính phủ mới được thành lập. Dân chúng một phần bị cộng sản, đội lốt Việt Minh, xách động, một phần háo hức tự động nổi lên chiếm chính quyền. Vua Bảo Đại tự ý thoái vị. Ngày 2 tháng 9, lãnh tụ cộng sản Nguyễn Aí Quốc, dưới tên đổi khác, Hồ Chí Minh, nhân danh Mặt trận Việt Minh, thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và đọc Tuyên ngôn Độc lập. Trèèên cái nền đơn thuần sự kiện này, sau đó mỗi người một cách, người ta đánh giá chính biến mùa Thu năm 1945 bằng ngọn đuốc ý hệ là chính.

I. Hai cách nhìn một chính biến

1. Cách nhìn của cộng sản Việt Nam

Đối với những người cộng sản Việt Nam chính biến mùa Thu năm 1945 là một cuộc cách mạng. Họ khẳng định như vậy, nhưng khẳng định từng bước, với nhiều thêm bớt tùy theo nhu cầu của tình thế. Khởi đầu, từ năm 1946, thấy vang lên hồi kèn chiến thắng của những cái loa văn nghệ mở đường cho cách mạng như Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Tế Hanh, Nguyễn Huy Tưởng, Vũ Ngọc Phan v.v... Điển hình, 8 câu thơ dưới đây đọc thấy đâu đó của Xuân Diệu:

[...]
Có một buổi, cờ về Hà nội,
Về ngự trị trên đài sáng chói,
Giữa dân gian, trong những tiếng hoan hô;
Ngự trên cây, trên phố, ngự trên hồ:
Cờ chiến thắng Cách mạng thành tháng Tám!
[...]
Xuân nước Việt khởi một ngày tháng Tám
Triều dân gian lên với sóng Hồng Hà
Lụt cờ đỏ nổi giữa ngày u ám
Trời sao vàng mọc lúc nước bao la...

Loại son phấn suy tôn có tuổi thọ một thời này chỉ đáng lược bỏ để đi sâu vào cốt lõi lý luận cộng sản. Trường Chinh, lý thuyết gia của những người hộ sinh cho chính biến mùa Thu năm 1945, đã đánh lến âm mẫu của bản anh hùng ca Cách mạng tháng Tám. Pha chế lịch sử, ông đã viết rằng, "Ngày 9-8-1945, Hồng quân Liên Xô đánh vào Mãn Châu như vũ bão. Chỉ trong sáu hôm, đội quân Quan-đông mạnh có tiếng của phát xít Nhật bị tiêu diệt [...]. Thắng lợi căn bản đó của Hồng quân đã quyết định số phận của phát xít Nhật và Liên Xô đã thực sự giải phóng cho các dân tộc bị Nhật áp bức". Theo Trường Chinh, Đảng Cộng sản Đông Dương "đề ra chủ trương [...] lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy tước vũ khí của Nhật, giành lấy chính quyền từ tay Nhật". Ông còn khẳng định thêm "các chiến sĩ Việt Minh đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành chính quyền, theo chỉ thị ngày 12-3-1945 của Đảng Cộng sản Đông Dương [...], chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim đầu hàng [Việt Minh]". Ông làm như thể vào thời điểm tháng Tám năm 1945, nhờ có Liên Xô đánh thắng được quân Nhật, những người cộng sản Việt Nam đã công khai hô hào làm cách mạng kiểu cộng sản, và dân chúng đã tri tình theo đảng cộng sản làm cách mạng kiểu ấy, khiến chính phủ Trần Trọng Kim đương quyền đã phải đầu hàng.

Theo bước Trường Chinh, 4 Hiến pháp 1946,1959, 1980 và 1992 đều đưa chính biến mùa Thu 1945 lên hàng cách mạng. Chính biến này có vinh dự mở đầu cho Hiến pháp thứ nhất -1946 - mà không phải nêu danh Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhưng tới Hiến pháp thứ nhì - 1959 - đã bắt đầu thấy nói đến vai trò lãnh đạo của đảng này. Từ Hiến pháp thứ ba -1980 - "Đảng" công khai ra mặt, nhận công lao lãnh đạo "nhân dân... đi con đường của Cách mạng tháng Mười Nga [...] hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên

làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội chủ nghĩa [...] Nước ta [Việt Nam] trở thành một nước [...] xã hội chủ nghĩa, một thành một thành viên của Cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới". Và văn bản này chính thức thiết lập "chuyên chính vô sản" trên cả nước. Hiến pháp thứ tư - 1992 - ra đời sau khi cái gọi là "cộng đồng thế giới xã hội chủ nghĩa" nói trên đã sụp đổ tan tành, chỉ còn biết thu góp lại những tàn dư, nhưng vẫn bám lấy cuống rốn cộng sản: "Từ năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam [...], nhân dân ta tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài, đầy gian khổ hy sinh, làm Cách mạng tháng Tám thành công".

Nói tóm lại, cộng sản đã đặt chính biến tháng Tám 1945 vào trong toàn bộ "chiến tranh cách mạng lâu dài" để gọi nó là một cuộc cách mạng. Theo thuật ngữ cộng sản, đó là một khâu trong dây chuyền cách mạng của họ nghĩa là một tiết mục trong chương trình hành động ấy. Cộng sản không lúc nào tách nó ra khỏi toàn bộ này để đánh giá nó như một hiện tượng khách quan và độc lập. Vì tách như thế thì sẽ không có cơ sở để bảo vệ giả thuyết cách mạng nếu có tranh cãi.

Những đoạn trích dẫn ở trên đã tóm lược đại chỉ của biểu văn chính trị (discours politique) của những người cộng sản Việt Nam. Khi lập luận chính biến tháng Tám là cách mạng, hiển nhiên cộng sản (như đã thấy ngay cả khi Trường Chinh nói lý thuyết) tuyên truyền nạt nộ quần chúng. Nhưng điều quan trọng hơn hết là họ muốn dùng nhãn hiệu cách mạng để làm nền tảng chính thống cho chủ trương của họ cầm quyền bằng bạo lực.

Làm cách mạng là xâm phạm tới sinh mạng và tài sản của người dân, vì người cách mạng tự cho mình đủ mọi quyền kể cả quyền cướp của giết người, như đã xảy ra trong năm, sáu thập niên cách mạng cộng sản. Cho nên bàn chuyện cách mạng không phải là tranh cãi bằng ngụy biện, pháp lệnh, công an, nhà tù, quản chế tại gia v.v....Mà phải đem chính biến tháng Tám ra đối chiếu với thực tại để xem nó có gì đáng gọi là cách mạng. Dưới độ góc nhìn này và đứng trên quan điểm mác xít, lấy thước cộng sản mà đo cộng sản, hãy thử xem xét khẳng định của cộng sản trong Lời mở đầu Hiến pháp 1992 rằng "nhân dân ta [...] làm Cách mạng tháng Tám thành công" xác đáng tới đâu. Ba câu hỏi cần đặt ra và cần được trả lời là: 1- Nói "nhân dân" làm Cách mạng tháng Tám là nói ai làm? 2- Làm cách mạng như vậy là làm gì? 3-Bảo rằng Cách mạng ấy đã thành công là nói nó đã đạt được những mục tiêu cụ thể nào?

Trước hết tưởng phải nhấn mạnh ở hai điểm. Thứ nhất, chớ coi câu "đừng nghe những gì cộng sản nói hãy nhìn những gì cộng sản làm" là khuôn vàng thước ngọc để mong biết hết thực chất cộng sản Việt Nam. Đó mới chỉ là một phần sự thật mà thôi! Có một điều cộng sản nói và cộng sản làm đúng như họ nói là "cách mạng". Vấn đề sinh tử là phải biết chắc khi nào cộng sản nói một đằng làm một nẻo khi nào cộng sản nhất định làm những gì họ nói. Vậy nếu phải bàn về ngôn ngữ cách mạng của cộng sản thì đừng mang mặc cảm "chống cộng", đừng sợ bị chê là chẻ sợi tóc làm bốn. Mà phải tìm hiểu đến nơi đến chốn, nhất là về quá khứ. Chỉ như vậy mới mong hiểu rõ được họ ở hiện tại cũng như trong tương lai. Vứt bỏ chủ nghĩa đại khái không có gì đáng phải hổ thẹn! Thứ hai, ngôn ngữ cách mạng cộng sản là loại ngôn ngữ "ý hệ", có giá trị một chân lý tuyệt đối như kinh thánh. Cho nên người cộng sản coi ý hệ của họ là sự thật khách quan. Và cộng sản dựa vào ý hệ để đặt định chủ trương, đường lối, chính sách cho hành động. Họ tin rằng như vậy là duy vật, khách quan, khoa học, kỳ thực họ duy tâm hơn hơn cả người duy tâm nhưng có tự do suy luận. Ở đây là bàn về ngôn ngữ và hành động cộng sản vào thời điểm 1945 - không phải 1999 - và quy chiếu vào tài liệu chính là bản báo cáo của Trường Chinh trước Đại Hội toàn quốc II họp năm 1951 của Đảng Cộng sản (khi ấy còn mang danh xưng Đảng Lao Động). Ngoài ra cũng còn dựa vào những bài viết của ông những năm 40 đã được sửa chữa hoặc viết lại sau 1975, cho hợp với lịch sử chính thức của đảng.

A. Nhân dân là ai ?

Rất nhiều người hiểu một cách thông thường rằng nhân dân là tất cả dân, là quốc dân hay toàn dân. Không ít các vị nhân sĩ, trí thức tây học còn cho rằng nhân dân là tiếng đối dịch ra tiếng Việt của chữ "peuple" nên nhân dân cũng là dân tộc. Trong ngôn ngữ cộng sản, không phải là nhân dân không mang nghĩa này. Nói cho ngay, trong nhiều trường hợp cộng sản muốn dân chúng cứ hiểu nhân dân theo nghĩa ấy, tức là như đã được định nghĩa trong từ điển tiếng Việt của họ: nhân dân là "khối người đông đảo làm nền tảng cho một nước...". Nhưng đối với cộng sản, chữ nhân dân là một danh từ chính trị - nói theo thuật ngữ cộng sản, một phạm trù thuộc ý hệ Mác-Lênin, không phải là một thực thể nhân xã khách quan. Nó chỉ là một hình tượng của ý hệ về thực thể ấy. Cho nên cộng sản thay đổi hình tượng này tùy từng lúc, tùy từng hoàn cảnh,.

Thật thế, Hiến pháp 1946 không dùng chữ nhân dân mà dùng chữ "toàn dân", một cách để gián tiếp định nghĩa nhân dân là toàn dân. Sự nhượng bộ về hình thức này tuy vậy cũng không quan trọng gì, vì cái gọi là "Hiến pháp 1946" thật ra chỉ là một chiếc bánh vẽ không hơn không kém. Nó được hối hả biểu quyết bằng một quốc hội bù nhìn với một thiểu số nhỏ dân biểu "quốc gia" không thông qua bầu cử mà được cộng sản "mời" bổ sung! Một sự kiện, đã được các báo cộng sản thời đó tường thuật, cho thấy cung cách thảo luận và biểu quyết của quốc hội này: Khi bàn đến quốc ca, do lời đề nghị của dân biểu thuộc đảng xã hội Phan Tử Nghĩa, mọi người đứng dậy hát bài Tiến quân ca, thế là quốc hội thông qua quốc ca! Ngoài ra, được chung quyết ngày 9-11-46, bản Hiến pháp này không hề được ban hành, tức là nó không bao giờ có hiệu lực pháp lý. Rồi ngày 19-12-46, cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, cộng sản rút lên Việt Bắc, vào chiến khu để kháng chiến, các dân biểu quốc gia "đối lập" trước được mời nay bị lùng bắt. Quốc hội từ đó cho đến sang thập niên 50 khi hết chiến tranh không họp nữa, chỉ còn tồn tại dưới hình thức một Ban thường vụ. Hiến pháp 1959 không định nghĩa chữ nhân dân, chỉ khẳng định nơi điều 2 rằng "Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa [...] là một nước dân chủ nhân dân". Sau 1975, khi đã chiếm được quyền trong cả nước, Đảng cộng sản công khai lộ diện, Hiến pháp 1980 mới đưa ra một định nghĩa trực tiếp của chữ nhân dân, nơi điều 3: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, người chủ tập thể là nhân dân lao động bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và những người lao động khác mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo". Cứ theo cách phân định này thì rõ ràng nhân dân không phải là toàn dân mà cũng không phải là tất cả những thành phần được kể tên đều là nhân dân! Cùng là nông dân nhưng chỉ có "nông dân tập thể" mới được kể là nhân dân, còn nông dân cá thể thì không. Cũng vậy, trí thức muốn được coi là nhân dân thì phải là trí thức "xã hội chủ nghĩa" chứ không thể là trí thức "suông". Đầu thập niên 90, tiếp theo sự sụp đổ của toàn bộ các chế độ cộng sản Đông Âu và Liên Xô cũ, cộng sản Việt Nam phải mở rộng thêm một phần

nào nội dung chữ nhân dân: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức" (điều 2 HP 1992. Nhưng họ lại không quên thòng thêm một định nghĩa gián tiếp về nhân dân là: "Đảng Cộng sản Việt Nam [...] đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc...(điều 4, Hiến pháp đã dẫn)". Nói cách khác, bề ngoài, công khai trước dư luận, cộng sản tùy tiện định nghĩa chữ nhân dân. Lúc thì lấy cái nhỏ định nghĩa cái lớn (giai cấp là nhân dân) lúc lại lấy cái lớn định nghĩa cái nhỏ (dân tộc là nhân dân). Đã vậy lại đưa vào bản chất của nhân dân một thành tố không ăn nhập gì tới bản chất ấy, đó là quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân. Phải chăng như vậy là nếu một tập thể nào không phải là liên minh của hai giai cấp công, nông và nếu nó không do giai cấp công nhân lãnh đạo thì không phải là "nhân dân" sao? Qua nhiều minh chứng đã dẫn ở trên của biểu văn chính trị, cộng sản nói "nhân dân" là nói tào lao mà thôi.

Nhưng trong nội bộ đảng thì cộng sản lại rất là minh bạch. Như Trường Chinh đã xác định, nhân dịp đọc báo cáo trước Đại Hội II: "Hiện nay, nội dung của chính quyền nhân dân nước ta là chuyên chính dân chủ nhân dân. Nhân dân gồm các giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Những tầng lớp ấy, do giai cấp công nhân lãnh đạo, cùng tham gia chính quyền...". Phải soi sáng cho quan điểm này bằng hai nhận định. Thứ nhất, trên lý thuyết, Trường Chinh, rập khuôn tư tưởng Mao Trạch Đông, cũng quy định rằng có bốn giai cấp họp thành nhân dân. Nhưng trên thực tế không có một tiêu chuẩn nào chắc chắn, ổn định để xác định tính giai cấp cả. Thành thử vấn đề này thuộc quyền chuyên quyết của đảng. Thứ nhì, giai cấp nào cũng chỉ được kể là giai cấp qua những phần tử gọi là đại biểu của giai cấp ấy. Đảng Cộng sản đã tự phong cho mình là đại biểu của giai cấp công nhân, giai cấp này đồng thời lại là lãnh đạo của tất cả những giai cấp khác mà các đại biểu không là ai khác hơn những người được đảng cộng sản nhìn nhận có tư cách ấy. Vậy nhân dân là Đảng và tất cả những người theo đảng. Chính người thợ cả của cuộc Cách mạng tháng Tám, Trường Chinh, đã xác nhận điều này (1).

Tóm lại, cộng sản nói "nhân dân làm Cách mạng tháng Tám" nhưng đừng hiểu là toàn dân làm mà phải hiểu là chính Đảng Cộng sản đã làm.

B. Cách mạng là gì ?

Một điều quan trọng nhưng rất nhiều người không để ý, đó là cộng sản ít bàn đến một khái niệm về cách mạng nói chung. Bị chi phối bởi sử quan giai cấp đấu tranh nên cộng sản đã gắn liền cách mạng với giai cấp đấu tranh. Từ điển cộng sản định nghĩa cách mạng là một "cuộc tranh đấu của giai cấp bị áp bức đứng lên lật đổ nền thống trị của giai cấp áp bức, phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, xây dựng một chế độ tiến bộ". Về điểm này Trường Chinh đã nói rất rõ: Trước hết, "Điều cốt yếu của một cuộc cách mạng là giành chính quyền và củng cố chính quyền. [...]". Sau nữa, dưới mắt lý thuyết gia họ Đặng này thì Cách mạng tháng Tám đã mở đầu cho "quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam là quá trình từ xã hội có tính chất thuộc địa, nửa phong kiến qua xã hội dân chủ nhân dân, đến xã hội xã hội chủ nghĩa". Cách mạng ấy bước đầu là "cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân". Gọi là "dân tộc" vì "tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập, thống nhất toàn vẹn cho dân tộc". Gọi là "dân chủ" vì "[...] thực hiện những quyền tự do dân chủ cho nhân dân". Gọi là "nhân dân" vì "[...] do nhân dân tiến hành, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, dựa trên cơ sở liên minh công nông". Cách mạng ấy bước sau sẽ phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giữa hai cuộc cách mạng này, theo Trường Chinh trích dẫn Lê-nin, sẽ có "nhiều bước quá độ, nhiều trình độ quá độ khác nhau", nhưng tựu trung chúng chỉ có một "thực chất" đó là "chuyên chính vô sản". Giáo điều này của Lê-nin đã được Trường Chinh khẳng định lại dưới một hình thức quy luật: "Nhớ rằng chuyên chính vô sản là một trong những nguyên lý bắt buộc cho tất cả các nước muốn thực hiện chủ nghĩa xã hội".

Kết luận tất yếu phải rút ra là cách mạng Việt Nam do công sản tiến hành nhất định phải là "chuyên chính". Khi còn ở giai đoạn dân chủ nhân dân thì "chuyên chính công nông" (nằm trong phạm trù chuyên chính vô sản - Trường Chinh chú thích như vậy), khi chuyển sang "xã hội chủ nghĩa" thì "chuyên chính vô sản". Hai bước này, cộng sản Việt Nam đã đi không chệch hướng trong suốt hơn 4 thập niên, với cao điểm là những năm 80. Từ đầu thập niên 90, đà tiến ấy bỗng như mất hết động lực, những chỉ dấu của một quá trình băng hoại đã xuất hiện. Nhưng nói Cách mạng tháng Tám là nói khâu mở đầu cho hai bước đi này để cách mạng được bắt đầu.

C. Cách mạng tháng Tám thành công như thế nào ?

Chính biến mùa Thu năm 1945 đúng ra đã không mang lại bất cứ một thành công cách mạng nào, dù cách mạng dân chủ nhân dân hay cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì chúng chưa bắt đầu. Nói làm Cách mạng tháng Tám "thành công" là để tuyên truyền. Thật ra, bản thân chính biến này cũng không mang dự án cách mạng mà cộng sản đã vạch ra từ trước.Do đó, nó chỉ là một vụ "cướp chính quyền" để Đảng làm cách mạng. Trường Chinh gọi đó là "tổng khởi nghĩa". Người thầy của cách mạng cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh, trong thư gửi đồng bào nhân dịp tổng khởi nghĩa này cũng chỉ thúc dục tiến lên dưới lá cờ Việt Minh, không đả động gì tới cách mạng cộng sản: "Hỡi đồng bào yêu quý! GiờÇ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đem sức ta mà giải phóng cho ta. Nhiều dân tộc bị áp bức đang đua nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!".

Vậy nói Cách mạng tháng Tám đã thành công thì chỉ có thể là vì nó đã cướp được chính quyền cho Đảng. Thế thôi. Nhưng nếu vậy thì lại đặt ra những vấn đề mới. Cướp chính quyền cho ai? Cướp chính quyền để sau đó sẽ làm gì? Và những việc làm này có giải quyết được vấn đề tiến bộ không?

Thực tế chính trị hơn nửa thế kỷ đã qua đã trả lời câu hỏi thứ nhất" cướp cho Đảng Cộng sản". Thực tế này cũng trả lời cả câu hỏi thứ hai: để Đảng thiết lập "chuyên chính" dưới nhiều hình thức (chuyên chính công, nông, chuyên chính vô sản mà chuyên chính là cường đoạt nhân quyền). Câu hỏi thứ ba, muốn trả lời phải vượt ra khỏi hệ thống tư tưởng cộng sản. Nếu không, câu trả lời đã sẵn rồi "có tiến bộ". Lập luận như vậy là không rút ra được những bài học của quá khứ. (Xin đọc trong số báo sau: Phần II, *Cách nhìn của những người không cộng sản*).

Trần Thanh Hiệp

(1) Đảng Cộng sản lãnh đạo Mặt trận Việt Minh cướp chính quyền, Đảng Cộng sản đã lập ra Mặt trận Việt Minh (xem Báo cáo đd và cuốn *Cách mạng tháng Tám* của Trường Chinh)

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Ông Lý Đăng Huy đưa ra thuyết "lưỡng quốc luận"

Tổng thống Đài Loan, ông Lý Đăng Huy, lại vừa làm chính q uyền Bắc Kinh thêm bực tức với thuyết "lưỡng quốc luận". Trong bài trả lời phỏng vấn cho một đài phát thanh Đức vào đầu tháng 7, ông Lý Đăng Huy nói rằng từ nay sự bang giao giữa Đài Bắc và Bắc Kinh dựa trên "quan hệ đặc thù giữa hai nước". Ông Huy biện minh lời tuyên bố của ông là do sự nhận xét cụ thể về hai chính phủ đã có từ nửa thế kỷ qua. Điều này không có gì mới lạ. Dù vậy, Bắc Kinh lấy cớ này đặt quân đội trong tình trạng báo động và cho thao diễn hải quân ngoài khơi hai tỉnh Phúc Kiến và Hạ Môn để làm áp lực lên Đài Loan giống như tình trạng vào cuối năm 1995 và đầu 1996 vào lúc nhân dân đảo này sắp tuyển chọn tổng thống qua phổ thông đầu phiếu. Người ta có thể đoán là Bắc Kinh sẽ giữ tình trạng này cho đến tháng 3 năm tới vì nhân dân Đài Loan sẽ bầu để chọn tổng thống mới.

Theo hiến pháp Đài Loan, ông Huy không thể ra ứng cử lần thứ hai. Người được Quốc Dân Đảng đưa ra ứng cử là ông Liên Chiến (Lian Chan), hiện là phó tổng thống. Tuy nhiên cục diện chính trị của đảo này không đơn giản. Cựu thống đốc đảo, ông Tống Sở Du (Song Chu Yu), người của Quốc Dân Đảng cũng tuyên bố sẽ ra tranh cử. Số là ông Du bất mãn vì chức thống đốc Đài Loan không còn do dân cử mà do tổng thống bổ nhiệm. Cách đây một năm ông bị ông Trần Thủ Bác (Chen Shu Po) thay và từ đó ông dần dần lạnh nhạt với chính quyền mặc dù ông là một thành viên của ban thường trực (bộ chính trị) của Quốc Dân Đảng.

Về phía đối lập trong Dân Tiến Đảng, tình hình ở ban lãnh đạo cũng không sáng sủa hơn. Cựu chủ tịch của đảng này, ông Hứa Tín Lương (Xu Xin Liang) cũng tuyên bố sẽ ra tranh cử sau khi chính thức rời khỏi đảng. Ông này cũng bất mãn vì trong năm 1996, Dân Tiến Đảng đã đưa ông Bành Minh Mẫn (Peng Ming Min) ra tranh cử và lần này lại đề cử cựu thị trưởng Đài Bắc, ông Trần Thủy Biển (Chen Sui Bian).

Thuyết "lưỡng quốc luận" của ông Huy không những bị Bắc Kinh lên án mà còn là đề tài tranh cãi của các đảng phái của đảo. Theo Bắc Kinh, ông Huy đưa ra thuyết này với ý đồ làm họ nóng giận, dùng vũ trang đe dọa khiến tình hình sôi động hầu có cơ hội "gia hạn" nhiệm kỳ sắp hết vào tháng 3 năm tới. Điều nghịch thường là ông Trần Thủy Biển cho lời tuyên bố của ông Huy "phù hợp với trào lưu" trong khi ông Tống Sở Du và ông Hứa Tín Lương hoàn toàn chống đối. Ông Du còn trách ông Huy là đã thách thức vô ích Bắc Kinh với lời tuyên bố mà ông cho là thiếu thận trọng. Ngay sau đó, ông Du bị đặt ra ngoài Quốc Dân Đảng, nhưng từ "trục xuất" không được dùng trong trường hợp này.

Cục diện chính trị giữa Đài Bắc và Bắc kinh và trong nội bộ còn hứa hẹn nhiều bất ngờ. Ngày 12-8-1999 vừa qua, Bắc Kinh tuyên bố là chuyến công du sang Đài Bắc của ông Uông Đạo Hàm (Wang Dao Han), chủ tịch bang giao giữa hai bờ eo biển, dự trù vào tháng 1 năm tới sẽ bị hoãn lại vì cuộc tuyển cử tổng thống của Đài Loan.

Môn phái Pháp Luân Công bị cấm

Sau đúng ba tháng do dự, ngày 22-7-1999, chính quyền Bắc kinh cấm môn phái Pháp Luân Công trên toàn quốc. Báo Nhân Dân ra ngày 23-7 dành hai trang đầu cho sự kiện này. Trang đầu, ngoài bài xã luận, có ba thông cáo của Bộ Dân Chính, Bộ Công An và Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng. Trang hai, "đặc biệt" dành cho thân thế và những hành động mà chính quyền cho là tác hại của ông Lý Hồng Chí (Li Hong Zhi), người sáng lập môn phái Pháp Luân Công.

Điều được mọi người chú ý là thông cáo của Bộ Dân Chính có độ 90 chữ trong khi thông cáo của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng liên quan đến việc cấm đảng viên tập luyện Pháp Luân Công lên đến 2.000 chữ. Lý do do Bộ Dân Chính đưa ra như sau: *"Theo điều tra, Hội Nghiên Cứu Pháp Luân Công Đại Pháp chưa tuân theo luật pháp đăng ký đã tiến hành hoạt động phi pháp bằng cách tuyên dương mê tín, tà thuyết, lừa gạt quần chúng, khiêu động, gây tin thất thiệt, phá hoại ổn định xã hội. Do đó, chiếu theo điều lệ đăng ký của các đoàn thể đại chúng, nhận định là Hội Nghiên Cứu Pháp Luân Công và các tổ chức của nó là phi pháp và quyết định cho cấm chỉ".*

Trong khi đó, thông cáo của Bộ Công An cấm mọi sinh hoạt, phổ biến tài liệu, hình ảnh, băng video, băng cassette, cấm tập họp, biểu tình có liên hệ đến môn phái Pháp Luân Công. Những ai vi phạm lệnh cấm này sẽ bị trừng phạt nặng nhẹ tùy theo tội trạng. Thông cáo của ban chấp hành Đảng nhấn mạnh rằng các đảng viên tham dự sinh hoạt Pháp Luân Công đã làm tổn hại đến hình ảnh của Đảng và để lại một ấn tượng xấu cho xã hội. Thông cáo kêu gọi các đảng viên *"phải đả phá và tố cáo công khai tổ chức của Lý Hồng Chí"*. Nói một cách khác, đảng viên phải làm điểm chỉ cho công an. Bài xã luận viết: *"Nếu chúng ta không thấy bản chất chính trị của Pháp Luân Công và không lấy biện pháp thích đáng thì chúng ta sẽ phạm một lỗi lầm lịch sử"*.

Về bản thân của ông Lý Hồng Chí, bài báo còn đả kích về việc sửa đổi ngày sinh, các hành động tác quái, những huyền thoại của môn phái cũng như đả phá sự kiện đã xảy ra ngày 25-4-1999, ngày mà môn đệ của Pháp Luân Công biểu tình, bao vây Trung Nam Hải. Liền ngay sau đó, bộ máy tuyên truyền của Đảng được huy động để cảnh giác mọi giới trong xã hội về tính chất chính trị phá hoại ổn định xã hội của Pháp Luân Công. Những sách báo, hình ảnh, băng video, băng audio liên hệ tới môn phái này đều bị thiêu đốt trên toàn quốc và hàng ngàn thành viên của môn phái này bị bắt giữ, trong đó có nhiều cán bộ của chính quyền và Đảng.

Qua những sự kiện nói trên, việc cấm đoán dựa trên việc không đăng ký chính thức là một lý do khá hàm hồ, tùy tiện. Chính quyền Bắc Kinh chính thức công nhận là môn phái này đã thành lập 39 trung tâm giảng dạy trong nhiều tỉnh với 1.900 chi nhánh từ năm 1992. Tại sao không cấm từ 7 năm qua? Ngoài ra Bộ Công An còn biết từng chi tiết sinh

hoạt của môn phái này trên toàn xứ cũng như số đảng viên có tập luyện mà trong đó có nhiều người cao cấp. Theo ông Lý Bảo Khố (Li Bao Ku), thứ trưởng Bộ Dân Chính, thành viên môn phái Pháp Luân Công có khoảng hai triệu, trong khi Bộ Công An gián tiếp công nhận là có tới 20 triệu. Còn ông Lý Hồng Chí thì nói có 80 triệu. Con số giữa 20 và 80 có lẽ gần sự thật hơn. Qua thông cáo, Ban Chấp Hành Đảng đã gián tiếp thừa nhận là đa số đảng viên ngày nay không còn tin tưởng ở chế độ nên đã tìm ở Pháp Luân Công một niềm tin duy tâm mới. Ngoài ra chính quyền còn lo là môn phái này có thể lôi kéo một số rất đông người bất mãn vì bị bỏ rơi do việc điều chỉnh các xí nghiệp quốc doanh.

Các hội như Pháp Luân Công chỉ là phản ứng của dân chúng để chống lại áp bức của cường quyền, là một cách để thoát khỏi không khí ngột ngạt, hoàn cảnh khó khăn, không có ý nghĩa, không có tương lai của cuộc sống. Mặt khác, hiện tượng này cũng chứng tỏ sự yếu kém của một chính quyền đã toàn trị gần 50 năm, và vẫn thường huênh hoang là đã tiêu diệt được tận gốc rễ những mê tín, dị đoan. Cuối cùng, với biện pháp đàn áp trên, chính quyền Bắc Kinh đã chính thức biến môn phái Pháp Luân Công thành một tổ chức chính trị đối lập mà hậu quả còn khó đo lường vì như một đệ tử của môn phái này đã nói: *"Càng bị bắt, môn đồ càng đông"*.

Châu Á bị thiên tai

Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh và Nepal là những nước Á Châu bị thiệt hại nặng nề nhất vì bão lụt trong tháng 7 vừa qua. Khoảng 20.000 người không còn nhà cửa tại Đại Hàn, hơn 300 người thiệt mạng tại Trung Quốc vì lụt, hàng trăm người tại Philippines, Thái Lan và Việt Nam đã thiệt mạng hay mất tích. Riêng tại Việt Nam, theo tin ngày 13-8 của Reuters, thì tại miền Trung và miền Nam, đã làm 40 người thiệt mạng và phá hủy 21.000 gia cư, tổn thất ước tính lên đến 19,5 triệu USD, nhưng những địa điểm canh tác quan trọng không bị hủy hại. Indonesia thì lại bị nạn cháy rừng đe dọa trầm trọng.

Bạo loạn tại Đông Timor

Ngày 26-8-1999, bốn ngày trước cuộc trưng cầu dân ý do Liên Hiệp Quốc tổ chức về nền độc lập của Đông Timor, cảnh sát địa phương tại Dili, thủ phủ Đông Timor, đã đốt nhà, nổ súng, ném lựu đạn vào quần chúng và tấn công vào trụ sở của Hội Đồng Quốc Gia Kháng Chiến của người Timor, giết chết ít nhất 4 người và làm nhiều người bị thương, trong đó có phóng viên thông tấn xã Reuters. Cuộc gây hấn này xảy ra sau khi chính quyền Jakarta của ông Jusuf Habibie hứa hẹn sẽ phóng thích lãnh đạo đối lập Xanana Gusmao vào trung tuần tháng 9-1999.

Ông Kofi Annan, tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, đã lên tiếng kêu gọi nhà cầm quyền Indonesia tái lập trật tự công cộng tại Đông Timor và trừng phạt những thủ phạm gây rối.

Momir Talic bị bắt tại Áo

Momir Talic, cựu tổng tư lệnh quân đội Serbo-Bosnia vừa bị cảnh sát Áo bắt giữ vì ông bị tòa án quốc tế kết tội đã bắt đày hơn 100.000 người Hồi Giáo Bosnie và người Croate năm 1992. Momir Talic là nhân vật Serbe cao cấp nhất trong cuộc chiến vừa qua tại Nam Tư đã sa lưới Toà án quốc tế. Momir Talic khét tiếng vì những biện pháp đàn áp, lưu đày, bắt bớ, tra tấn hãm hiếp và ám sát người Hồi giáo và người Croatie trong vùng tự trị Krajina ở phía bắc Bosnie.

Chính phủ Đại Hàn huy động vốn để cứu DaeWoo

Công ty Daewoo đang ở trong tình trạng vỡ nợ với số nợ là 51 tỷ USD, trong đó 9 tỷ USD nợ nước ngoài. Chính phủ Đại Hàn đã phải kêu gọi các ngân hàng ngoại quốc ủng hộ kế hoạch cứu vớt Daewoo. Một số ngân hàng ngoại quốc chủ nợ, trước đây không mấy tin tưởng ở khả năng phục hồi của Daewoo, nay đã sẵn sàng đáp ứng lời kêu gọi của chính phủ Đại Hàn vì một phần số nợ của họ sẽ được chuyển thành cổ phần. Họ cũng sẽ phải chấp nhận xóa sổ một phần nợ. Các ngân hàng ngoại quốc khác thì lại không hài lòng lắm về kế hoạch cứu vớt này.

Các ngân hàng trong nước đã bắt đầu kế hoạch cứu vớt trên. Sau buổi họp ngày 24-8-1999, các ngân hàng này đã quyết định đặt 12 trong số 25 chi nhánh của Daewoo vào tình trạng ngưng trả nợ trong đó có đơn vị đầu tàu của Daewoo là Công ty Daewoo Motors. Các ngân hàng sẽ trực tiếp quản lý các đơn vị này.

Ban lãnh đạo Daewoo thú nhận rằng Công ty không thể tồn tại nếu không có sự giúp đỡ của chính quyền.

Hủy bỏ hợp đồng bắt đường dây điện thoại tại Việt Nam

Hai công ty Cable & Wireless Plc và Bưu điện Viễn thông Việt Nam (BĐVTVN) đã đồng ý hủy bỏ hợp đồng bắt đường dây điện thoại trị giá 207 triệu USD.

Tháng 8-1998, hai công ty đã được giấy phép để thực hiện hợp đồng theo đó công ty Cable & Wireless sẽ bắt, trong vòng 15 năm, 220.000 đường dây điện thoại tại Hà Nội và thu hồi vốn bằng cách chia lợi tức thu hoạch với BĐVTVN. Hợp đồng này đã được các viên chức chính quyền Việt Nam xem như một tiến bộ quan trọng về đầu tư của ngoại quốc tại Việt Nam. Việc hủy bỏ hợp đồng này là một thất bại nữa của Việt Nam trong cố gắng thu hút tư bản ngoại quốc đang giảm một cách đáng lo ngại. Thất bại này tiếp theo sự hủy bỏ của một hợp đồng lớn khác trị giá 360 triệu USD ký với công ty Mỹ Oxbow Energy Corp để xây dựng một nhà máy điện có công suất 300 MégaWatt.

Công ty Cable & Wireless Plc đã bắt đầu thương lượng để hủy bỏ hợp đồng sau khi đã chi 28 triệu USD để bắt 40.000 đường dây. Các dự toán của kế hoạch đã dựa trên cơ sở tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện thoại của vài năm trước là 30-40%/năm. Sự trì trệ của kinh tế Việt Nam khiến độ tăng trưởng này chỉ còn khoảng 10%/năm. Một số các công ty ngoại quốc khác như France Télécom, Nippon Telegraph và Telephone Corp của Nhật đã ký hợp đồng với BĐVTVN, cũng trên nguyên

tắc phân chia lợi tức thu hoạch, cùng đang thương lượng để xét lại hợp đồng.

Một đảng không hồn

Ký giả Huw Watkin của tờ South China Morning Post, viết trong số báo ra ngày 17-8 -1999, dưới tựa đề *"Life goes out of the party in Vietnam"*, như sau:

"Người ta cứ tưởng như đang nghe một nhà truyền giáo mà thực ra là nội dung bài bình luận trên một tờ báo chính thức của một đảng vẫn xem các tôn giáo, trường hợp nhẹ nhất, như những mê tín dị đoan, còn không thì là những đe dọa cho chế độ "

Đạo đức không thể là một giá trị có thể áp đặt cho ai. Nó là một kỷ luật cá nhân tự nguyện. Người ta có thể che giấu những hành vi thiếu đạo đức đối với người khác nhưng không thể lừa dối được lương tâm mình vì làm như vậy chỉ dẫn đến thất vọng và cái giá phải trả cho sự hối cải càng cao hơn khi sự thật được phơi bày...

Nhiều quan sát viên ngoại quốc đã nhận định rằng đảng CSVN đã lỗi thời và sẽ không có khả năng ứng phó với những thách đố của thế kỷ 21. Nhưng không ai dám tiên đoán thời điểm mà đảng CSVN sẽ bắt buộc phải nhường chỗ cho một trật tự chính trị và xã hội mới. Cũng không ai dám đoán trước sự thay đổi đó sẽ xảy ra trong hoà bình hay sẽ đẫm máu, họ chỉ biết chắc rằng quần chúng rất bất mãn."

Cuộc chiến thắng năm 1975 đã in sâu trong ký ức những cựu chiến binh cộng sản nhưng ngày nay, một nửa dân số của hơn 76 triệu người đã sinh ra sau 1975 và những kỷ niệm đó không quan trọng đối với họ bằng những phương cách để thành công và làm giàu...

Do ý thức được sự đe dọa trên và để lấy lại tính cách chính đáng của sự thống trị của Đảng, đảng CSVN đang tung ra nhiều chiến dịch để củng cố lý luận chính trị, tổ chức, đạo đức của cán bộ đảng viên, chống tham nhũng, quan liêu cửa quyền...

Theo ông Đào Duy Quát, một chuyên viên cao cấp về tư tưởng và lý luận của chế độ, thì Đảng sẽ cho tiến hành kiểm kê tài sản của tất cả cán bộ đảng viên và sẽ có biện pháp đối với tất cả những đảng viên có tài sản không có căn cứ...

Nhưng các quan sát viên ngoại quốc không mấy tin tưởng ở sự thành thực trong hành động của Đảng nhất là khi các lãnh đạo cộng sản lại tuyên bố rằng mọi trường hợp có vấn đề sẽ được từng chi bộ cơ sở thảo luận xét xử, góp ý cặn kẽ trước khi công khai hóa... vì như vậy mọi giải quyết sẽ lâu lắc, kéo dài. Cuối cùng Đảng cũng sẽ chỉ thanh trừng một số cán bộ tép riu để phỉnh gạt quần chúng mặc dù ông Đào Duy Quát liệt kê 11.000 đảng viên bị thanh trừng trong khoảng thời gian từ 1996 đến 1998. Theo giáo sư Carlyle Thayer, thuộc Trung Tâm Nghiên cứu các vấn đề quốc phòng liên quan đến khu vực Á Châu và Thái Bình Dương (Asia-Pacific Center for Securities Studies) tại Hawaii, thì số cán bộ bị thanh trừng không quan trọng bằng thành phần những người gia nhập đảng hiện nay. Theo tài liệu của đảng CSVN thì từ 1996 đến 1998 đã có 300.000 đảng viên mới, trong đó chỉ có 1,2% có trình độ đại học. Trong tương lai, gần cũng như xa, Việt Nam sẽ thiếu những cán bộ lãnh đạo có khả năng và trình độ để thiết lập một hệ thống quản lý tiên tiến, điều kiện tiên quyết cho phát triển kinh tế. Theo ông Carlyle Thayer, vấn đề của đảng CSVN là mang hình ảnh một ông già tóc bạc đang càng ngày càng già nua. Các chuyên gia Việt Nam ở ngoại quốc không ai muốn về nước cống hiến tài năng vì bộ máy công kềnh của nhà nước không tạo điều kiện.

Việt Nam sẽ là kẻ lạc đường bơ vơ giữa một thế giới đang tiến bộ không ngừng (Huw Watkin, South China Morning Post ngày 27-8-1999).

Phản đối việc hòa thượng Thích Quảng Độ bị uy hiếp

Hòa thượng Thích Quảng Độ, nay 72 tuổi, đã bị tù vì đòi tự do tôn giáo và dân chủ cho Việt Nam. Sau khi được phóng thích tháng 9-1998 dưới áp lực của quốc tế, ông tiếp tục bị quản chế, theo dõi chặt chẽ. Tuy vậy, vào tháng 7 -1999 vừa qua, ông đã lên tiếng đòi thả hòa thượng Thích Huyền Quang cùng 31 tù nhân chính trị khác. Hòa thượng Thích Huyền Quang, 82 tuổi, lãnh đạo Giáo hội Việt Nam Thống Nhất, đã bị quản chế từ năm 1981.

Một tổ chức tại Texas có tên là Texas Friends For A Free Vietnam Committee đã ra tuyên bố:

1. Cực lực phản đối sự vi phạm những quyền con người căn bản của Chính quyền Việt Nam và lên án việc uy hiếp hòa thượng Thích Quảng Độ

2. Đòi phóng thích ngay lập tức hòa thượng Thích Huyền Quang

3. Khẩn thiết kêu gọi những công dân Texas, Hoa Kỳ ủng hộ những đòi hỏi trên và kêu gọi Quốc Hội Mỹ và tổng thống Mỹ hãy ngưng thương lượng trao đổi thương mại (Trade Agreement) với Việt Nam cho tới khi Việt Nam thả hết tù nhân chính trị và hủy bỏ nghị quyết 31/CP.

4- Kêu gọi tất cả các quốc gia, các tổ chức, các cơ quan truyền thông ưa chuộng tự do sử dụng ảnh hưởng của họ để đòi chính quyền Việt Nam phải chấm dứt đàn áp, uy hiếp những công dân không cùng chính kiến.

Nhà cầm quyền VN phá hủy bốn nhà thờ

Tại xã Bình Phước, khi còn thuộc tỉnh Sông Bé, một nhóm công giáo mang tên Liên Đới Công Giáo Toàn cầu (Christian Solidarity Worldwide- CSW) qui tụ những giáo dân thuộc sắc tộc người M'nông, tương đối được tự do hành xử quyền tín ngưỡng của họ trong nhà thờ mà họ tự xây tại làng Thọ Sơn. Từ khi Bình Phước tách ra khỏi tỉnh Sông Bé, nhà cầm quyền địa phương bắt đầu có biện pháp cứng rắn đối với tổ chức tôn giáo này và bắt họ phải ký giấy cam kết tự nguyện phá nhà thờ Dakla đang cần tu bổ. Khoảng 150 tín đồ M'nông đã túc trực trong nhà thờ chống lại những hành động phá nhà thờ. Đầu tháng 7-1999, chính quyền địa phương trở lại với 50 người trang bị đầy đủ vũ khí và bắt đầu đập phá nhà thờ. Sau đó họ còn đập phá ba nhà thờ khác, nhà thờ cuối cùng vào ngày 30-7. Nhà cầm quyền địa phương tuyên bố sẽ nhất quyết phá tất cả những cơ sở tôn giáo trong vùng (không biết chỉ nhắm vào tổ chức CSW hay nói chung cho mọi tôn giáo). Đại diện tổ chức CSW đã gởi

kháng thư cho nhà cầm quyền Việt Nam tố cáo những hành vi cấm đạo, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng đã được ghi trong hiến pháp.

Chính quyền Việt Nam đã ra nghị quyết 26/1999/ND-CP, tháng 4-1999 xác định quyền tự do tín ngưỡng nhưng điều 5 của nghị quyết cấm chỉ những sinh hoạt tôn giáo có tính cách mê tín dị đoan hoặc không lành mạnh. Với nội dung thiếu chính xác của điều này, nhà cầm quyền tự do suy diễn, đánh giá các hoạt động tôn giáo để đàn áp khi cần.

Quân đội Việt Nam xuống cấp bi đát

Thượng tướng Phạm Văn Trà, bộ trưởng quốc phòng, đã sang thăm chính thức Liên Bang Nga đầu tháng 7 vừa qua để yêu cầu Nga trợ giúp Việt Nam về mặt quân sự. Hai bên đã ký một hiệp ước hợp tác, theo đó Nga sẽ tiếp tục trợ giúp quân đội Việt Nam. Các quan sát viên đều cho rằng hiệp ước này sẽ không thực hiện được vì chính Nga cũng đang khủng hoảng kinh tế trầm trọng và quân lực Nga cũng đang sa sút.

Ông Trà đã tiết lộ những sự kiện trầm trọng. Theo ông, quân đội Việt Nam hiện không còn khả năng tài chính để tài trợ cho các chương trình huấn luyện nữa. Quân Đội Nhân Dân Việt Nam từng được thế giới ngưỡng mộ về khả năng chiến đấu hiện nay đã phá sản và không còn khả năng đương đầu với một cuộc xâm lăng qui mô nữa. Trong trường hợp Trung Quốc xâm lăng Việt Nam, như hồi đầu năm 1979, quân đội Việt Nam sẽ phải bỏ các thành phố để rút về kháng chiến bằng du kích.

Về số lượng, quân đội Việt Nam vẫn còn khá đông, 607.000, trong đó có 200.000 bộ binh chính qui nhưng phương tiện di chuyển và vũ khí, nhất là pháo và chiến xa, phần lớn đã hư hỏng mà không được thay thế vì thiếu tài chánh.

Ngân sách dành cho quốc phòng đã giảm từ 18% mười năm trước xuống còn 3,7% hiện nay (khoảng một tỷ USD). Việc cắt giảm ngân sách quốc phòng này một mặt đã buộc Việt Nam phải giảm quân số gần 50%, mặt khác phải giảm tài trợ cho phần còn lại. Các đơn vị được thông báo phải tự canh tác để tự túc lương thực, họ chỉ được cấp từ 60 đến 70% mức lương thực cần có. Khoảng 100.000 người được cắt đặt vào những công ty của quân đội mà mục đích chính thức là để giúp quân đội có thêm lợi tức. Các cơ sở này làm đủ mọi hoạt động, từ may quần áo, sản xuất giầy dép đến khách sạn.

Sự sa sút của quân đội Việt Nam có nguyên nhân chính là chủ yếu dựa vào ngoại viện và nguồn ngoại viện hiện nay kể như không còn nữa.

Gần đây, một nguồn tin tình báo phương Tây cho hay bộ trưởng Lào, tướng Choumaly Chaiya, đã bí mật sang Việt Nam để thảo luận kế hoạch phòng thủ chung cho hai nước trong trường hợp bị Trung Quốc tấn công. Hai bên thỏa thuận nếu biến cố này xảy ra sẽ lấy vùng rừng núi Lào làm trung tâm chỉ huy du kích chiến.

Trong tình hình yếu kém như vậy, càng ngày Việt Nam càng sợ đụng độ với Trung Quốc. Dưới áp lực của Trung Quốc, Việt Nam đã phải hoãn chuyến thăm viếng của bộ trưởng quốc phòng Mỹ Cohen được dự trù vào tháng 9 này.

Việt Nam phá kỷ lục thế giới về phá thai

Việt Nam hiện giữ kỷ lục thế giới về phá thai. Đó là nhận xét của ông Erik Palstra, thuộc Quỹ Dân Số của Liên Hiệp Quốc, sau chuyến công tác tại Việt Nam.

Riêng tại Hà Nội, trong sáu tháng đầu năm nay, đã có 3325 vụ phá thai công khai được ghi nhận. Nhưng ông Palstra cho rằng con số phá thai thực sự còn cao hơn nhiều vì có rất nhiều vụ phá thai lén lút.

Nguyên nhân của việc gia tăng phá thai là thiếu condom (bao cao su ngừa thai) và sự gia tăng quan hệ tình dục của thanh thiếu niên ngoài hôn nhân. Hai sự kiện này giải thích sự gia tăng của số người bị nhiễm siêu vi khuẩn HIV (SIDA, AIDS) mà gần 36,8% là thanh niên dưới 30 tuổi. Chuyên viên Liên Hiệp Quốc cảnh giác rằng phá thai quá nhiều như vậy có thể ảnh hưởng lớn đến tâm lý phụ nữ và gây những hậu quả trầm trọng cho xã hội. Liên Hiệp Quốc dự định cấp cho Việt Nam 50 triệu USD để chế tạo condom, chính quyền Việt Nam ý thức được rằng Việt Nam đang thiếu condom một cách trầm trọng nhưng không có tiền để giải quyết.

Tâm lý các thiếu nữ Việt Nam hiện nay cũng thay đổi nhiều nhưng không thay đổi theo chiều hướng tốt. Trong một cuộc phỏng vấn điều nghiên với 125 thiếu nữ ở lứa tuổi từ 15 đến 18 tuổi, 25% cho biết họ đã làm tình với bạn trai trong vòng một tháng sau khi quen nhau, 50% cho biết họ đã làm tình vì không nhịn được và 10% vì tò mò.

Về bệnh SIDA, chính quyền Việt Nam cho biết năm 1998 đã có khoảng 15.000 trường hợp nhiễm siêu vi khuẩn HIV được chính thức ghi nhận, một con số rất thấp so với thực tế, nhưng năm tới con số đó có thể lên đến 200.000. Chính quyền đang cố gắng giáo dục thanh niên về những nguy cơ nhiễm trùng.

Một tình trạng bi đát khác là thiếu nhi. Hiện có khoảng 40% trẻ em thiếu dinh dưỡng (47% tại nông thôn). Số trẻ sơ sinh chết đã gia tăng 8% và số trẻ em chết khi chưa đầy 12 tháng đã gia tăng ở tỷ lệ kinh khủng: 35% chỉ trong vòng một năm qua.

Liên Hiệp Quốc cũng nhìn nhận một vài dữ kiện tích cực: thông tin về sức khỏe khá phong phú và tỷ lệ biết đọc biết viết cao.

Sắp có đợt sa thải lớn

Chiều 18-8-1999, tại Hà Nội, ông Đào Duy Quát đã họp với các phóng viên nước ngoài để công bố kết quả của hội nghị ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ bảy, họp từ ngày 9 đến 16-8-1999.

Ông Quát cho biết từ đây đến đại hội 9 của Đảng Cộng Sản Việt Nam (năm 2000), tất cả các cơ quan của đảng và nhà nước cộng sản đều sẽ giảm nhân sự.

Tức thời sẽ bắt đầu ngay tại bộ chính trị. Các ban tham mưu của bộ chính trị sẽ được xét lại; ban nào cần mới được giữ. Về phía nhà nước, từ văn phòng thủ tướng đến các bộ và mọi cơ quan đều sẽ phải rà soát lại theo hướng tinh giảm tối đa (tinh giảm là từ để chỉ sa thải). Văn phòng quốc hội và các cơ quan thuộc quốc hội cũng sẽ trải qua cùng một biện pháp "tinh giảm tối đa". Các đoàn thể

khác (Mặt Trận Tổ Quốc, Công Đoàn, các hội phụ nữ, nông dân, đoàn thanh niên do nhà nước thành lập) cũng sẽ phải sa thải bớt nhân sự.

Song song với đợt sa thải này, những người còn được giữ lại sẽ được tăng lương. Lương căn bản hiện nay là 144.000 VND (10 USD) mỗi tháng sẽ dần dần được nâng lên và cho đến năm 2001 sẽ đạt mức 200.000 VND (14 USD nếu hối suất không đổi).

Những biện pháp này một lần nữa cho thấy là đảng cộng sản định đoạt tất cả. Nhưng chính đảng lại không còn đoàn kết để định đoạt cho chính mình bởi vì hội nghị 6 đã phải họp hai lần mà không thay đổi được một cấp lãnh đạo nào cả, trong khi vấn đề chỉnh đốn đảng và cải tổ nhân sự là mục tiêu được đề ra. Lần này, theo ông Quát, hội nghị đã không bàn tới vấn đề cải tổ nhân sự nữa.

Không có đoàn kết, đảng cũng không có cả phẩm chất vì theo chính thông báo của hội nghị thì *"đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế cả về năng lực và tinh thần trách nhiệm"* (trích nguyên văn) và *"tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng... tăng lên* "(nguyên văn).

Thông báo của hội nghị 7 BCHTU, cũng như ông Quát, không đề cập đến một đợt sa thải lớn hơn sắp xảy ra mà mọi quan chức đảng và nhà nước đều nói tới là giảm công nhân viên trong các xí nghiệp quốc doanh để thích ứng với tình hình mới sau thỏa ước thương mại Việt Mỹ. Các chuyên gia ước lượng sẽ có hàng trăm ngàn công nhân viên mất việc. Đạo quân thất nghiệp này sẽ còn gia tăng thêm với con số một triệu rưỡi thanh niên đến tuổi lao động hàng năm.

Bùi Tín vô thần?

Từ ngày ly khai với đảng cộng sản, năm 1990, Bùi Tín, cựu đại tá phó tổng biên tập báo Nhân Dân, đã bị buộc đủ thứ tội: phản đảng, phản quốc, kể cả tội sống nghèo khổ bơ vơ tại Paris không được ai để ý đến. Nhưng mới đây, ngày 25-8-1999, Bùi Tín lại có thêm một tội mới, tội vô thần.

Bà Phạm Thúy Thanh, phát ngôn viên bộ ngoại giao Việt Nam, lên án Bùi Tín đã "xúc phạm đến tình cảm thiêng liêng của nhân dân Việt Nam đối với vị lãnh tụ kính yêu".

Bà Thanh đã bình luận như vậy sau một bài báo của Bùi Tín viết cho tuần báo Time, mặc dầu theo bà, đó chỉ là bài của một tên phản bội không xứng đáng để bình luận.

Thực ra, Bùi Tín đã viết một bài rất khách quan và chừng mực, và còn có thể bị nhiều người chống cộng cho là bênh vực Hồ Chí Minh. Bùi Tín cho rằng chính người Pháp, do ý đồ muốn tái lập ách thống trị tại Đông Dương, đã có trách nhiệm chính trong việc gây ra chiến tranh chứ không phải Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã làm tất cả những gì có thể làm để chiến tranh không xảy ra. Về cuộc chiến thứ hai (1960-1975), Bùi Tín cũng cho rằng trách nhiệm là ở người Mỹ đã ngăn chặn tổng tuyển cử như hiệp định Genève đã tiên liệu (Bùi Tín không giải thích đó có thể là tổng tuyển cử thực sự tự do hay không). Bùi Tín cũng viết rằng ông tin là nếu Hồ Chí Minh còn sống sau ngày 30-4-1975, ông có thể sẽ tránh cho Việt Nam nhiều đổ vỡ vì ông khôn ngoan hơn và cũng thâm hơn những người sau ông. Điều đã làm chính quyền cộng sản phản ứng một cách giận dữ là Bùi Tín cho rằng đảng cộng sản đã ngụy tạo chân dung Hồ Chí Minh. Cuộc đời Hồ Chí Minh có nhiều vùng tối, chẳng hạn ngay ngày sinh của ông cũng không chính xác. Bùi Tín cho rằng Hồ Chí Minh có trách nhiệm lớn là đã thực hiện chính sách Stalin tại Việt Nam, tiêu diệt thành phần tư sản, lập ra các nhà tù giam giữ trí thức. Đó là một đại họa cho Việt nam. Bùi Tín cũng tố giác Hồ Chí Minh đã dùng bí danh Trần Dân Tiên để viết sách tự ca tụng mình. Việc xuất ngoại của Hồ Chí Minh được đảng cộng sản đề cao là ra đi tìm đường cứu nước, nhưng Bùi Tín bác bỏ lập luận tuyên truyền này và vạch ra rằng Hồ Chí Minh chỉ ra đi để tìm sự nghiệp cá nhân cho mình như những tài liệu tìm được sau này chứng tỏ. Bùi Tín cũng mỉa mai việc đảng cộng sản lập bàn thờ Hồ Chí Minh ở khắp nơi, thờ ông như một ông thánh đưa đến hậu quả tức cười là nhiều nơi người ta cúng Hồ Chí Minh một cách mê tín, như xin cho con lành bệnh.

Bùi Tín kết luận: "Trong lúc này, nếu tôi gặp được Hồ Chí Minh, tôi sẽ hỏi ông giải thích cho tôi khẩu hiệu "Không có gì quí hơn độc lập tự do". Phải chăng đó là thứ tự do tập thể như Viện Mác Lênin giải thích? Nếu như vậy thì Việt nam tụt hậu so với thời đại hai thế kỷ, tội nghiệp cho Việt Nam và tội nghiệp cho Bác Hồ!".

Bà Phạm Thúy Thanh tuyên bố là nhân dân Việt Nam vô cùng phẫn nộ vì bài báo của Bùi Tín. Nhưng không biết làm thế nào nhân dân Việt Nam có thể đọc bài đó để mà phẫn nộ vì mọi số báo Time gởi sang Việt Nam, kể cả báo gởi cho những người mua dài hạn đều bị cơ quan kiểm duyệt xé bỏ hai trang có đăng bài của Bùi Tín.

Chính quyền Pháp đã tích cực can thiệp cho Nguyễn Thanh Giang

Trong văn thư đề ngày 22-7-1999 gởi cho ông Nguyễn Gia Kiểng, chủ tịch Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam, ông Thierry Dana, cố vấn của tổng thống Pháp Jacques Chirac đã cho biết:

"Chính quyền Pháp đã nhiều lần can thiệp yêu cầu chính quyền Việt Nam làm một cử chỉ khoan dung đối với nhân sĩ này (tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang). Ngày nay nước Pháp hân hoan về việc phóng thích ông ngày 10-5 vừa qua.

Nước Pháp lúc nào cũng quan tâm đến tình trạng nhân quyền tại Việt Nam. Trong mọi dịp tiếp xúc giữa hai nước, nước Pháp luôn luôn nhắc nhở nhà cầm quyền Việt Nam mong đợi của mình là được thấy cởi mở kinh tế đi đôi với dân chủ hóa thực sự và thăng tiến của các quyền tự do cá nhân. Đó cũng là thông điệp mà Liên Hiệp Châu Âu thường xuyên gởi tới nhà đương cuộc Việt Nam".

Ngay sau khi Nguyễn Thanh Giang bị bắt giữ, Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam đã yêu cầu tổng thống và chính quyền Pháp can thiệp bênh vực ông.

Nguyễn Thanh Giang tiếp tục bị sách nhiễu

Mặc dù đã được trả tự do từ ngày 10-5, Nguyễn Thanh Giang và gia đình vẫn tiếp tục bị sách nhiễu và trù dập gắt gao.

Trên nguyên tắc, ông Giang được trả tự do không điều kiện nhưng công an lại tuyên bố bằng miệng là ông vẫn còn ở trong tình trạng điều tra và do đó không

được đổi nơi cư trú, mọi di chuyển phải thông báo cho chính quyền. Sau nhiều yêu cầu được lặp lại, chính quyền đã trả lại máy computer cho gia đình ông nhưng cấm không được sử dụng Internet. Sở dĩ họ chịu trả lại máy là vì bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, vợ ông Giang, cần máy đó để làm việc cho một chương trình xã hội của nhà nước. Bà Tuyết Mai, đảng viên đảng cộng sản, từng là ủy viên ban chấp hành Hội Phụ Nữ Việt Nam. Mọi tài liệu và máy photocopy vẫn còn bị tịch thu.

Hàng tuần ông Giang phải "làm việc" với một sĩ quan công an cao cấp, có khi là chính thiếu tướng Phạm Chuyên, ủy viên ban chấp hành trung ương đảng cộng sản, giám đốc Sở Công An Hà Nội. Cứ tuần tự một lần ông Giang tới sở công an và một lần công an tới nhà ông. Các cuộc nói chuyện đều không có nội dung, công an không đặt một câu hỏi nào mà chỉ nói chuyện bâng quơ về sức khỏe và gia đình. Mục đích của những cuộc gặp gỡ này chỉ là để giữ ông Giang trong tình trạng điều tra càng lâu càng hay.

Chính quyền đã sử dụng những biện pháp rất nhỏ mọn đối với ông. Họ tổ chức những buổi học tập ở nhiều cơ quan và địa phương, ngay cả ở quê hương ông, bôi nhọ ông Giang là nhận tiền của nước ngoài để chống nhà nước. Ông Giang coi đó là một biện pháp đê hèn, tuy nhiên những hành động bôi nhọ này cũng đã gây thắc mắc ngay nơi những thân quyến của ông ở Thanh Hóa. Ông Giang có hai người con, người con trai là Nguyễn Giang Vũ tốt nghiệp Master of Sciences (hiện nay trong nước dịch là thạc sĩ) về địa chất, phục vụ tại Tổng Cục Dầu Khí, người con gái là Nguyễn Mai Thủy, thạc sĩ về dân tộc học, làm việc tại Bộ Lao Động. Cả hai đã bị cho nghỉ việc sau khi ông Giang bị bắt. Mai Thủy hiện nay đã tìm được việc làm tại một công ty Anh, còn Giang Vũ vẫn còn thất nghiệp.

Vụ bắt Nguyễn Thanh Giang diễn ra như sau, theo lời kể của một người có mặt tại nhà ông Giang lúc đó. Chiều ngày 4-3-1999, ông Giang đi họp tại Trung Tâm Khoa Học Công Nghệ mà ông là cố vấn, trên đường về ông ghé bưu điện để gởi hai lá thư. Ngay khi đó, toán công an đã theo dõi ông từ trước ập lại bắt ông, với mục đích bắt quả tang ông gởi tài liệu ra nước ngoài. Nhưng đó chỉ là hai lá thư bình thường. Sau đó ông Giang được giải về nhà, hai mươi công an lục soát tan hoang tìm bằng cớ. Họ đã chỉ tìm được những bài viết của Nguyễn Thanh Giang với những người dân chủ trong nước, trong đó có bài của ông Nguyễn Trung Trực tố giác nhiều cấp lãnh đạo cao cấp là tham nhũng. Những tài liệu này chỉ có thể gây bực bội chứ không là những bằng chứng buộc tội vì chúng đều được gởi cho đảng và nhà nước. Sau cùng họ đã tìm được một số thư của Nguyễn Gia Kiểng trao đổi với ông Giang một số ý kiến. Không khí bỗng tưng bừng hẳn lên, công an hí hửng đã tìm được bằng cớ buộc tội ông Giang. Họ tuyên bố bắt ông Giang về tội hoạt động chống nhà nước. Ông Giang đã dõng dạc tuyên bố: "Các ông đã quyết định bắt tôi trước khi tới. Các ông hãy nhớ điều đó". Ông Giang bị giải về sở công an rồi sau đó được chuyển tới trại B14.

Ông Giang bị giam giữ 66 ngày, và đã tuyệt thực hai lần để phản đối. Mỗi lần để thuyết phục ông thôi tuyệt thực, công an lại hứa sẽ trả tự do. Sau cùng ông bị lên áp huyết cao và từ chối uống thuốc cho đến khi được trả tự do thực.

Sáu người trong vụ Minh Phụng-Epco bị kết án tử hình

Các bị can Tăng Minh Phụng, Liên Khui Thìn, thuộc ban giám đốc công ty Minh Phụng, Phạm Nhật Hồng và Nguyễn Ngọc Bích, chuyên viên cao cấp ngân hàng, Nguyễn Tuấn Phúc, chuyên viên hãng EPCO và Nguyễn Xuân Phong, một nhân viên cao cấp của một công ty quốc doanh địa phương đã bị án tử hình trong vụ tham nhũng, biển thủ tài sản nhà nước để đầu cơ vào nhà đất vào giữa năm 1990 gây thiệt hại 280 triệu USD. Bị can Lê Minh Xu, một cựu lãnh đạo của một công ty xuất nhập khẩu tại Thành phố HCM lãnh án tù chung thân. Ông Lê Minh Xu còn bị một án chung thân khác vì tội nhập khẩu lậu gỗ với trị giá 73,1 triệu USD.

Các phóng viên nước ngoài đã không được phép theo dõi phiên xử.

"12 Ngày Tuyệt Thực Trong Trại Giam B14"

Tù tội, quản chế, hăm dọa, bêu xấu, những ngón đòn cố hữu của công an trong một chế độ độc tài không thể làm nhụt chí người trí thức. Nguyễn Thanh Giang lại dõng dạc lên tiếng qua ký sự *12 Ngày Tuyệt Thực Trong Trại Giam B14*. Lên tiếng trước hết để tỏ lòng biết ơn bạn bè trong nước cũng như hải ngoại, người Việt cũng như người ngoại quốc, đã lên tiếng, ký tên ủng hộ, viết thư can thiệp khi ông bị bắt giam. Lên tiếng để tố cáo những hành vi thấp hèn của các "Quân sư Văn hóa Tư tưởng" vẫn đang tiếp tục tìm cách bôi nhọ ông. Nguyễn Thanh Giang kể lại việc ông bị bắt trên đường phố, bị đưa về nhà lục soát, bị hỏi cung, việc ông tuyệt thực trong nhà giam, việc vợ con ông bị liên lụy trù dập... Nguyễn Thanh Giang viết với văn phong quen thuộc mà chúng ta được biết trước khi ông bị bắt, vẫn không thay đổi: hành văn chính xác của một nhà khoa học, tư cách ung dung của một kẻ sĩ. Vì ký sự dài khoảng 15 trang đánh máy, Thông Luận tiếc là không đăng lại được trong khuôn khổ của tờ báo. Tuy nhiên, ngay khi được phổ biến tại hải ngoại, ký sự *12 Ngày Tuyệt Thực Trong Trại Giam B14* đã được để ngay trên mạng lưới thông tin Internet. Kính mời quí độc giả đọc trên Website của Thông Luận: http://www.thongluan.org.

THÔNG LUẬN
Nguyệt san
Thông tin Nghị luận
Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số);

Địa chỉ liên lạc :
Association VietNam Fraternité,
124bis rue de Flandre
75019 PARIS, FRANCE

Giá báo một năm : Âu Châu 200 FF
hoặc tương đương.

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề :
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

THỜI SỰ... TIN TỨC...

Nguyễn Đan Quế ủng hộ Thỏa ước Thương mại Việt-Mỹ

Ngày 26 tháng 8, 1999, phóng viên Reuters tại Hà Nội đã loan đi nội dung một cuộc phỏng vấn bằng điện thoại của Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, một nhân vật đấu tranh cho nhân quyền hàng đầu tại Việt Nam.

Bác sĩ Quế lên tiếng kêu gọi Hà Nội và Washington nhanh chóng phê chuẩn thỏa ước thương mại Việt Mỹ vì cho rằng thỏa ước này sẽ góp phần làm suy yếu sự kiểm soát chính trị của nhà cầm quyền Hà Nội. Ông nói: *"Nó có lợi... vì đảng Cộng sản Việt Nam sẽ mất đặc quyền kinh tế chế ngự dân chúng Việt Nam. Nó có lợi cho nhân quyền và dân chủ ở Việt Nam".*

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, năm nay 57 tuổi, người đã từng bị tù 20 năm trong thời gian 23 năm qua vì dám nói lên quan điểm chính trị của ông, cũng cho biết rằng ông muốn được gặp bà ngoại trưởng Hoa Kỳ Madeleine Albright trong thời gian bà viếng thăm Việt Nam từ ngày 5 đến ngày 7 tháng 9 tới đây.

Vẫn qua cuộc phỏng vấn với Reuters, ông Nguyễn Đan Quế kêu gọi những người Việt tại hải ngoại đừng chống đối thỏa ước thương mại Việt-Mỹ. Ông cho rằng cần phải *"gạt qua một bên vấn đề cộng sản trong quá khứ để mở một lằn ranh chính trị mới"*. Ông nói: *"Tôi muốn lên tiếng bày tỏ sự ủng hộ thỏa ước thương mại và có hành động hướng dẫn dư luận quần chúng Việt Nam tại hải ngoại"*. Ông thêm rằng *"trong nước, chúng ta muốn đoàn kết tất cả mọi người và quên đi những chia rẽ xưa cũ, chia rẽ đặt trên nền tảng hai chủ nghĩa quốc /cộng".*

Cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ, và đặc biệt tại Quận Cam, California, rất nhạy cảm về vấn đề này. Theo nhật báo The Orange County Register số ra ngày 27 tháng 8, thì lời tuyên bố của Bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã gây xôn xao dư luận tại đây, các cơ quan truyền thông gồm báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình đều mở ra những cuộc tranh luận chung quanh đề tài này. Nhiều người tỏ ra thất vọng về lời tuyên bố của Bác sĩ Quế, vì nghĩ rằng Hoa Kỳ cần làm áp lực trên nhà cầm quyền Việt Nam để có thêm nhân quyền trước khi ký thỏa hiệp. Thậm chí có dư luận cho rằng ông Quế đã tuyên bố những điều này dưới áp lực của nhà cầm quyền.

Nhưng vẫn theo báo OC Register, ông Hoàng Trọng Thụy - con của ca sĩ Tâm Vấn, người bạn đời của Bác sĩ Quế, hiện sống tại Hoa Kỳ - cho biết ông vẫn liên lạc điện thoại và điện thư với Bác sĩ Quế cho đến đầu tháng này, và ông khẳng định Bác sĩ Quế đã có lập trường ủng hộ thương mại Việt-Mỹ từ trước đây.

Cũng nên nhắc lại, khi Bác sĩ Quế được trả tự do vào đầu tháng 9 năm ngoái, ông đã cương quyết không xuất ngoại mặc dầu có áp lực rất mạnh của nhà cầm quyền. Từ đó đến nay, ông tuy ở nhà nhưng trong tình trạng quản chế, tất cả những liên lạc điện thoại đều bị kiểm soát, tất cả những cuộc tiếp xúc với người ngoài đều bị theo dõi. Ngoài ra, ông đã từng được đề nghị làm ứng viên giải Nobel về hòa bình và là thành viên duy nhất của tổ chức Ân Xá Quốc Tế tại Việt Nam.

Ngày 11 tháng 5 vừa qua, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã ra một tuyên cáo thách thức Bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam, được cộng đồng người Việt hải ngoại nhất loạt hưởng ứng. Gần đây hơn, hôm đầu tháng 8, ông lại lên tiếng kêu gọi những người dân chủ tại quê nhà tập họp lại để thách thức quyền lực của chế độ cộng sản đang cai trị đất nước

Tờ Việt Báo Kinh Tế xuất bản tại quận Cam bình luận: *"Lập trường của Bác Sĩ Quế thật ra không có gì mới lạ, bởi vì trước giờ vẫn được một vài người hải ngoại đề ra, nhưng cứ bị nhiều người cực đoan chụp mũ là* "tiếp tay nuôi đảng CSVN" *hay chủ trương quên đi các chia rẽ cũ thì dễ bị chụp là* "cò mồi hòa hợp hòa giải." *Cho tới buổi chiều hôm Thứ Năm (26 tháng 8), vẫn chưa có tổ chức chính trị hải ngoại nào chính thức lên tiếng về tuyên bố của Bác Sĩ Quế, cũng như chưa có ai chụp mũ BS Quế."* ❑

Giới thiệu sách

Người Trung Quốc Xấu Xí

Nguyên tác : "Sửu Lậu Đích Trung Quốc Nhân" của Bá Dương, Nguyễn Hồi Thủ dịch.
Nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời, Paris, 1999, phát hành.
Sách dày 300 trang, bìa cứng màu cá hồi, khổ A5.
Một cuốn sách tuy viết về người Trung Quốc nhưng lại còn đúng hơn đối với người Việt Nam.
Một cuốn sách không thể thiếu cho những người quan tâm tới tương lai đất nước.
Giá bán, đã tính cước phí, tại Pháp và Châu Âu : 90 F hoặc tương đương; tại Hoa Kỳ: 20 USD; tại Úc : 25 AUD.
Chi phiếu xin đề Mr NGUYEN và gởi về địa chỉ :
Mr Nguyễn Khôi Minh, 106 avenue Jean Jaurès, 94110 Arceuil, France.

Những Mảnh Đời Rách Nát

Tuyển tập đầu tiên ghi lại cuộc sống của anh em thương phế binh và quả phụ trong nước sau ngày 30-4-1975.
Phan Minh Hiển phụ trách phần liên lạc, Nguyễn Văn Huy biên soạn lại.
Sách dày 350 trang, tranh bìa giấy láng do Đinh Cường vẽ, khổ A5.
Một đóng góp hữu ích cho những người nghiên cứu đời sống xã hội miền Nam sau ngày 30-4-1975.
Một món quà đáng quí, một cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách của mọi gia đình.
Liên lạc:
- Tại Pháp: Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron, 77185 Lognes. Giá 120 Francs (đã kể bưu phí), ngân phiếu xin đề: Mr NGUYEN.
- Tại Đức: Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá 30 Mark (đã kể bưu phí), ngân phiếu xin đề: Mr NGUYEN, hay chuyển vào trương mục: Frankfurt Volksbank eG, konto n°0077708294.
- Tại Bắc Mỹ: Ngày Nay Publishing, P.O.BOX 1149, Maple Grove, MN 55311. Điện thoại: (612) 559-6396.

Thư độc giả

Có dẫn chỉ theo không?

Tôi có chuyện kiện cáo với một ngân hàng. Chính quyền địa phương buộc tôi làm đơn khiếu nại để tư pháp phường và quận giải quyết trước đã. Tôi đã mất gần một năm mới đi đến kết quả là không giải quyết được.

Tại tư pháp phường, bên bị đơn không chịu đến. Muốn có sức mạnh, tư pháp phường phải nhờ công an phường mời bên bị đơn tới họ mới chịu tới, mà "sức mạnh" này không phải cho không, tôi đã phải tốn kém rất nhiều, nhưng rồi phường không giải quyết và trả lại hồ sơ để tôi đem nộp cho tòa án.

Tại tòa án, viên chức tòa bảo tôi "anh là người có quốc tịch nước ngoài, không cần đi qua phường". Tôi nộp hồ sơ cho phòng nộp hồ sơ dân sự. Ở đây, một cán bộ nhận hồ sơ tên Tiến (rất có tiếng tăm) với vẻ mặt căng thẳng bảo tôi: "Hôm nay không nhận hồ sơ, ngày khác đến". Tôi hỏi "ngày khác là ngày nào?". Vẫn một câu trả lời "ngày khác đến".

Bản chỉ dẫn của phòng chỉ ghi "làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, từ 7 giờ 30 đến 12 giờ và từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30".

Cứ mỗi buổi sáng tôi lại đến, gặp nhiều quá hóa quen với ông Tiến. Một hôm ông Tiến hỏi tôi "anh có dẫn chỉ theo không?". Tôi tưởng "chỉ" là "chị ấy", nghĩa là vợ tôi, bèn thực thà trả lời: "Xin lỗi anh, trong việc này vợ tôi không biết". Ông đáp: "Vậy đầu giờ chiều mai anh đến".

Chiều hôm sau, đúng 13 giờ 30, dù trời rất nắng tôi vẫn cố dẫn vợ tôi theo để trình ông Tiến. Sau khi vào phòng gặp ông Tiến và giới thiệu vợ tôi, tôi được ông Tiến cho biết cuối tháng trở lại. Coi như tôi đã được nhận hồ sơ, nhưng vẫn chưa có biên nhận nộp hồ sơ. Tôi hỏi ông Tiến cuối tháng là ngày nào và được trả lời cuối tháng là cuối tháng.

Ngày 27 tôi trở lại gặp ông Tiến, ông hỏi tôi "anh đến đây có chuyện gì?". Tôi thưa: "Thưa anh, tôi đã nộp hồ sơ cho anh hôm 12 để kiện ngân hàng X đã nợ tôi". Ông Tiến hỏi: "Hồ sơ đâu?". Tôi nhắc lại là đã nộp cho chính ông ấy ngày 12 rồi nhưng không có biên nhận. Ông trả lời: "Biết chuyện của anh rồi, ngày khác đến". Tôi bèn năn nỉ: "Thưa anh, tôi đã thưa kiện chuyện này từ hơn một năm nay bây giờ tôi phải về Pháp". Ông Tiến trả lời: "Đây là tòa án, không giải quyết chuyện đi lại của anh, anh phải theo tòa chứ không phải tòa phải theo anh".

Tôi không còn biết nói gì, chỉ biết lặng lẽ ra về, ốm yếu, phiền muộn vì mất tiền, phải về Pháp trị bệnh.

Mãi đến ngày sắp lên máy bay tôi mới được một người quen giải thích rằng "chỉ" không có nghĩa là "chị ấy" mà là "chỉ vàng". Tôi đi làm việc tại Việt Nam từ gần mười năm nay mà vẫn chưa hiểu ngôn ngữ hành chính Việt Nam. Nó thay đổi mau chóng quá.

Trần Minh Xú
(Paris 13)

LTS: Theo một phúc trình của tổ chức Transparency International về tham nhũng, Việt Nam đứng hàng thứ 6 về ăn tiền nhưng đứng hàng thứ nhất, đồng hạng với Ấn Độ, về làm mất thì giờ.

Chẳng bao giờ quên

Nhân đọc bài "Tổ quốc ta" của Nguyễn Gia Kiểng, tôi rất cảm kích câu: *"Dân tộc ta không hèn mà chỉ là một dân tộc bị đả thương quá nặng"*, do đó xin gửi tặng tác giả bài thơ sau đây:

Suốt một kiếp giang hồ rày đây mai đó
Chẳng bao giờ quên hẳn nước Việt Nam
Dầu khổ đau, sướng vui hay nghèo khó
Lòng mãi u hoài khoắc khoải nát tim gan.

Việt Nam là nơi chôn nhao cắt rún
Đất Lạc Hồng của nòi giống Rồng Tiên
Mảnh đất nghèo mấy mươi năm chinh chiến
Xin dân Việt hãy dẹp thù riêng nhường nhịn...

Ôi! Bà Mẹ Việt khổ đau đành câm nín
Nuốt lệ sầu, mong đàn con chung một khối tình.
Để dựng xây hàn gắn những điêu linh
Và chẳng bao giờ quên mình là con nước Việt.

Việt Dương Nhân
(Ivry sur Seine)

Mục lục

1. *Một khúc quanh quan trọng cho Việt Nam* **Thông Luận**
3. *Thỏa ước Thương mại Việt-Mỹ* **Vũ Thiện Hân**
4. *Kosovo và Châu Á-Thái Bình Dương* **Huỳnh Hùng**
5. *Nhập cuộc hay nhập nhằng* **Bùi Tín**
7. *Cảo thơm lần dở trước đèn* **Võ Thanh Liêm**
9. *Tuổi trẻ chuyển mình* **Phạm Phú Đức**
11. *Tin học và con người* **Trần Bình Nam**
13. *Sự hình thành các vùng biên giới miền Nam* **Nguyễn Văn Huy**
17. *Các giá trị Châu Á* **Nguyễn Gia Kiểng**
21. *Nhờ báo Nhân Dân giải thích giùm* **Ngô Hoàng Minh**
22. *55 năm sau nhìn lại: cách mạng hay cướp chính quyền?* **Trần Thanh Hiệp**
25. *Tin tức thời sự*
32. *Thư độc giả*

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam

ủng hộ tinh thần và vật chất các tù nhân chính trị và những người mắc nạn vì tự do dân chủ.

Hội viên tích cực : 200 FF/năm
Hội viên ân nhân : từ 500 FF/năm trở lên

Liên lạc:
Nghĩa Hội Việt Nam Tự Do
Vietnam Libertés
11 Mail Le Corbusier
77185 Lognes - France